

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

KIM THỊ HIỀN

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH PHỤC
VỤ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH MỘT
THÀNH VIÊN CƠ KHÍ Z179**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

HÀ NỘI - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

KIM THỊ HIỀN

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH PHỤC
VỤ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH MỘT
THÀNH VIÊN CƠ KHÍ Z179**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số : 60340301

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. NGHIÊM VĂN LỢI

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn “*Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phục vụ quản trị doanh nghiệp tại Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179*” là công trình nghiên cứu của tôi, với sự hướng dẫn của thầy giáo **PGS.TS Nghiêm Văn Lợi**. Các số liệu nêu trong luận văn là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Tác giả

Kim Thị Hiền

LỜI CẢM ƠN

Qua thời gian nghiên cứu lý luận và thực tế, tác giả đã hoàn thành luận văn thạc sỹ kế toán với đề tài “Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phục vụ quản trị doanh nghiệp tại Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179” Tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành và bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất tới thầy giáo **PGS.TS Nghiêm Văn Lợi**, đã tận tình hướng dẫn, quan tâm giúp đỡ, chỉ bảo và đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu giúp tác giả hoàn thiện Luận văn này.

Tác giả cũng xin tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới thầy cô, các anh chị và bạn bè đã dìu dắt, giúp đỡ trong khóa học. Xin cảm ơn gia đình và bạn bè, những người luôn khuyến khích và giúp đỡ tác giả trong mọi hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành của mình đến các anh chị em đặc biệt là các anh chị phòng kế toán tài chính Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179 đã cung cấp số liệu để tác giả hoàn thành luận văn này.

Trong quá trình thực hiện khó có thể tránh khỏi những khiếm khuyết, vì vậy tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy, cô giáo và bạn đọc để luận văn được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Tác giả

Kim Thị Hiền

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	V
DANH MỤC BẢNG BIỂU	VI
DANH MỤC SƠ ĐỒ.....	VII
Chương 1: GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Tổng quan nghiên cứu.....	2
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	8
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	8
5. Phương pháp nghiên cứu.....	9
6. Kết cấu của luận văn.....	9
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT, TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM PHỤC VỤ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	11
2.1. Khái quát về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp	11
2.1.1. Chi phí sản xuất và yêu cầu thông tin chi phí sản xuất phục vụ quản trị doanh nghiệp	11
2.1.2. Tính giá thành đáp ứng yêu cầu quản trị chi phí sản xuất phục vụ quản trị doanh nghiệp	12
2.1.3. Tổ chức thu thập thông tin chi phí theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp	14
2.2. Phân loại chi phí sản xuất theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp	14
2.2.1. Phân loại chi phí sản xuất theo hình thái	15
2.2.2. Phân loại chi phí theo khoản mục chi phí	17
2.2.3. Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố	18
2.2.4. Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với thời kỳ xác định lợi nhuận	18

2.2.5. Phân loại chi phí sử dụng trong kiểm tra và ra quyết định	19
2.3. Tập hợp chi phí sản xuất phục vụ tính giá thành sản phẩm	20
2.3.1. Đối tượng, phương pháp tập hợp chi phí sản xuất	20
2.3.2. Kế toán chi phí sản xuất	22
2.4. Tính giá thành sản phẩm	34
2.4.1. Phân loại giá thành.....	34
2.4.2. Đối tượng tính giá thành.	36
2.4.3. Đơn vị tính giá thành và kỳ tính giá thành.....	37
2.4.4. Phương pháp tính giá thành sản phẩm.....	38
2.5. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp.....	42
2.5.1. Báo cáo kiểm soát chi phí phục vụ việc đánh giá trách nhiệm quản lý.....	44
2.5.2. Phân tích biến động chi phí phục vụ quản trị chi phí	44
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	46
Chương 3: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM PHỤC VỤ QUẢN TRỊ TẠI CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ Z179	47
3.1. Tổng quan về Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179	47
3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	47
3.1.2. Sản phẩm của Công ty	50
3.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty.....	51
3.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty	54
3.1.5. Các chính sách kế toán hiện đang áp dụng tại Công ty	57
3.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty	58
3.2.1. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất.....	58
3.2.2. Kế toán chi phí nguyên vật trực tiếp.....	60
3.2.3. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.....	62
3.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung.....	63
3.2.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất	67

3.2.6. Đánh giá sản phẩm dở dang	67
3.2.7. Tính giá thành sản phẩm	68
3.3. Đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Z179.....	70
3.3.1. Ưu điểm.....	70
3.3.2. Các bất cập trong hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp tại công ty.....	71
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	74
Chương 4: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM PHỤC VỤ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ Z179	75
4.1. Sự cần thiết, nguyên tắc và yêu cầu hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Z179.....	75
4.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp	75
4.1.2. Nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp.....	76
4.1.3. Yêu cầu của việc hoàn thiện.....	76
4.2. Một số giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp	78
4.2.1. Hoàn thiện việc phân loại chi phí phục vụ quản trị doanh nghiệp	78
4.2.2. Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất.....	81
4.2.3. Hoàn thiện phân bổ chi phí sản xuất chung	85
4.2.4. Hoàn thiện công tác tính giá thành sản phẩm	86
4.2.5. Hoàn thiện báo cáo chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp	86
4.3. Kiến nghị	94
4.3.1. Kiến nghị với Nhà nước.....	94
4.3.2. Kiến nghị đối với doanh nghiệp	95

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4	97
KẾT LUẬN	98
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	98

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CPNCTT	Chi phí nhân công trực tiếp
CPNVLT	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
CPSXC	Chi phí sản xuất chung
GTGT	Giá trị gia tăng
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
KHTSCĐ	Khấu hao tài sản cố định
NVL	Nguyên vật liệu
NVLTT	Nguyên vật liệu trực tiếp
SXC	Sản xuất chung
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TK	Tài khoản
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
1 TV	Một thành viên

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 3.1. Định mức nguyên vật liệu cho sản phẩm bánh răng côn xoắn	59
Bảng 4.1. Bảng phân loại chi phí	80
Bảng 4.2. Bảng tổng hợp báo cáo kiểm soát chi phí NVL	88
Bảng 4.3. Bảng tổng hợp báo cáo kiểm soát chi phí NCTT	88
Bảng 4.4. Bảng tổng hợp báo cáo kiểm soát chi phí SXC.....	89
Bảng 4.5: Báo cáo tình hình thực hiện chi phí NVL TT	91
Bảng 4.6. Báo cáo tình hình thực hiện chi phí nhân công trực tiếp	92
Bảng 4.7: Báo cáo tình hình thực hiện chi phí sản xuất chung.....	92
Bảng 4.8: Báo cáo so sánh giá thành thực tế và giá thành dự toán	93

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	24
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ kế toán chi phí nhân công trực tiếp.....	26
Sơ đồ 2.3. Kế toán chi phí sản xuất chung.....	29
Sơ đồ 2.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp.....	31
Sơ đồ 3.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty.....	52
Sơ đồ 3.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty.....	54

CHƯƠNG 1

GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, các doanh nghiệp luôn quan tâm đến sử dụng hiệu quả các nguồn lực, kiểm soát tốt các nguồn lực đầu vào để tối thiểu hóa chi phí sản xuất kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu này, các nhà quản trị doanh nghiệp cần được cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin kinh tế, tài chính thông qua các công cụ đắc lực là kế toán.

Thông tin chi phí do kế toán cung cấp có vai trò hết sức quan trọng trong các doanh nghiệp. Nó là mối quan tâm hàng đầu đối với nhà quản lý, là cơ sở để nhà quản lý đưa ra các quyết định đúng đắn. Ở các nước phát triển, kế toán chi phí được coi là công cụ quản lý khoa học và có hiệu quả nhằm kịp thời xử lý và cung cấp thông tin về chi phí đáp ứng nhu cầu thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp vận dụng trong việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, từ đó đưa ra những phương án kinh doanh tối ưu. Còn ở nước ta, khái niệm kế toán quản trị và kế toán quản trị chi phí xuất hiện từ đầu những năm 1990. Đến ngày 12 tháng 6 năm 2006 Bộ Tài Chính đã ban hành thông tư số 53/2006/TT-BTC hướng dẫn về kế toán quản trị, nhưng sự hiểu biết về kế toán quản trị ở nước ta còn khá mới mẻ, việc áp dụng kế toán quản trị chi phí trong từng doanh nghiệp cụ thể vẫn còn nhiều hạn chế. Đứng trước xu thế hội nhập quốc tế, các doanh nghiệp nói chung và Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179 nói riêng muốn xây dựng doanh nghiệp có thương hiệu, có khả năng cạnh tranh cao; đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng ... thì cần phải quan tâm đến nhiều vấn đề, trong đó bao gồm thông tin phục vụ cho kiểm soát chi phí và ra quyết định quản trị.

Kế toán quản trị chi phí với vai trò cung cấp thông tin phục vụ lập kế hoạch, kiểm soát, đánh giá và ra quyết định ngày càng trở nên cần thiết với các doanh nghiệp trong môi trường toàn cầu hóa. Hiện tại, Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179 đã và đang vận hành hệ thống kế toán quản trị chi phí nhằm cung cấp thông tin chi phí phục vụ cho yêu cầu quản trị sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, hệ thống kế toán quản trị chi phí tại Công ty vẫn còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng hạch toán để ra quyết định của các nhà quản trị. Với mong muốn góp phần hoàn thiện hệ thống kế toán quản trị chi phí nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin phục vụ cho quản trị tại Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179, tác giả chọn đề tài: ***“Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phục vụ quản trị doanh nghiệp tại Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179”*** để nghiên cứu cho luận văn của mình.

2. Tổng quan nghiên cứu

Nền kinh tế nước ta những năm gần đây đang trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, đặc biệt là từ khi Việt Nam ra nhập WTO và mới đây nhất là gia nhập TTP đã xuất hiện những nhân tố mới tham gia và sự vận động của nền kinh tế. Đặc biệt hệ thống các doanh nghiệp có nhiều thay đổi về hình thức sở hữu, phương pháp huy động bổ sung vốn cũng như phương pháp phân tích đánh giá doanh nghiệp nhất là về kinh tế tài chính. Chính vì vậy để tồn tại và phát triển các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp sản xuất nói riêng phải tổ chức tốt công tác kế toán đặc biệt là kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm để có những sản phẩm tốt nhất với chi phí nhỏ nhất. Thời gian qua có rất nhiều tác giả quan tâm thông qua các công trình nghiên cứu chuyên sâu về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm các công trình khoa học, luận án tiến sỹ, luận văn thạc sỹ, luận văn đại học... nghiên cứu về phân tích báo cáo tài

chính của các tập đoàn, công ty, cụ thể như:

Tác giả Ngô Thị Thu Hồng nghiên cứu nội dung “ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp” năm 2007. Mặc dù luận án đề cập đến công tác kế toán ứng dụng trong quản trị doanh nghiệp, tuy nhiên đề tài mới dừng ở tổ chức công tác kế toán, mà chưa đi sâu vào các nội dung kế toán cụ thể. Vì thế rất cần thiết nghiên cứu các vấn đề lý luận và áp dụng vào thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh cho khu vực này.

Tác giả Trần Văn Dung (2002): “Tổ chức kế toán quản trị và giá thành trong doanh nghiệp sản xuất ở Việt Nam”. Do kế toán quản trị còn khá mới mẻ ở Việt nam nên kế toán quản trị và kế toán giá thành của kế toán tài chính thường được lồng vào nhau. Ở luận án này, tác giả đã đưa ra các giải pháp tổ chức kế toán quản trị lồng trong kế toán tài chính của các doanh nghiệp sản xuất nhằm từng bước đưa kế toán quản trị vào công tác kế toán tại các doanh nghiệp. Kế toán tính giá thành là phần hành kế toán quan trọng trong các doanh nghiệp sản xuất, vì lẽ đó mà tác giả Trần Văn Dung đã lựa chọn phần hành kế toán này để phối hợp với kế toán quản trị. Trong luận văn của mình tác giả chỉ dừng lại ở việc tổ chức kế toán giá thành chứ không đề cập đến công tác kế toán CP sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Cũng xuất phát từ quan điểm như tác giả Trần Văn Dung, tác giả Lê Đức Toàn nghiên cứu nội dung “Kế toán quản trị và phân tích chi phí sản xuất trong ngành sản xuất công nghiệp ở Việt Nam” vào năm 2002 với mục đích nghiên cứu kế toán quản trị trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trong mối liên hệ với phân tích chi phí sản xuất. Đây cũng là một bước nghiên cứu sâu hơn về kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên ở luận văn này tác giả đi sâu vào việc phân tích đánh giá mảng chi phí sản xuất

nhằm quản trị chi phí sản xuất chứ không đề cập đến giá thành sản phẩm.

Cùng nghiên cứu mối quan hệ kế toán quản trị với kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành với tác giả Trần Văn Dung, Lê Đức Toàn có tác giả Đinh Phúc Tiến (2003) với luận án tiến sĩ “Hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành với việc tăng cường quản trị doanh nghiệp vận tải Hàng không Việt Nam”. Xuất phát từ quan điểm kế toán quản trị phải được xây dựng phù hợp với đặc thù của đơn vị, tác giả đã nghiên cứu kỹ lưỡng đặc điểm của các doanh nghiệp vận tải Hàng không Việt Nam, từ đó đưa ra các giải pháp một cách có hệ thống để hoàn thiện hạch toán chi phí và tính giá thành trong mối quan hệ với kế toán quản trị hướng tới mục đích quản trị doanh nghiệp hiệu quả. Ở luận án này tác giả đi sâu vào công tác hạch toán kế toán chi phí NVLTT, CP nhân công trực tiếp, CP sản xuất chung từ đó nêu những hạn chế về kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm trên cơ sở đó đưa ra các kiến nghị cụ thể để quản trị CP sản xuất và quản trị giá thành sản phẩm.

Cùng quan điểm nghiên cứu mối quan hệ giữa kế toán quản trị và kế toán tính giá thành như các tác giả Trần Văn Dung, Lê Đức Toàn, Đinh Phúc Tiến, tác giả Trần Văn Hợi (2007) đã bảo vệ luận án tiến sĩ với nội dung “Tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp khai thác than”. Tác giả Trần Văn Hợi đi sâu nghiên cứu kế toán quản trị chi phí trong mối quan hệ với kế toán tính giá thành và giới hạn trong các doanh nghiệp khai thác than. Với giới hạn này tác giả đã đi sâu vào tìm hiểu, nghiên cứu thực trạng về nội dung tổ chức kế toán quản trị chi phí và tính giá thành sản phẩm của các doanh nghiệp khai thác than thuộc Tập đoàn than và khoáng sản Việt Nam, từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện từng nội dung cụ thể của tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành của tập đoàn.

Tác giả Phạm Thị Thuỷ (2007) đã nghiên cứu nội dung “ Xây dựng mô

hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm Việt Nam”. Luận án đã nghiên cứu kỹ lưỡng các đặc thù của ngành sản xuất dược phẩm, từ đó luận án cũng đã đi sâu nghiên cứu chế độ kế toán chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam qua các thời kỳ và đánh giá thực trạng kế toán chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm Việt Nam hiện nay chưa thật sự phù hợp với đặc điểm ngành dược và khó có thể đáp ứng được nhu cầu thông tin cho việc ra các quyết định kinh doanh hợp lý.

Trên cơ sở các mô hình lý thuyết kế toán quản trị chi phí cơ bản, khả năng ứng dụng vào thực tiễn hiện nay ở Việt Nam và những đặc điểm trong tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm Việt Nam, luận án đã xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí cho các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm Việt Nam, đó là tăng cường kiểm soát chi phí thông qua việc phân loại chi phí, lập dự toán chi phí, phân tích biến động chi phí, xác định qui mô hợp lý cho từng lô sản xuất. Bên cạnh đó, cần đánh giá kết quả hoạt động chi tiết theo từng sản phẩm, từng phân xưởng sản xuất và từng chi nhánh tiêu thụ. Ngoài ra, luận án cũng đưa ra các điều kiện để có thể thực hiện được mô hình kế toán quản trị chi phí này trong các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm Việt Nam, đó là cần có sự kết hợp của cả Nhà nước, doanh nghiệp, Bộ Tài chính và các hội nghề nghiệp.

Luận văn thạc sĩ: "Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị chi phí tại công ty cổ phần cơ khí và xây lắp An Ngãi" của tác giả Phạm Thị Ngọc Trinh năm 2014 tại trường Đại học Đà Nẵng. Đề tài đã tìm hiểu thực tế công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty, rút ra được những ưu nhược điểm trong công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty đối với việc cung cấp thông tin cho nhà quản trị. Đồng thời đưa ra các giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần

cơ khí và xây lắp An Ngãi nhằm phục vụ cho quản trị chi phí. Ở luận văn này tác giả nghiên cứu dưới góc độ hẹp hơn là nhằm quản trị chi phí.

Luận văn thạc sĩ: "Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty cổ phần cơ điện và xây lắp Hùng Vương" năm 2013 của tác giả Hà Thụy Phúc Trầm tại trường Đại học Đà Nẵng. Đề tài phân tích chi phí sản xuất để tìm ra nguyên nhân gây biến động của từng loại chi phí sản xuất để tìm ra nguyên nhân gây biến động của từng loại chi phí, đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất của công ty hướng đến mục tiêu tiết kiệm chi phí sản xuất. Trong đề tài này tác giả chỉ giới hạn nghiên cứu về quản trị chi phí sản xuất mà chưa nghiên cứu về giá thành sản phẩm.

Luận văn thạc sĩ: "Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp xây lắp tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai" năm 2015 của tác giả Đậu Thị Mai Đức tại trường Đại học Lạc Hồng. Đề tài hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán quản trị chi phí. Phân tích, đánh giá thực trạng kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp xây lắp tại thành phố Biên Hòa, đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện và các điều kiện để thực hiện về việc kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp xây lắp tại Thành phố Biên Hòa. Ở đề tài này tác giả nghiên cứu về quản trị chi phí chứ không chỉ dừng ở chi phí sản xuất tuy nhiên tác giả lại không nghiên cứu mảng giá thành sản phẩm.

Luận văn thạc sĩ: " Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí nhằm kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần hạ tầng - xây dựng Tiến Thịnh" năm 2013 của tác giả Phạm Thùy Linh tại trường Đại học Kinh tế quốc dân. Đề tài xác định những điểm chưa hoàn thiện và đưa ra các giải pháp thiết thực và phù hợp với Công ty cổ phần Hạ tầng – xây dựng Tiến Thịnh về việc hoàn thiện kế toán quản trị chi phí nhằm kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty trong ngắn hạn và dài hạn. Nghiên cứu cơ sở lý thuyết,

thực trạng và đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán quản trị chi phí nhằm kiểm soát chi phí tại Công ty cổ phần Hạ tầng - xây dựng Tiến Thịnh. Trong luận văn này tác giả nghiên cứu về quản trị chi phí nhằm kiểm soát chi phí tại đơn vị bao gồm tất cả các loại chi phí chứ không chỉ giới hạn nghiên cứu về chi phí sản xuất.

Luận văn thạc sĩ: "Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm may mặc tại công ty cổ phần May II Hải Dương" của tác giả Nguyễn Ngọc Anh năm 2015 tại trường Đại học Thương mại. Đề tài đã hệ thống những lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất và vận dụng những lý luận đó vào thực tiễn để tìm hiểu và đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm may mặc tại công ty cổ phần May II Hải Dương từ đó tìm ra giải pháp phù hợp để hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty. Tuy vậy, đề tài này lại chỉ nghiên cứu về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm chứ không nghiên cứu về mục đích quản trị.

Ngoài ra, có rất nhiều đề tài nghiên cứu, luận văn thạc sĩ, tiến sĩ của các tác giả đã nghiên cứu về vấn đề kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, chủ yếu là các đề tài luận văn với đề tài kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm hoặc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm hoặc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở tại một đơn vị kinh doanh cụ thể. Và trong đề tài luận văn của mình, tác giả đã nêu ra những ưu điểm, hạn chế để khắc phục và hoàn thiện vấn đề nghiên cứu. Về phía Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179 cũng đã có rất nhiều luận văn nghiên cứu về các hoạt động của Công ty ví dụ gần đây nhất là luận văn thạc sĩ của tác giả Hoàng Mai Lan, 2016, Trường đại học Kinh tế quốc dân với đề tài “Hoàn thiện phân tích tình hình tài chính tại Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179”. Tuy nhiên, chưa

có tác giả nào nghiên cứu về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phục vụ quản trị doanh nghiệp tại Công ty vì vậy đề tài tác giả lựa chọn không có sự trùng lặp.

3. Mục tiêu nghiên cứu

- Nghiên cứu lý thuyết: Luận văn làm rõ bản chất, vai trò và nội dung kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành trong quản trị chi phí.

- Nghiên cứu đánh giá thực trạng: Luận văn nghiên cứu, đánh giá thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phục vụ quản trị Doanh nghiệp tại Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179 để tìm ra những vấn đề còn hạn chế. Qua đó, đề xuất giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phục vụ cho quản trị doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu của cơ chế thị trường và đặc thù của Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu những vấn đề cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ cho quản trị doanh nghiệp cả về lý thuyết và thực tiễn tại Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179.

- Phạm vi nghiên cứu: Luận văn đi sâu nghiên cứu kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản xuất sản phẩm phục vụ cho quản trị doanh nghiệp tại Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu đề tài tác giả đã sử dụng các phương pháp khác nhau như phương pháp điều tra, quan sát, thu thập tài liệu và phân tích, xử lý dữ liệu để từ đó lựa chọn các thông tin phù hợp với đề tài đang nghiên cứu.

Phương pháp quan sát

Việc quan sát là phương pháp được tiến hành thường xuyên, liên tục từ

khi khảo sát, làm đề tài và kết thúc đề tài. Quan sát trực tiếp tại văn phòng công ty và tại các phân xưởng sản xuất tại Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179.

Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Qua quá trình nghiên cứu các bài báo, tạp chí kế toán, giáo trình kế toán chuyên ngành, chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành để thu thập chứng từ tài khoản, hạch toán và sổ sách về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ cho quản trị doanh nghiệp tại Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179.

Phương pháp nghiên cứu tài liệu là cơ sở đưa ra một số vấn đề lý luận về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp từ đó đưa ra thực trạng tại công ty để đưa ra giải pháp, phương pháp này được sử dụng trong quá trình làm luận văn với nội dung và nghiên cứu khái quát đặc điểm tổ chức quản lý và tổ chức kế toán nói chung mà cụ thể là tìm hiểu về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Kết quả phương pháp nghiên cứu tài liệu thể hiện ở suốt quá trình làm bài với tài liệu tham khảo thể hiện qua phụ lục, tài liệu tham khảo.

Phương pháp phân tích, xử lý dữ liệu

Tác giả đã thu thập các dữ liệu, phân loại, sắp xếp và tổng hợp dữ liệu để làm rõ nội dung nghiên cứu mà đề tài đặt ra.

Phương pháp này có nội dung dựa trên các thông tin thu thập được tại các công ty từ đó nêu lên thực trạng và giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp tại Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần lời mở đầu, kết luận, mục lục, danh mục bảng biểu, danh mục sơ đồ, danh mục từ viết tắt, tài liệu tham khảo, phụ lục. Luận văn gồm 4

chương:

Chương 1: Giới thiệu về đề tài nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý luận về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành trong doanh nghiệp sản xuất

Chương 3: Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phục vụ quản trị doanh nghiệp tại Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179.

Chương 4: Giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phục vụ quản trị doanh nghiệp tại Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT, TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM PHỤC VỤ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

2.1. Khái quát về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp

2.1.1. Chi phí sản xuất và yêu cầu thông tin chi phí sản xuất phục vụ quản trị doanh nghiệp

Chi phí là một trong những mối quan tâm hàng đầu của các nhà quản trị vì lợi nhuận thu được nhiều hay ít chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi những chi phí đã chi ra, chi phí còn được xem là một trong những tiêu chí để đánh giá hiệu quả quản lý.

Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định. Nói cách khác, chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí mà doanh nghiệp phải tiêu dùng trong một kỳ để thực hiện quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Quản trị doanh nghiệp là quá trình tác động liên tục, có tổ chức, có định hướng của người chủ doanh nghiệp làm tập thể những người lao động trong doanh nghiệp sử dụng một cách tốt nhất những tiềm năng và cơ hội để tiến hành hoạt động sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp nhằm đạt được mục tiêu đề ra theo đúng luật định và thông lệ xã hội.

Quản trị chi phí là tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng về việc sử dụng các nguồn vốn và chi phí, từ đó đưa ra những quyết định ngắn hạn cũng

như dài hạn của công ty. Nhiệm vụ quan trọng của quản trị chi phí là xem xét, lựa chọn cơ cấu vốn và chi phí sao cho tiết kiệm, hiệu quả nhất; sử dụng các công cụ quản trị chi phí để nhận diện các cơ hội hay các phương án kinh doanh nhằm lựa chọn được phương án phù hợp nhất để ra quyết định thực hiện. Hoạt động quản trị chi phí được tách rời với công tác kế toán thống kê.

Yêu cầu thông tin chi phí phục vụ quản trị chi phí sản xuất đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp

Phản ánh đúng thực tế: Các thông tin chi phí chính xác sẽ bảo đảm kết quả tính toán chi phí, từ đó sẽ có các quyết định phù hợp về chiến lược sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp. Thông tin chi phí thường được lấy từ các dữ liệu kế toán. Như vậy, để đạt yêu cầu chính xác, doanh nghiệp cần một hệ thống kiểm tra kế toán nội bộ chặt chẽ. Hệ thống này là một tập hợp các chính sách và quy trình hoạt động xử lý các dữ liệu tài chính nhằm mục đích tránh những sai lầm.

Kịp thời: Các thông tin quản trị chi phí phải được cung cấp đầy đủ và đúng lúc cho yêu cầu sử dụng giúp nhà quản trị xây dựng được các quyết định chính xác. Chậm trễ trong việc cung cấp các thông tin này có thể đưa đến sự lãng phí rất lớn trong sản xuất. Cung cấp thông tin kịp thời giúp hạn chế được sự lãng phí nhằm giảm thiểu chi phí cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.

2.1.2. Tính giá thành đáp ứng yêu cầu quản trị chi phí sản xuất phục vụ quản trị doanh nghiệp

Giá thành sản phẩm (Z) là những chi phí sản xuất gắn liền với một kết quả sản xuất nhất định. Giá thành sản phẩm là một đại lượng xác định, biểu hiện mối liên hệ tương quan giữa hai đại lượng: chi phí sản xuất đã bỏ ra và kết quả sản xuất đã đạt được. Tuy nhiên, cần lưu ý không phải ai có chi phí sản xuất phát sinh là đã xác định ngay được giá thành, mà cần thấy rằng, giá

thành là chi phí đã kết tinh trong một kết quả sản xuất được xác định theo những tiêu chuẩn nhất định.

Yêu cầu quản trị đặt ra là phải kiểm soát, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và thông tin quan trọng giúp các nhà quản trị làm được điều này chính là thông tin về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Giá thành được xem là thước đo mức chi phí tiêu hao phải bù đắp sau mỗi chu kỳ sản xuất kinh doanh, là toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh liên quan đến một khối lượng sản phẩm hoàn thành, là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất, phản ánh kết quả sử dụng các loại tài sản vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất cũng như các giải pháp kinh tế kỹ thuật mà doanh nghiệp đã sử dụng nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành.

Như vậy, để cung cấp thông tin phục vụ quản trị chi phí sản xuất, giúp nhà quản trị thấy được toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến sản phẩm hoàn thành thì việc tính giá thành cần phải phản ánh hợp lý thực tế chi phí phát sinh theo từng khoản mục chi phí, tính chi tiết cho từng đối tượng tính giá thành.

Cần tổ chức tập hợp chi phí sản xuất theo các cách sau:

- Theo từng khoản mục chi phí phục vụ việc quản lý chi phí theo định mức dự toán chi phí, cung cấp số liệu cho việc tính giá thành sản xuất và phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành là tài liệu tham khảo về định mức chi phí sản xuất và lập kế hoạch giá thành sản phẩm cho kỳ sau;
- Theo mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí phục vụ việc xác định phương pháp kế toán tập hợp và phân bổ chi phí cho các đối tượng chịu chi phí một cách đúng đắn hợp lý;
- Theo chi phí kiểm soát được và không kiểm soát được; đồng thời theo dõi chi tiết đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành để việc tính giá thành đáp ứng được yêu cầu trên.

Để xác định được đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thì phải xác định cho được chi phí phát sinh ở những nơi nào để ghi nhận vào nơi chịu chi phí, tổ chức tính giá thành theo từng đối tượng phục vụ cho việc kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành.

2.1.3. Tổ chức thu thập thông tin chi phí theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp

Để nhà quản trị có cơ sở ra quyết định kinh doanh cần phải thu thập, xem xét từ nhiều nguồn thông tin khác nhau. Mỗi một nguồn thông tin sẽ giúp nhà quản trị có nhận thức, đánh giá khác nhau trong khi ra quyết định. Chính vì vậy, sẽ luôn xuất hiện nhu cầu thông tin hữu ích trong các quyết định quản trị mà thông tin hữu ích phải chứa đựng hai đặc tính cơ bản đó là tin cậy và phù hợp.

Việc thu thập thông tin chi phí phục vụ cho quản trị chi phí được dựa trên những thông tin đã thực hiện phản ánh trên chứng từ, sổ sách và báo cáo kế toán chủ yếu trên sổ kế toán chi tiết.

Trên cơ sở các chứng từ, tài khoản, sổ kế toán theo chế độ đã ban hành áp dụng để hạch toán chi phí trong các đơn vị. Các doanh nghiệp sẽ thiết kế hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán phù hợp theo yêu cầu thu thập thông tin phục vụ quản trị doanh nghiệp .

Ngoài việc mở các tài khoản chi tiết, kế toán phải mở các sổ tương ứng để theo dõi chi phí. Cuối kỳ, kế toán lập bảng phân tích chi phí theo cách ứng xử chi phí làm cơ sở để lập các báo cáo phục vụ công tác quản trị chi phí. Đồng thời kế toán phải thực hiện việc phân bổ chi phí sản xuất chung, tập hợp chi phí làm cơ sở cho việc tính giá thành và xác định kết quả kinh doanh.

2.2. Phân loại chi phí sản xuất theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp

Đối với các nhà quản lý, chi phí là mối quan tâm hàng đầu vì chi phí có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận. Do đó, vấn đề đặt ra là làm sao kiểm soát

được chi phí. Việc nhận diện và thấu hiểu cách phân loại và ứng xử của từng loại chi phí là điều mấu chốt để có thể quản lý chi phí, từ đó đưa ra những quyết định đúng đắn trong quá trình tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh của nhà quản trị.

Chi phí sản xuất do nhiều yếu tố cấu thành, mỗi yếu tố của quá trình sản xuất tác động vào quá trình sản xuất khác nhau. Do vậy chi phí sản xuất bao gồm nhiều loại chi phí có đặc điểm, nội dung, công dụng khác nhau, đòi hỏi yêu cầu và cách thức quản lý thích hợp. Để phục vụ cho yêu cầu của nhà quản trị trong việc phân tích, đánh giá chi phí, kiểm soát và quản trị chi phí một cách tốt nhất, cần thiết phải phân loại chi phí. Tùy theo đặc điểm của chi phí, mục đích và yêu cầu quản trị, chi phí được phân loại theo nhiều tiêu thức khác nhau.

Mục tiêu quản trị chi phí là lập kế hoạch và tính chính xác giá thành, không chế và thống nhất các loại chi phí, nhằm nghiên cứu các yếu tố phát sinh trong quá trình hình thành giá thành sản phẩm, yêu cầu khách quan đặt ra là: phải phân loại chi phí thành từng nhóm riêng theo từng tiêu thức nhất định. Trên cơ sở đó, phân tích tình hình biến động của từng loại chi phí, tìm ra những nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động đó để đưa ra những biện pháp quản lý hữu hiệu nhất.

Phân loại chi phí sản xuất là việc sắp xếp những chi phí sản xuất vào từng loại, từng nhóm khác nhau theo những tiêu thức nhất định. Việc hạch toán chi phí theo từng tiêu thức sẽ nâng cao tính chi tiết của thông tin, là cơ sở cho việc phân đấu hạ chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng và tăng cường hạch toán kế toán trong các đơn vị sản xuất.

2.2.1. Phân loại chi phí sản xuất theo hình thái

Theo cách phân loại này, tổng chi phí được chia thành: biến phí (chi phí biến đổi), định phí (chi phí cố định) và chi phí hỗn hợp.

Biến phí (chi phí khả biến): Là những khoản chi phí có quan hệ tỷ lệ thuận với biến động của mức độ hoạt động. Biến phí thường bao gồm những khoản chi phí: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, một bộ phận của chi phí sản xuất chung (nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu, động lực, công cụ lao động, chi phí lao động gián tiếp của công nhân phân xưởng).

Biến phí có thể chia làm 2 loại:

- + Biến phí tỷ lệ : Là các biến phí mà sự biến động của chúng thực sự không thay đổi tỷ lệ thuận với biến động của mức độ hoạt động như: Chi phí NVL trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí hoa hồng bán hàng.
- + Biến phí cấp bậc: Là các biến phí chỉ thay đổi khi mức độ hoạt động thay đổi nhiều và rõ ràng. Biến phí loại này không thay đổi khi mức độ hoạt động chưa đạt đến một giới hạn nhất định. Như vậy, biến phí cấp bậc có quan hệ tỷ lệ nhưng không tuyến tính với mức độ hoạt động thay đổi, cho phép chi phí thay đổi để tương ứng với mức độ hoạt động mới.

Định phí (chi phí bất biến): Là những chi phí không đổi trong phạm vi phù hợp khi mức độ hoạt động thay đổi. Trong các yếu tố của chi phí sản phẩm, chỉ có một số yếu tố của chi phí sản xuất chung là được xếp vào loại định phí như: chi phí thuê nhà xưởng, chi phí khấu hao nhà xưởng, máy móc thiết bị, lương nhân viên phân xưởng...

Có 2 loại định phí:

- + Định phí bắt buộc: Là những chi phí có bản chất sử dụng lâu dài và không thể giảm bớt đến số 0 trong một thời gian ngắn.
- + Định phí tùy ý: Là các định phí có thể được thay đổi nhanh chóng bằng các quyết định của các nhà quản trị doanh nghiệp (vd chi phí quảng cáo, chi phí đào tạo...)

Chi phí hỗn hợp: Là loại chi phí mà bản thân nó gồm cả các yếu tố biến phí lẫn định phí. Ở mức độ hoạt động căn bản, chi phí hỗn hợp thể hiện

các đặc điểm của định phí, quá mức đó nó lại thể hiện đặc tính của biến phí.

Phân loại chi phí sản xuất theo tiêu thức này giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp dễ dàng thiết kế, xây dựng các mô hình chi phí trong mối quan hệ giữa chi phí - khối lượng hoạt động và lợi nhuận, xác định điểm hoà vốn, giảm thấp các chi phí không cần thiết vì mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận theo đúng hướng phát triển của doanh nghiệp, đặc biệt là với việc ra các quyết định ngắn hạn...

2.2.2. Phân loại chi phí theo khoản mục chi phí

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất được xếp thành một số khoản mục nhất định có công dụng kinh tế khác nhau để phục vụ cho yêu cầu tính giá thành và phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành. Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất bao gồm 3 khoản mục:

Chi phí nguyên vật liệu: bao gồm tất cả chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu được sử dụng trực tiếp cho quá trình sản xuất sản phẩm. Là chi phí của những loại nguyên vật liệu cấu thành thực thể của sản phẩm, có thể xác định được một cách tách biệt, rõ ràng, cụ thể cho từng sản phẩm.

Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm tất cả các khoản chi phí liên quan đến bộ phận lao động trực tiếp sản xuất sản phẩm như: chi phí tiền lương chính, tiền lương phụ, các khoản trích theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) và các khoản phải trả khác được tính vào chi phí theo quy định cho công nhân trực tiếp chế tạo ra sản phẩm.

Chi phí sản xuất chung: là chi phí phục vụ và quản lý sản xuất gắn liền với từng phân xưởng sản xuất, là những chi phí cần thiết khác để sản xuất ra sản phẩm ngoài chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp.

Mục đích của cách phân loại theo khoản mục chi phí như trên giúp doanh nghiệp tìm ra các nguyên nhân làm thay đổi giá thành so với định mức và có thể đề ra các biện pháp hạ giá thành sản phẩm, giúp doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn.

2.2.3. Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố

Theo cách phân loại này những khoản chi phí có chung tính chất kinh tế được xếp chung vào một yếu tố, không kể chi phí đó phát sinh ở địa điểm nào và dùng vào mục đích gì trong sản xuất kinh doanh. Theo cách phân loại này chi phí sản xuất được chia thành các yếu tố sau:

Yếu tố chi phí nguyên liệu, vật liệu;

Yếu tố chi phí nhân công;

Yếu tố chi phí khấu hao TSCĐ;

Yếu tố dịch vụ mua ngoài;

Yếu tố các chi phí khác bằng tiền

Cách phân loại này thể hiện các thành phần ban đầu của chi phí bỏ vào sản xuất, tỷ trọng từng loại chi phí trong tổng số làm cơ sở cho việc kiểm tra tình hình thực hiện dự toán chi phí, lập kế hoạch cung ứng vật tư, tính nhu cầu vốn và thuyết minh báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Đồng thời phục vụ cho việc lập các cân đối chung (lao động, vật tư, tiền vốn...). Tuy nhiên cách phân loại này không biết được chi phí sản xuất sản phẩm là bao nhiêu trong tổng chi phí của doanh nghiệp.

2.2.4. Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với thời kỳ xác định lợi nhuận

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất được chia làm hai loại như sau:

Chi phí sản phẩm (chi phí sản xuất): là những chi phí liên quan trực tiếp đến việc sản xuất sản phẩm. Đối với những doanh nghiệp thương mại thì

chi phí sản phẩm là những chi phí liên quan đến việc mua hàng hóa.

Chi phí sản phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung, chi phí sử dụng máy thi công (đối với những công ty xây lắp). Chi phí sản xuất gắn liền với từng đơn vị sản phẩm, hàng hóa khi chúng được sản xuất ra hoặc được mua vào, gắn liền với những hàng hóa tồn kho chờ bán và chỉ khi sản phẩm hàng hóa được tiêu thụ thì chi phí sản phẩm mới trở thành phí tổn để xác định kết quả kinh doanh.

Chi phí thời kỳ (chi phí ngoài sản xuất): là những chi phí phát sinh và ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận trong một thời kỳ kế toán. Nó không có liên quan đến chi phí sản phẩm, không phải là một phần của giá trị sản phẩm sản xuất hoặc sản phẩm mua vào. Chi phí thời kỳ bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Những chi phí này được khấu trừ vào kỳ tính lợi nhuận. Đối với các doanh nghiệp có chu kỳ sản xuất kinh doanh dài và trong kỳ không có hoặc có ít doanh thu thì chúng được tính cho kỳ sau để xác định kết quả kinh doanh.

2.2.5. Phân loại chi phí sử dụng trong kiểm tra và ra quyết định

Theo Nguyễn Nhật Thiện (2009) về “Chi phí và phân loại chi phí” để phục vụ cho việc kiểm tra và ra quyết định trong quản lý, chi phí của doanh nghiệp còn được xem xét ở nhiều khía cạnh khác. Nổi bật nhất là việc xem xét trách nhiệm của các cấp quản lý đối với các loại chi phí phát sinh, thêm nữa, các nhà quản lý nên nhìn nhận đúng đắn sự thích đáng của các loại chi phí khác nhau phục vụ cho việc phân tích, so sánh để ra quyết định lựa chọn phương án tối ưu trong các tình huống.

Chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được

Chi phí kiểm soát được là khoản chi phí gắn liền với cấp quản trị có quyền ra quyết định chi phối nó. Chi phí không kiểm soát được là khoản chi phí mà ở cấp quản trị đó không có quyền ra quyết định chi phối.

Chi phí chìm và chi phí chênh lệch

Chi phí chìm là chi phí đã phát sinh trong quá khứ, do đó nó có mặt ở tất cả các phương án hoặc hành động cần lựa chọn, không thích hợp cho quá trình lựa chọn phương án nên cần được loại bỏ trong quá trình ra quyết định.

Chi phí chênh lệch còn gọi là chi phí khác biệt xuất hiện khi so sánh nhiều phương án để lựa chọn. Đó là phần chi phí có ở phương án này mà không có ở phương án khác hoặc là phần chênh lệch giá trị giữa các phương án. Chi phí chênh lệch là một trong các căn cứ quan trọng (dạng thông tin thích hợp) để lựa chọn phương án đầu tư hoặc phương án sản xuất, kinh doanh.

Chi phí cơ hội

Chi phí cơ hội là khoản lợi ích tiềm tàng bị mất đi khi lựa chọn phương án (hoặc hành động) này thay cho phương án (hoặc hành động) khác. Chi phí cơ hội cần được tính đến khi quyết định chọn phương án. Trong trường hợp có nhiều phương án thì chi phí cơ hội được tính ở phương án tốt nhất sau phương án đã chọn.

Cách phân loại này nhằm đánh giá tính trách nhiệm được phân quyền đối với các cấp độ quản trị. Trong điều kiện các nhà quản trị thực hiện đầy đủ trách nhiệm, thì khi so sánh chi phí thực tế với chi phí kế hoạch người ta xác định được tính quy luật của các rủi ro trong kinh doanh vượt quá tầm kiểm soát và trách nhiệm của nhà quản trị.

2.3. Tập hợp chi phí sản xuất phục vụ tính giá thành sản phẩm

2.3.1. Đối tượng, phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Việc xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là khâu đầu tiên và quan trọng của tổ chức hạch toán quá trình sản xuất. Từ khâu ghi chép ban đầu, tổng hợp số liệu, tổ chức tài khoản kế toán, sổ chi tiết đều phải theo đúng

đối tượng tập hợp chi phí sản xuất đã xác định. Xác định đúng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất phù hợp với đặc điểm tình hình hoạt động sản xuất, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất và yêu cầu quản lý chi phí sản xuất của doanh nghiệp mới giúp cho việc tổ chức tốt công việc kế toán chi phí sản xuất.

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi, giới hạn nhất định để tập hợp chi phí sản xuất.

Sản phẩm của doanh nghiệp được sản xuất, chế tạo ở nhiều bộ phận khác nhau, theo quy trình công nghệ khác nhau. Để xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất cần phải căn cứ vào đặc điểm cụ thể của từng doanh nghiệp, không có đối tượng tập hợp chi phí chung cho mọi loại hình doanh nghiệp, mà căn cứ vào đặc điểm riêng, yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp để xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất riêng cho từng doanh nghiệp.

Căn cứ để xác định đối tượng là: Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (có phân xưởng hay không có phân xưởng); Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp : giản đơn, phức tạp; Địa điểm phát sinh của chi phí, mục đích công dụng của chi phí trong SXKD; Yêu cầu, trình độ quản lý của doanh nghiệp cũng như yêu cầu tính giá thành

Trên cơ sở những căn cứ xác định đó đối tượng hạch toán chi phí có thể là: Hạch toán theo từng phân xưởng, bộ phận, tổ đội sản xuất hay toàn doanh nghiệp; Từng giai đoạn (bước) công nghệ hay toàn bộ quy trình công nghệ; Từng sản phẩm, đơn đặt hàng, hạng mục công trình; Từng nhóm sản phẩm, chi tiết hay bộ phận sản phẩm..

Việc tập hợp chi phí sản xuất theo đúng đối tượng có tác dụng tăng cường quản lý sản xuất, quản lý chi phí, tăng cường quản lý nội bộ, phục vụ công tác tính giá thành sản phẩm chính xác. Thực chất của việc xác định đối tượng hạch toán là xác định nơi phát sinh chi phí và đối tượng chịu chi phí.

Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

Phương pháp tập hợp chi phí là một phương pháp hay một hệ thống phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân loại chi phí sản xuất theo đối tượng hạch toán chi phí. Tùy thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp, phương thức sản xuất... mà phương pháp tập hợp chi phí có sự khác nhau.

Trong doanh nghiệp sản xuất có những phương pháp tập hợp chi phí sau:

Tập hợp trực tiếp cho đối tượng chi phí: Phương pháp này áp dụng đối với các chi phí liên quan trực tiếp đến đối tượng kế toán tập hợp chi phí đã xác định và công tác hạch toán, ghi chép ban đầu cho phép quy nạp trực tiếp các chi phí này vào đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có liên quan.

Tập hợp chi phí chung cho nhiều đối tượng, sau đó phân bổ cho các đối tượng chi phí: Phương pháp này áp dụng khi một loại chi phí liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí, không thể tập hợp cho từng đối tượng được. Trường hợp này phải lựa chọn tiêu thức phân bổ thích hợp.

Thông thường các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp trong các doanh nghiệp sản xuất được tập hợp trực tiếp cho đối tượng chi phí. Còn khoản mục chi phí sản xuất chung thường liên quan đến nhiều sản phẩm nên được tập hợp chung, sau đó phân bổ cho từng sản phẩm theo chi phí trực tiếp.

Để giúp quản trị chi phí hữu hiệu, doanh nghiệp nên hạn chế các phương pháp tập hợp gián tiếp nếu có thể, nhằm tránh xác định không hợp lý chi phí cho đối tượng chịu phí, vì việc tập hợp chung sau đó phân bổ sẽ làm sai lệch chi phí gán cho đối tượng chịu chi phí. Với những chi phí không thể tập hợp trực tiếp, cần chọn tiêu thức phân bổ hợp lý nhằm gán chi phí chung cho đối tượng chi phí theo cách hợp lý, sát với thực tế.

2.3.2. Kế toán chi phí sản xuất

Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm tất cả các khoản chi phí về vật liệu chính, vật liệu phụ và nhiên liệu được sử dụng trực tiếp để sản xuất sản phẩm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được tổ chức theo dõi riêng cho từng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất hoặc đối tượng tính giá thành.

Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sử dụng TK 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”.

Nội dung tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được phản ánh như sau:

- Xuất vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm, lao vụ, dịch vụ

Nợ TK 621 (Chi tiết theo từng đối tượng)

Có TK 152

- Nguyên vật liệu mua về dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm, lao vụ, dịch vụ

Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 621 (Chi tiết cho từng đối tượng)

Nợ TK 133: thuế GTGT

Có TK 111, 112, 331, 141... (Nếu mua về sử dụng luôn)

Tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Nợ TK 621 (Chi tiết cho từng đối tượng)

Có TK 111, 112, 331, 141... (Nếu mua về sử dụng luôn)

- Cuối kỳ nếu có vật liệu sử dụng không hết nhập lại kho

Nợ TK 152

Có TK 621

Nếu vật liệu không dùng hết để lại phân xưởng sử dụng cho kỳ sau thì kế toán ghi đỏ để giảm chi phí nguyên vật liệu sử dụng trong kỳ

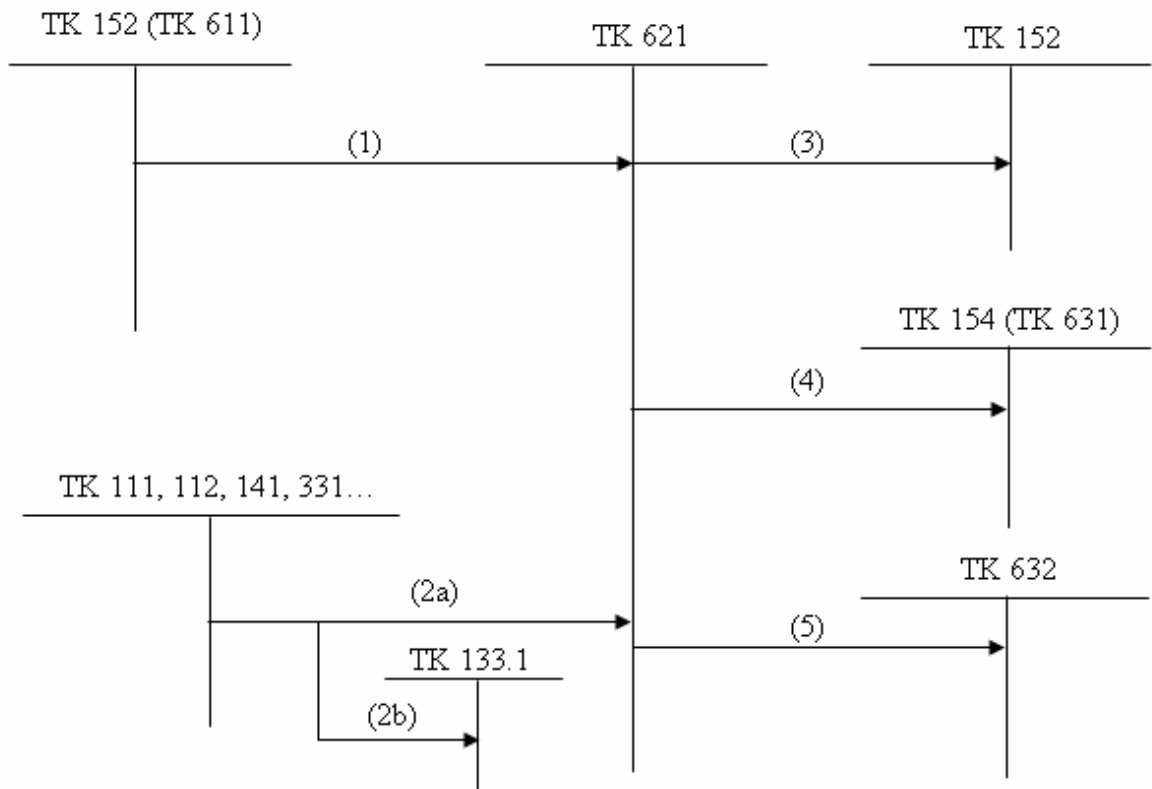
- Cuối kỳ kế toán, căn cứ Bảng phân bổ vật liệu tính cho từng đối

tượng sử dụng nguyên vật liệu trực tiếp để xác định giá thành

Nợ TK 154 (chi tiết theo từng sản phẩm)

Nợ TK 632 (Phần chi phí NVL TT vượt trên mức bình thường)

Có TK 621



Sơ đồ 2.1. Sơ đồ kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chú thích:

- (1) Giá thực tế NVL xuất dùng trực tiếp cho sản xuất chế tạo sản phẩm
- (2a) Trị giá NVL mua dùng trực tiếp cho sản xuất chế tạo sản phẩm
- (2b) Thuế GTGT được khấu trừ
- (3) Trị giá NVL dùng không hết, phế liệu thu hồi
- (4) Kết chuyển và phân bổ chi phí NVLTT vào các đối tượng chịu chi phí
- (5) Chi phí NVL vượt trên mức bình thường tính vào giá vốn hàng bán.

Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tất cả các khoản chi phí liên quan đến người lao động trực tiếp sản xuất sản phẩm như tiền lương phải thanh toán, khoản trích theo lương tính vào chi phí theo quy định... Chi phí nhân công trực tiếp cũng được tổ chức theo dõi riêng cho từng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất hoặc đối tượng tính giá thành.

Kế toán chi phí nhân công trực tiếp sử dụng tài khoản 622 “chi phí nhân công trực tiếp”. Nội dung tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được phản ánh như sau:

Tính tiền lương và các khoản lương phải trả cho CNTT sản xuất sản phẩm, dịch vụ

Nợ TK 622 (Chi tiết theo từng đối tượng sản phẩm)

Có TK 334 - Phải trả người lao động

Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của công nhân sản xuất sản phẩm dịch vụ

Nợ TK 622 (Chi tiết theo từng đối tượng sản phẩm)

Có TK 338 (3382, 3383, 3384, 3386)

Khi trích trước tiền lương công nhân nghỉ phép (DN thực hiện trích trước)

Nợ TK 622

Có TK 335 – Chi phí phải trả

Khi công nhân sản xuất thực tế nghỉ phép, kế toán phản ánh số phải trả về tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất, ghi:

Nợ TK 335 – Chi phí phải trả

Có TK 334 - Phải trả người lao động

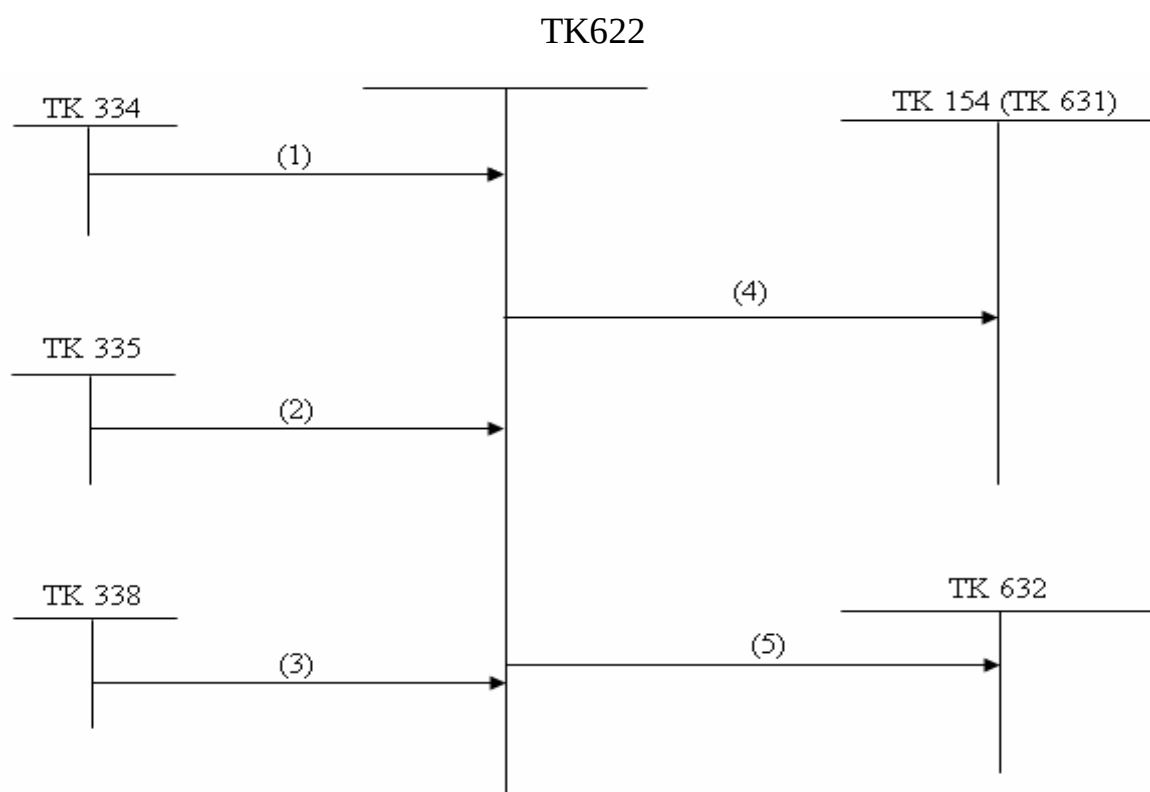
Cuối kỳ kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào các đối tượng => nhằm xác định giá thành sản phẩm, dịch vụ

Nợ TK 154 Nếu đơn vị áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên

Nợ TK 631 Nếu đơn vị áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ

Nợ TK 632 (Phần chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường)

Có TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp



Sơ đồ 2.2. Sơ đồ kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chú thích:

- (1) Tiền công phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất
- (2) Trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất
- (3) Trích BHXH, BHYT, KPCĐ
- (4) Kết chuyển và phân bổ chi phí NCTT vào các đối tượng chịu chi phí
- (5) Chi phí nhân công vượt trên mức bình thường tính vào giá vốn hàng bán

Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là chi phí phục vụ và quản lý ở phân xưởng sản

xuất. Chi phí sản xuất chung được tổ chức theo dõi riêng theo từng phân xưởng sản xuất và cuối mỗi kỳ mới phân bổ và kết chuyển vào chi phí sản xuất của các loại sản phẩm. Tùy theo loại sản phẩm được sản xuất ở phân xưởng mà kế toán tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng loại sản phẩm theo tiêu thức phân bổ phù hợp.

Kế toán chi phí sản xuất chung sử dụng tài khoản 627 “chi phí sản xuất chung”, đồng thời phải theo dõi chi tiết chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi để phục vụ cho việc phân bổ chi phí sản xuất chung vào giá thành sản phẩm.

Nội dung tập hợp chi phí sản xuất chung được phản ánh như sau:

Tính tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, tiền ăn giữa ca phải trả của nhân viên phân xưởng

Nợ TK 627 (6271)

Có TK 334

Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trên tiền lương nhân viên phân xưởng

Nợ TK 627 (6271)

Có 338 (3382, 3383, 3384, 3389)

Xuất vật liệu, công cụ dùng cho phân xưởng

Nợ TK 627

Có TK 152, 153 (611), 242

Trích khấu hao TSCĐ dùng cho phân xưởng

Nợ TK 627

Có TK 214 - Hao mòn TSCĐ

Chi phí điện nước, điện thoại phải trả, chi phí dịch vụ sửa chữa TSCĐ

Nợ TK 627

Nợ TK 133

Có TK 112, 141, 331, 142, 335

Các chi phí bằng tiền khác phát sinh tại phân xưởng

Nợ TK 627

Nợ TK 133

Có TK 111

Cuối kỳ nếu có phát sinh các khoản ghi giảm chi phí chung

Nợ TK 111, 112, 335, 138

Có TK 627

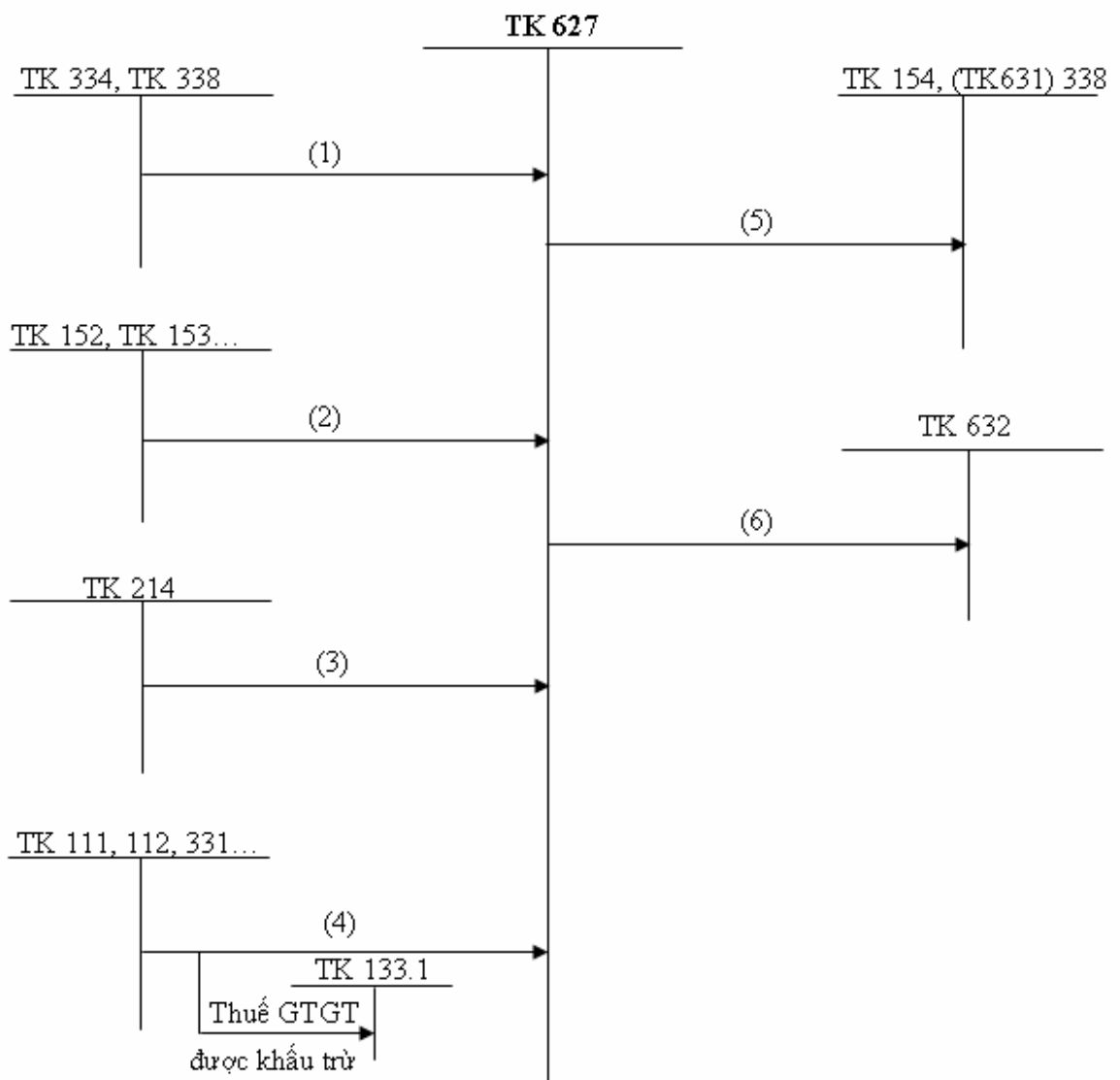
Cuối kỳ phân bổ chi phí chung để xác định giá thành

Nợ TK 154 Theo phương pháp kê khai thường xuyên

Nợ TK 631 Theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Nợ TK 632 (Phần chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường)

Có TK 627



Sơ đồ 2.3. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chú thích:

- (1) Tập hợp chi phí nhân công
- (2) Tập hợp chi phí vật liệu, dụng cụ sản xuất
- (3) Tập hợp chi phí khấu hao TSCĐ
- (4) Tập hợp chi phí dịch vụ mua ngoài, các chi phí bằng tiền khác
- (5) Kết chuyển và phân bổ CPSX chung vào các đối tượng chịu chi phí
- (6) Chi Phí sản xuất chung cố định không phân bổ tính vào giá vốn hàng bán

Tổng hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp

Cuối kì, trên cơ sở các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung đã được kết chuyển, kế toán tổng hợp chi phí sản xuất phát sinh trong tháng, đồng thời đánh giá sản phẩm dở dang của tháng để làm căn cứ tính giá thành sản phẩm hoàn thành.

Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm hoàn thành sử dụng tài khoản 154 “chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

Nội dung và phương pháp phản ánh bao gồm:

- Cuối tháng, khi kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung để tổng hợp chi phí sản xuất chung sẽ ghi:

Nợ TK 154

Có TK 621 - Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
Có TK 622 - Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp

Có TK 627 - Kết chuyển chi phí sản xuất chung

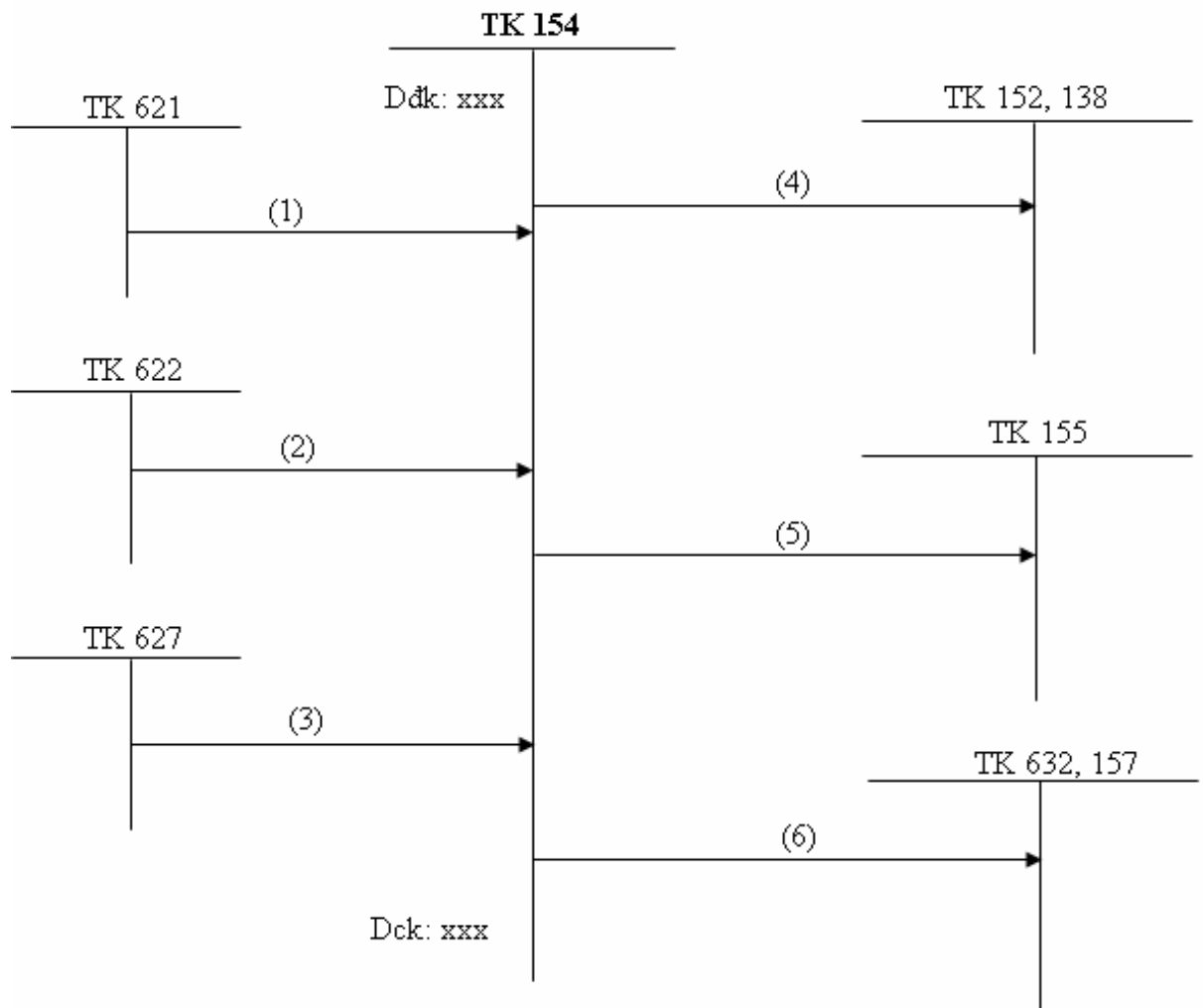
- Khi xác định được giá thành sản phẩm, lao vụ hoàn thành sẽ ghi:

Nợ TK 155 “thành phẩm” – nếu nhập kho

Nợ TK 157 “Hàng gửi đi bán” – nếu gửi đi bán

Nợ TK 632 “Giá vốn hàng bán”

– Nếu bán trực tiếp Có TK 154 – tổng hợp giá thành sản phẩm



Sơ đồ 2.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp

Chú thích:

- (1) Kết chuyển chi phí NVLTT
- (2) Kết chuyển chi phí NCTT
- (3) Kết chuyển chi phí sản xuất chung
- (4) Giá trị phế liệu thu hồi, khoản bồi thường phải thu
- (5) Giá thành thực tế sản phẩm hoàn thành nhập kho
- (6) Giá thành thực tế sản phẩm bán ngay, gửi bán

Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

Sản phẩm dở dang là sản phẩm chưa hoàn thành, còn đang dở dang trên dây chuyền sản xuất hay ở các phân xưởng sản xuất. Đánh giá giá trị sản

phẩm dở dang là sử dụng các công cụ kế toán để xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ tương ứng với số lượng sản phẩm dở dang. Đánh giá sản phẩm dở dang là công việc cần phải được thực hiện trước khi xác định giá thành sản phẩm. Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ liên quan đến sản phẩm hoàn thành và sản phẩm đang làm dở dang. Việc đánh giá một cách hợp lý chi phí sản xuất liên quan đến sản phẩm dở dang có ý nghĩa rất quan trọng trong việc xác định chính xác giá thành sản phẩm.

Để đánh giá sản phẩm dở dang, doanh nghiệp có thể sử dụng một trong các phương pháp khác nhau tùy thuộc vào loại hình sản xuất và đặc điểm sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp.

Theo chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc chi phí nguyên vật liệu trực tiếp)

Phương pháp này áp dụng phù hợp với những doanh nghiệp mà chi phí nguyên vật liệu chính chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm

Đặc điểm của phương pháp này là chỉ tính cho sản phẩm dở dang khoản chi phí nguyên vật liệu chính, các chi phí khác được tính cho sản phẩm hoàn thành trong kỳ. Nguyên vật liệu chính được xuất dùng toàn bộ ngay từ đầu quá trình sản xuất và mức tiêu hao về nguyên vật liệu chính tính cho sản phẩm hoàn thành và sản phẩm dở dang là như nhau. Công thức tính theo phương pháp này như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{sản xuất} \\ \text{của SPDD} \\ \text{cuối kỳ} \\ \text{(NL, VL)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất của} \\ \text{SPDD đầu kỳ (NL,} \\ \text{VL)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng SP hoàn} \\ \text{thành} \end{array}} + \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí NL, VL trực tiếp} \\ \text{(NL, VL chính) phát} \\ \text{sinh và phân bổ trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng SPDD cuối kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{SPDD} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Cách đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cũng giống như theo chi phí nguyên vật liệu chính, chỉ khác ở chỗ doanh

nghiệp sử dụng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thay vì chi phí nguyên vật liệu chính.

Theo phương pháp ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương

Đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương với mức độ hoàn thành thực tế và gắn liền với tất cả các khoản mục cấu thành giá thành sản phẩm. Để áp dụng phương pháp này, doanh nghiệp phải có phương pháp khoa học trong việc xác định mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang và mức tiêu hao của từng khoản mục chi phí trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Trong chi phí sản xuất dở dang tính theo phương pháp này bao gồm đầy đủ các khoản mục chi phí, từng khoản mục được xác định trên cơ sở quy đổi, sản phẩm dở dang thành sản phẩm hoàn thành theo mức độ hoàn thành thực tế.

Công thức tính theo phương pháp này như sau:

Số lượng sản phẩm quy đổi = số lượng sản phẩm dở dang x % hoàn thành

Khi áp dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng tương đương hoàn thành, kế toán thực hiện theo trình tự như sau:

- Đối với chi phí bỏ vào một lần ngay từ đầu qui trình sản xuất: Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (nguyên liệu, vật liệu chính) thì tính cho sản phẩm làm dở và sản phẩm hoàn thành như nhau và công thức tính cụ thể giống với công thức tính đã trình bày ở mục trước

- Đối với chi phí bỏ dần vào quá trình sản xuất: Chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung thì tính theo công thức như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SX} \\ \text{(NCTT, SX} \\ \text{chung) của} \\ \text{SPDD cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SX (NCTT, SX} \\ \text{chung) của SPDD đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SX (NCTT, SX} \\ \text{chung) phát sinh và phân} \\ \text{bổ trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng SP hoàn thành} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng SP quy đổi} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{SP quy đổi} \end{array}$$

Phương pháp tính theo chi phí sản xuất định mức.

Theo phương pháp này căn cứ vào định mức các loại chi phí cho thành phẩm, nửa thành phẩm và sản phẩm làm dở để tính ra giá trị sản phẩm làm dở. Phương pháp này đơn giản nhưng kém chính xác. Chỉ áp dụng các doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống định mức tiên tiến chính xác.

2.4. Tính giá thành sản phẩm

Giá thành sản phẩm là chi phí sản xuất tính cho một khối lượng, một đơn vị sản phẩm hoặc một công việc, lao vụ đã hoàn thành. Nói cách khác, giá thành sản phẩm là hao phí lao động xã hội cần thiết, bao gồm cả lao động sống và lao động vật hoá để tạo ra sản phẩm, dịch vụ.

2.4.1. Phân loại giá thành

Phân loại theo thời điểm và cơ sở số liệu để tính giá thành:

Theo tiêu thức phân loại nói trên, giá thành sản phẩm được phân thành 3 loại: Giá thành định mức, giá thành kế hoạch và giá thành thực tế.

- Giá thành định mức: là giá thành được tính căn cứ vào các định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành, ví dụ định mức về tiêu hao vật tư, định mức về tiền lương (đơn giá lương), định mức chi phí sản xuất chung và chỉ tính cho từng đơn vị sản phẩm. Giá thành định mức là thước đo để kiểm tra quá trình và kết quả của việc quản lý, sử dụng lao động, vật tư, tiền vốn để tạo ra sản phẩm của doanh nghiệp và nó được xác định trước khi tiến hành sản xuất.

- Giá thành kế hoạch: Giá thành kế hoạch là giá thành được tính dựa vào chi phí sản xuất kế hoạch và sản lượng kế hoạch. Nó là mục tiêu để doanh nghiệp phấn đấu, là căn cứ để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hạ giá thành của doanh nghiệp và cũng được tính trước khi doanh nghiệp tiến hành sản xuất. Giá thành kế hoạch có thể tính cho toàn bộ sản phẩm và cho từng đơn vị sản phẩm.

- Giá thành thực tế: là giá thành được tính căn cứ vào tổng số chi phí

sản xuất thực tế đã phát sinh và đã được kế toán tập hợp và phân bổ bằng các phương pháp thích hợp. Giá thành thực tế chỉ được tính sau khi sản phẩm đã hoàn thành được nghiệm thu, nhập kho. Nó có thể tính cho toàn bộ sản phẩm nhập kho và cho từng đơn vị sản phẩm.

Giá thành thực tế là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh kết quả của việc quản lý và sử dụng lao động, vật tư, tiền vốn để tạo ra sản phẩm, đồng thời nó là cơ sở để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Phân loại giá thành sản phẩm theo phạm vi chi phí trong giá thành

Giá thành sản xuất toàn bộ: (Zsx toàn bộ) là loại giá thành mà trong đó bao gồm toàn bộ biến phí và định phí thuộc chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung tính cho sản phẩm hoàn thành.

Giá thành sản xuất theo biến phí: (Zsxbp) là loại giá thành mà trong đó chỉ bao gồm biến phí thuộc chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung tính cho sản phẩm hoàn thành.

Giá thành sản xuất có phân bổ hợp lý định phí sản xuất: (Zsxhl) là loại giá thành trong đó bao gồm toàn bộ biến phí sản xuất tính cho sản phẩm hoàn thành và một phần định phí sản xuất được phân bổ trên cơ sở mức hoạt động thực tế so với mức hoạt động theo công suất thiết kế (mức hoạt động chuẩn).

$$Zsxhl = Bpsx + Dpsx * \frac{n}{N}$$

Trong đó :

Zsxhl là giá thành có phân bổ hợp lý định phí sản xuất

Bpsx là biến phí sản xuất trong giá thành sản xuất

Dpsx là tổng định phí sản xuất

N là mức hoạt động chuẩn, n là mức hoạt động thực tế

Giá thành toàn bộ theo biến phí: (Zbp) là loại giá thành sản phẩm trong

đó bao gồm toàn bộ biến phí (biến phí sản xuất, biến phí bán hàng, biến phí quản lý doanh nghiệp) tính cho sản phẩm tiêu thụ.

$$Z_{bp} = Z_{sxbp} + B_{pbh} + B_{pqldn}$$

Trong đó:

Z_{bp} là giá thành toàn bộ theo biến phí

Z_{sxbp} là giá thành sản xuất theo biến phí

B_{pbh} là biến phí bán hàng

B_{pqldn} là biến phí quản lý doanh nghiệp

Giá thành toàn bộ của sản phẩm tiêu thụ: (Z_{tb}) bao gồm giá thành sản xuất và chi phí ngoài sản xuất tính cho sản phẩm tiêu thụ. Ta có công thức sau:

$$Z_{tb} = Z_{sx\text{toàn bộ}} + \text{chi phí bán hàng} + \text{chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

2.4.2. Đối tượng tính giá thành.

Mục đích của quá trình sản xuất là tạo ra sản phẩm, công việc, lao vụ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Sau quá trình sản xuất để có cơ sở xác định hiệu quả của sản xuất cần phải xác định được giá thành sản phẩm, công việc, lao vụ. Vậy đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, công việc, lao vụ do doanh nghiệp sản xuất ra cần phải xác định được giá thành và giá thành đơn vị.

Tùy theo đặc điểm của sản xuất, tính chất của sản phẩm, đặc điểm của quá trình công nghệ, cũng như yêu cầu của trình độ hạch toán kinh tế và quản lý của Doanh nghiệp. Đối tượng tính giá thành sẽ khác nhau.

Về mặt sản xuất:

Nếu sản xuất đơn chiếc thì đối tượng tính giá thành là từng sản phẩm, công việc, lao vụ hoàn thành. Ví dụ: Xí nghiệp đóng tàu là từng con tàu, xây dựng cơ bản là từng công trình, hạng mục công trình.

Nếu sản xuất hàng loạt thì đối tượng tính giá thành là từng loạt sản

phẩm. Ví dụ: Xí nghiệp cơ khí công cụ là hàng loạt máy công cụ...

Nếu tổ chức sản xuất hàng loạt sản phẩm khác nhau thì đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm một. Ví dụ: Sản phẩm của xí nghiệp hoá chất, vải trong xí nghiệp dệt, cao su, cà phê trong xí nghiệp nông nghiệp...

Về mặt quy trình công nghệ:

Nếu quy trình công nghệ giản đơn thì đối tượng tính giá thành chỉ có thể là sản phẩm hoàn thành ở cuối quy trình công nghệ đó.

Nếu quy trình công nghệ sản xuất phức tạp kiểu liên tục (phân bước) thì đối tượng tính giá thành có thể là thành phẩm ở giai đoạn cuối. Cũng có thể là nửa thành phẩm ở từng giai đoạn và thành phẩm ở giai đoạn cuối cùng.

Nếu quy trình công nghệ sản xuất phức tạp kiểu song song thì đối tượng tính giá thành có thể bao gồm cả chi tiết, phụ tùng, bộ phận sản xuất hay thành phẩm. Ví dụ: Sản phẩm lắp ráp.

Ngoài ra cũng cần phải xem xét: Chu kỳ sản xuất dài hay ngắn, nửa thành phẩm tự chế có phải là sản phẩm hàng hoá bán ra hay không, yêu cầu trình độ quản lý của Doanh nghiệp như thế nào để xác định đối tượng tính giá thành cho phù hợp.

2.4.3. Đơn vị tính giá thành và kỳ tính giá thành

Đơn vị tính giá thành: Là đơn vị được thừa nhận trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Nó phù hợp với tính chất lí, hoá học của sản phẩm, đơn vị phải thống nhất. Ví dụ: Vải (mét), nước mắm, rượu, bia (lít, chai), xi măng (tấn)...

Kỳ tính giá thành: Kỳ tính giá thành sản xuất sản phẩm là thời điểm mà kế toán tính giá thành tiến hành tính giá thành sản phẩm, trên cơ sở chi phí sản xuất đã tập hợp được.

Việc xác định kỳ tính giá thành phụ thuộc vào đặc điểm tổ chức sản xuất, chu kỳ sản xuất sản phẩm, kỳ tính giá thành có thể phù hợp với kỳ báo cáo, có thể phù hợp với chu kỳ sản xuất sản phẩm: tháng, quý, năm, đơn đặt hàng, công trình, hạng mục công trình...

2.4.4. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Phương pháp giản đơn (phương pháp trực tiếp)

Phương pháp này chủ yếu áp dụng cho những doanh nghiệp có quy trình sản xuất giản đơn, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành phù hợp với nhau. Ngoài ra, phương pháp này còn áp dụng cho những doanh nghiệp có quy trình sản xuất phức tạp nhưng sản xuất khối lượng lớn và ít loại sản phẩm hoặc để tính toán giá thành của những công việc, kết quả trong từng giai đoạn sản xuất nhất định. Công thức tính giá thành theo phương pháp này như sau:

$$\begin{aligned} \text{Tổng giá thành thực tế của SP} &= \text{CP sản xuất của SPDD đầu kì} + \text{CP sản xuất phát sinh trong kì} - \text{CP sản xuất của SPDD cuối kì} - \text{CP sản xuất của SP hỏng} \\ \text{Giá thành đơn vị thực tế} &= \frac{\text{Tổng giá thành thực tế}}{\text{Số lượng sản phẩm thực tế nhập kho}} \end{aligned}$$

Phương pháp hệ số

Phương pháp này được áp dụng khi trong cùng một quy trình sản xuất tạo ra nhiều loại sản phẩm chính và giữa chúng có hệ số quy đổi (quy đổi thành sản phẩm chuẩn, sản phẩm có hệ số là 1 được xem là sản phẩm chuẩn). Đặc điểm tổ chức kế toán của phương pháp này: đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là nhóm sản phẩm, còn đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm.

Công thức tính theo phương pháp này như sau:

$$\text{Tỷ lệ tính giá thành (theo từng khoản mục)} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất thực tế}}{\text{Tổng tiêu chuẩn phân bổ}} \times 100\%$$

$$\text{Giá thành thực tế của từng quy cách sản phẩm} = \frac{\text{Tiêu chuẩn phân bổ giá thành của từng quy cách sản phẩm}}{\text{tổng quy cách sản phẩm}} \times \text{Tỷ lệ tính giá thành}$$

Phương pháp tỷ lệ

Phương pháp này được áp dụng khi trong cùng một quy trình sản xuất tạo ra nhiều loại sản phẩm chính nhưng giữa chúng không có hệ số quy đổi, do vậy phải xác định tỷ lệ giữa tổng giá thành thực tế và tổng giá thành kế hoạch (hoặc định mức) để qua đó xác định giá thành cho từng loại sản phẩm. Đặc điểm tổ chức kế toán của phương pháp này cũng giống như ở phương pháp hệ số: đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là nhóm sản phẩm, còn đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm.

Công thức tính theo phương pháp này như sau:

$$\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{Tổng Z thực tế của các loại SP hoàn thành trong kỳ}}{\text{Tổng Z kế hoạch (hoặc định mức) của các loại sản phẩm}}$$

$$\text{Tổng Z thực tế của từng loại sản phẩm} = \frac{\text{Tổng Z kế hoạch (hoặc định mức) của từng loại SP}}{\text{Tỷ lệ}}$$

Phương pháp loại trừ sản phẩm phụ

Phương pháp này được áp dụng khi trong cùng một quy trình sản xuất bên cạnh sản phẩm chính còn thu được sản phẩm phụ - sản phẩm phụ không phải là đối tượng tính giá thành và được đánh giá theo giá quy định. Công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng Zsp} & & \text{CPSX} & & \text{CPSX} & & \text{CPSX} & & \text{Giá trị sản} \\ \text{hoàn thành} & = & \text{DD đầu} & + & \text{phát sinh} & - & \text{DD Cuối} & - & \text{phẩm phụ} \\ \text{trong kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{thu hồi} \end{array}$$

Phương pháp phân bước

Phương pháp này chủ yếu được áp dụng cho những xí nghiệp sản xuất phức tạp kiểu chế biến liên tục, quy trình công nghệ chia ra nhiều giai đoạn (bước) nối tiếp nhau theo một trình tự nhất định: mỗi bước chế biến ra một

loại bán thành phẩm và bán thành phẩm của bước này là đối tượng chế biến của bước sau. Có thể chia ra hai phương pháp nhỏ:

Phương pháp kết chuyển song song (không tính giá thành bán thành phẩm mà chỉ tính giá thành sản phẩm hoàn chỉnh):

Phương pháp này áp dụng cho những doanh nghiệp có quy trình sản xuất qua nhiều giai đoạn chế biến liên tục để tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là từng giai đoạn công nghệ, còn đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành.

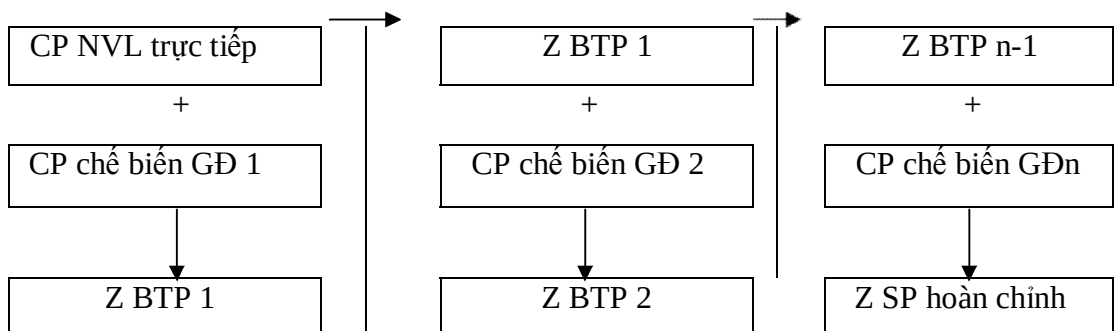
Công thức tính giá thành cho phương pháp này:

$$Z_{sp} = \begin{array}{c} \text{CPSX giai đoạn 1 nằm} \\ \text{trong thành phẩm} \end{array} + \begin{array}{c} \text{CPSX giai đoạn 2 nằm} \\ \text{trong thành phẩm} \end{array} + \dots$$

Phương pháp kết chuyển tuần tự (có tính giá thành bán thành phẩm ở từng giai đoạn sản xuất trước khi tính giá thành sản phẩm hoàn thành):

Phương pháp này áp dụng cho những doanh nghiệp có quy trình sản xuất phức tạp qua nhiều giai đoạn chế biến và có yêu cầu tính giá thành bán thành phẩm ở mỗi giai đoạn. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là từng giai đoạn sản xuất, còn đối tượng tính giá thành là các bán thành phẩm ở từng giai đoạn và sản phẩm hoàn chỉnh ở giai đoạn cuối cùng.

Công thức tính Z được biểu diễn như sau:



Phương pháp đơn đặt hàng

Phương pháp này chủ yếu được áp dụng cho những xí nghiệp sản xuất

đơn chiếc hoặc sản xuất hàng loạt nhỏ, công việc sản xuất thường được tiến hành căn cứ vào các đơn đặt hàng của người mua. Đơn đặt hàng có thể chỉ là một sản phẩm riêng biệt hoặc một số sản phẩm cùng loại. Từng đơn đặt hàng là đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và cũng là đối tượng tính giá thành. Giá thành của từng đơn đặt hàng là toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh kể từ lúc bắt đầu thực hiện cho đến lúc hoàn thành, hay giao hàng cho khách hàng.

Phương pháp định mức

Phương pháp này được áp dụng khi các doanh nghiệp có hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật hoàn chỉnh, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh đồng thời có hệ thống hạch toán được thiết kế tương ứng có khả năng cung cấp và phân tích thông tin nhanh nhạy, đảm bảo được độ tin cậy cần thiết. Đây là phương pháp tính giá thành dựa vào các định mức tiêu hao về vật tư, lao động, các dự toán về chi phí phục vụ sản xuất và quản lý, khoản chênh lệch do những thay đổi định mức cũng như chênh lệch trong quá trình thực hiện so với định mức. Theo phương pháp này thì giá thành thực tế của sản phẩm được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá thành} & & \text{Tổng giá thành} & & \text{Chênh lệch do} & & \text{Chênh lệch do} \\ \text{thực tế} & = & \text{định mức} & \pm & \text{thay đổi định mức} & \pm & \text{thoát ly định} \\ & & & & & & \text{mức} \end{array}$$

Chênh lệch do thay đổi định mức sẽ được xử lý vào đầu kỳ kế toán nên giá thành thực tế có sự khác biệt so với giá thành định mức là do việc thực hiện định mức trong kỳ kế toán.

Đầu kỳ, căn cứ vào các định mức tiêu hao của từng khoản mục để xác định giá thành định mức và phản ánh vào các tài khoản có liên quan theo định mức tiêu hao đã được xác định theo lượng sản phẩm đã được sản xuất.

Trong kỳ khi thực hiện có thể có những khoản mục vượt định mức hoặc có thể tiết kiệm so với định mức. Để theo dõi chênh lệch, kế toán có thể mở các tài khoản chi tiết để ghi chép số vượt định mức hoặc tiết kiệm. Các tài

khoản chi tiết này được mở riêng cho từng khoản mục tương ứng với các tài khoản 621, 622, 627 và cuối kỳ cũng được kết chuyển sang tài khoản 154 để xác định tổng chi phí sản xuất vượt hoặc tiết kiệm so với định mức và phục vụ cho việc xác định giá thành thực tế sản phẩm hoàn thành.

2.5. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp

Các nhà quản trị trong doanh nghiệp phải thực hiện các chức năng: lập kế hoạch, kiểm soát và đánh giá hiệu quả. Để thực hiện các chức năng này, các nhà quản trị doanh nghiệp cần được cung cấp thông tin về chi phí và giá thành theo từng bộ phận, từng loại sản phẩm và theo từng trách nhiệm được phân quyền. Cụ thể:

Để lập kế hoạch, các nhà quản trị cần có các thông tin về định mức chi phí bao gồm chi phí biến đổi và chi phí cố định. Dựa trên cơ sở khối lượng hoạt động, mỗi bộ phận sẽ phân tích chi phí để lập dự toán cho các hoạt động của bộ phận. Các dự toán được lập thường bao gồm: dự toán bán hàng, dự toán sản xuất, dự toán mua vật liệu, dự toán chi phí nhân công, dự toán chi phí sản xuất chung, dự toán tiền, v.v... Phạm vi lập dự toán thường theo các trung tâm trách nhiệm hoặc các bộ phận trong doanh nghiệp. Kỳ lập dự toán thường theo năm hoặc theo tháng, quý. Dự toán được lập là cơ sở để kiểm soát các hoạt động trong doanh nghiệp và là thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động của các bộ phận trong doanh nghiệp. Các thông tin chi phí cần thiết để lập dự toán bao gồm thông tin về số lượng sản phẩm sản xuất, khối lượng hoạt động mỗi loại, định mức chi phí cho mỗi hoạt động, v.v...

Chức năng kiểm soát hoạt động là chức năng đảm bảo cho các hoạt động của doanh nghiệp được thực hiện theo đúng kế hoạch như dự toán nhằm đạt được mục tiêu đã đặt ra. Trong quá trình thực hiện dự toán (kế hoạch), các nhà quản trị cần phải được cung cấp thông tin thực hiện để so sánh với dự

toán và có các điều chỉnh kịp thời để đảm bảo đạt được mục tiêu đã đặt ra. Các thông tin chi phí được sử dụng để kiểm soát chủ yếu là các thông tin về kết quả hoạt động thực tế tương ứng với các thông tin chi phí dự toán.

Đánh giá là chức năng cuối cùng của nhà quản trị. Mục đích của đánh giá là để chỉ ra các hoạt động hiệu quả và những hoạt động chưa hiệu quả. Đối với những hoạt động hiệu quả, doanh nghiệp có chính sách khen thưởng phù hợp sẽ khuyến khích và tạo động lực để các nhà quản trị bộ phận hoạt động hiệu quả hơn. Ngược lại, với những hoạt động chưa hiệu quả, doanh nghiệp cần tìm nguyên nhân để có biện pháp cải thiện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong tương lai. Thông qua, đánh giá, các hoạt động của doanh nghiệp sẽ ngày càng đạt hiệu quả cao. Việc đánh giá được thực hiện bằng việc so sánh số liệu thực tế với dự toán và phân tích chênh lệch để tìm nguyên nhân của các chênh lệch bất lợi. Để thực hiện chức năng này, bộ phận kế toán phải cung cấp cho các nhà quản trị các báo cáo hoạt động trên đó phản ánh các số liệu thực tế, dự toán cũng như các chênh lệch có lợi và bất lợi.

Báo cáo kế toán quản trị là kết quả đầu ra của công tác kế toán quản trị chi phí, Báo cáo kế toán quản trị chi phí là loại báo cáo kế toán phản ánh một cách chi tiết, cụ thể tình hình chi phí của doanh nghiệp theo yêu cầu quản lý của các cấp quản trị khác nhau trong doanh nghiệp để ra các quyết định quản lý kinh doanh. Hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí của một doanh nghiệp thường bao gồm các loại báo cáo sau:

Báo cáo dự toán phục vụ cho chức năng lập kế hoạch: Báo cáo dự toán là rất cần thiết cho tất cả các doanh nghiệp. Báo cáo dự toán là một kế hoạch hành động, nó lượng hoá các mục đích của tổ chức theo các mục tiêu về tài chính và hoạt động của doanh nghiệp. Cùng với chức năng hệ thống hoá việc lập kế hoạch, các thông tin trên báo cáo dự toán cũng đưa ra những tiêu chuẩn cho việc đánh giá kết quả hoạt động, hoàn thiện sự truyền tải thông tin và sự

hợp tác trong nội bộ tổ chức.

Các báo cáo dự toán còn hữu dụng với các nhà quản lý trong quá trình ra quyết định tài trợ và điều hành. Loại báo cáo này thường bao gồm: Báo cáo dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, báo cáo Dự toán chi phí nhân công trực tiếp, báo cáo dự toán chi phí sản xuất chung, báo cáo Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, Các báo cáo này được lập theo từng bộ phận sản xuất, từng loại sản phẩm, v.v...

Báo cáo phục vụ cho quá trình kiểm tra, đánh giá báo cáo kiểm soát chi phí và ra quyết định: Các báo cáo này được lập nhằm kiểm tra tình hình thực hiện chi phí, dự toán chi phí, đánh giá kết quả thực hiện của từng đơn vị nội bộ trong doanh nghiệp. Báo cáo này có thể lập theo nhiều phương pháp khác nhau, cho nhiều đối tượng và phạm vi khác nhau, tùy theo yêu cầu quản lý cụ thể của từng doanh nghiệp mà xây dựng loại báo cáo này cho phù hợp.

2.5.1. Báo cáo kiểm soát chi phí phục vụ việc đánh giá trách nhiệm quản lý

Công cụ dùng để đánh giá trách nhiệm quản trị chi phí là báo cáo kiểm soát. Các nhà quản trị sử dụng dự toán chi phí để phân tích kết quả hoạt động, chỉ ra được số chênh lệch chi phí nào là do kiểm soát chi phí và số chênh lệch nào do khối lượng sản xuất gây ra.

Báo cáo kiểm soát chi phí dùng để đánh giá trách nhiệm quản lý của bộ phận chỉ trình bày các chi phí có thể kiểm soát được ở bộ phận đó. Chi phí có thể kiểm soát được phân theo các yếu tố và theo chi tiết đủ để cung cấp thông tin hữu ích cho việc đánh giá trách nhiệm quản lý.

Đặc trưng của báo cáo kiểm soát chi phí là phải liên quan đến trách nhiệm cá nhân, kết quả thực tế phải được so sánh với chuẩn mực có sẵn tốt nhất, thông tin quan trọng phải được làm nổi bật.

2.5.2. Phân tích biến động chi phí phục vụ quản trị chi phí

Quá trình nhận diện và phân tích chi phí cần phải gắn kết mục tiêu của

doanh nghiệp như doanh thu, lợi nhuận hay thị phần, ... cần giải thích những thay đổi của chi phí để có cách nhìn tốt hơn về sự biến động của chi phí từ đó cung cấp thông tin hữu ích cho nhà quản trị.

Mỗi thời điểm khác nhau và tùy theo mục đích khác nhau mà cần nhận diện, phân tích thông tin phù hợp. Do đó, khi phân tích chi phí trong mỗi tình huống cần có những trình tự nhất định:

- Xác định chỉ tiêu phân tích
- Xác định đối tượng phân tích: mức chênh lệch của chỉ tiêu phân tích giữa thực tế so với dự toán trong kỳ
- Xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố
- Xác định nguyên nhân, xu hướng và giải pháp

Quá trình phân tích biến động là quá trình cung cấp thông tin phản hồi, nhằm giúp quản lý kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời chấn chỉnh những hoạt động chưa tốt hoặc kịp thời điều chỉnh những tiêu chuẩn xa rời thực tế. Để quá trình nhận diện và phân tích chi phí chính xác, hiệu quả đơn vị cần sự xuất hiện trung tâm chi phí gắn liền với sự phân cấp về quản lý, mà ở đó người quản lý có quyền và chịu trách nhiệm đối với kết quả của hoạt động thuộc phạm vi mình quản lý.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 1 của luận văn đã nghiên cứu cơ sở lý luận của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp trong các doanh nghiệp sản xuất. Cụ thể đã nghiên cứu khái quát về quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị chi phí; phân loại chi phí sản xuất phục vụ tính giá thành sản phẩm đáp ứng yêu cầu quản trị chi phí; tập hợp chi phí phục vụ tính giá thành; tính giá thành và báo cáo chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị chi phí sản xuất nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Đây là những cơ sở lý luận để làm tiền đề cho công tác phân tích thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phục vụ quản trị chi phí tại Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179 từ đó đề xuất những giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phục vụ quản trị doanh nghiệp tại Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM PHỤC VỤ QUẢN TRỊ TẠI CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ Z179

3.1. Tổng quan về Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179

3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Thông tin chung về công ty

Tên công ty: Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Z179

Địa chỉ trụ sở: Km 12, quốc lộ 1A, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Hà Nội

Mã số thuế: 0105382003

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH một thành viên

Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2016: 121.156.480.000 đồng

Người đại diện pháp luật: Giám đốc Đại tá Nguyễn Văn Tháo

Số điện thoại: 0438618967- 0438615255 - Fax: 0438615255

Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Z179 tiền thân là Công ty Cơ khí Z179 được chính thức thành lập ngày 11 tháng 3 năm 1972, do quyết định của cục quản lý xe. Công ty được thành lập với mục đích chính là sản xuất các phụ tùng thay thế cho xe cơ giới quân sự phục vụ cho chiến tranh giải phóng miền nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và của Bộ Quốc Phòng, công ty không ngừng phát triển và trưởng thành. Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Z179 là một công ty sản xuất công nghiệp Quốc Phòng để góp phần xây dựng lực lượng vũ trang ngày một vững mạnh.

Để đáp ứng với yêu cầu và nhiệm vụ được giao nên sau khi hình thành Z179 nhanh chóng phát triển về mọi mặt. Cơ cấu tổ chức ngày càng hoàn thiện. Cục chỉ định ban giám đốc, chỉ định hàng ngũ cán bộ chủ chốt. Từ các

tổ nay trở thành các ngành sản xuất như ngành cơ khí, ngành dụng cụ, ngành nóng. ở mỗi ngành đã được trang bị đầy đủ về người và các trang thiết bị hiếm quý. Ban vật tư, ban quân y cũng lần lượt ra đời. Quân số cán bộ, chiến sĩ, công nhân ngày một tăng nhanh. Do yêu cầu phát triển của ngành xe nên trong năm 1971 cục quản lí xe giao cho Z179 nghiên cứu chế thử và đi vào sản xuất động cơ xe Trường Sơn, chế tạo trục khuỷu, máy nén khí, bơm trợ lực tay lái bầu giảm xóc ngang, cần gạt mưa và nhiều bộ gá lớn nhỏ cho các nhà máy bạn trong cục. Muốn hoàn thành được nhiệm vụ, công ty đã nhanh chóng ổn định về mọi mặt. Các cấp lãnh đạo trong nhà máy đã tập trung vào việc tập hợp được cơ sở vật chất kĩ thuật nhằm tổ chức lại sản xuất và xây dựng được một đội ngũ cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên yêu ngành, yêu nghề phục vụ lâu dài trong Quốc phòng và cho sự lớn mạnh của ngành xe mai sau.

Công ty cơ khí Z179 đã phấn đấu liên tục trở thành công ty được tổng cục phân cấp loại 2, có cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh, có các trang thiết bị tương đối hiện đại nhằm phục vụ lâu dài cho ngành xe.

Ngay từ đầu năm 1975 Tổng cục Kỹ Thuật đã chủ trương hợp nhất một số xí nghiệp nhỏ tạm thời, bao cấp nhập thành những quy mô sản xuất lớn vào Z179. Nhiệm vụ đặt ra ngay lúc đó là phải vận chuyển toàn bộ các trang thiết bị nhân lực về địa điểm tập kết sao cho an toàn tuyệt đối về người và của. Song song với việc di chuyển công ty vừa thiết kế, vừa thi công, vừa xây dựng và lắp đặt thiết bị để đi vào sản xuất đảm bảo kế hoạch năm.

Công ty đã hết sức cố gắng ổn định công việc và thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ngay sau khi sát nhập nhà máy đã được giao nhiệm vụ chính là sản xuất bánh răng, phụ tùng gầm ô tô, ngoài ra còn tiến hành sản xuất các phụ tùng thay thế để đáp ứng yêu cầu cấp bách cho việc sửa chữa xe phục vụ cho chiến đấu. Ngay từ giữa năm 1975, sau khi sát nhập nhà máy đã đưa ngay vào lắp đặt dây chuyền sản xuất bánh răng cho nên cuối năm 1975 dây

chuyên sản xuất này đã đi vào ổn định. Sản phẩm bánh răng sau này trở thành sản phẩm chính và là một trong những mặt hàng truyền thống của công ty. Từ năm 1978 đến năm 1980, công ty đã sản xuất nhiều mặt hàng đột xuất để phục vụ kịp thời cho chiến đấu như sản xuất xích xe tăng sản xuất các công trình xa để phục vụ sửa chữa lưu động, sản xuất 2000 cần gạt mưa, 10000 kẹp cáp, 10 triệu đạn bi, 1 triệu con dao tông, 138.468 xẻng, 5.966 cuộc bộ binh, 362 ghế hành quân, 60 ngàn biển số ô tô, chế tạo thử buồng nổ...

Trong thời gian này việc sản xuất ra nhiều mặt hàng phục vụ chiến đấu trở thành phong trào thi đua sôi nổi. Mọi người coi đây là mặt trận và mỗi cá nhân là một chiến sĩ trên mặt trận ấy. Nổi bật nhất trong giai đoạn này là thành tích đạt được trong sản xuất của công ty. Trong những năm vừa xây dựng, vừa trưởng thành, vừa góp phần phục vụ chiến đấu công ty vẫn đảm bảo được kế hoạch sản xuất mà tổng cục giao. Ba năm liên công ty đều được Tổng cục, Bộ cấp bằng khen.

Trong những năm đầu xoá bỏ chế độ bao cấp, công ty gặp rất nhiều khó khăn, do chưa kịp thích nghi với điều kiện mới. Đội ngũ cán bộ công nhân viên chức trong công ty chưa có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, còn nhiều ý kiến chủ quan, quan liêu, cửa quyền nên tình hình sản xuất kinh doanh có chiều hướng đi xuống, lương của CBCNV còn chưa được đảm bảo, đời sống của CBCNV còn gặp nhiều khó khăn.

Nhưng những năm gần đây, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty ngày càng ổn định và phát triển. Do đặc thù của sản phẩm bánh răng là ít nơi có thể chế tạo được và chất lượng sản phẩm của công ty lại cao và ổn định nên công ty đã tìm cho mình được chỗ đứng trên thị trường. Các hợp đồng kinh tế ngày càng nhiều. Công ty không chỉ chuyên sản xuất về bánh răng mà còn chế tạo sản xuất một số máy móc thiết bị chuyên dùng cho ngành sản xuất công nghiệp cơ khí, cho nông nghiệp. Cuộc sống vật chất và tinh thần của

người công nhân được nâng cao, khiến tình hình sản xuất của công ty ngày càng sôi động. Công ty không những hoàn thành vượt chỉ tiêu của bộ đề ra mà còn phát động nhiều phong trào thi đua sản xuất nên năm nào cũng được Bộ và Tổng cục khen thưởng.

3.1.2. Sản phẩm của Công ty

Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Z179 chuyên sản xuất các mặt hàng cơ khí cho Quốc Phòng và Kinh Tế. Bao gồm các loại:

Phụ tùng ô tô, xe máy, các cơ cấu truyền động như: Bánh răng côn xoắn, côn thẳng, bánh răng trụ răng thẳng, răng nghiêng. Trục vít bánh vít và các dạng trục then hoa.

Hộp số các loại dùng cho: ô tô, xe xích, máy thủy, máy nông nghiệp và phụ tùng khác cho các ngành dệt, nhiệt điện.

Phụ kiện đường dây tải điện, bi nghiền xi măng, nghiền than.

Đĩa xích xe máy dùng cho các loại xe Honda, Suzuki, Dayang, Yamaha.

Các loại dụng cụ cắt gọt: dao phay lăn răng, dao sọc, dao hình, dao chuốt, quả lô cán ren, cán thép.

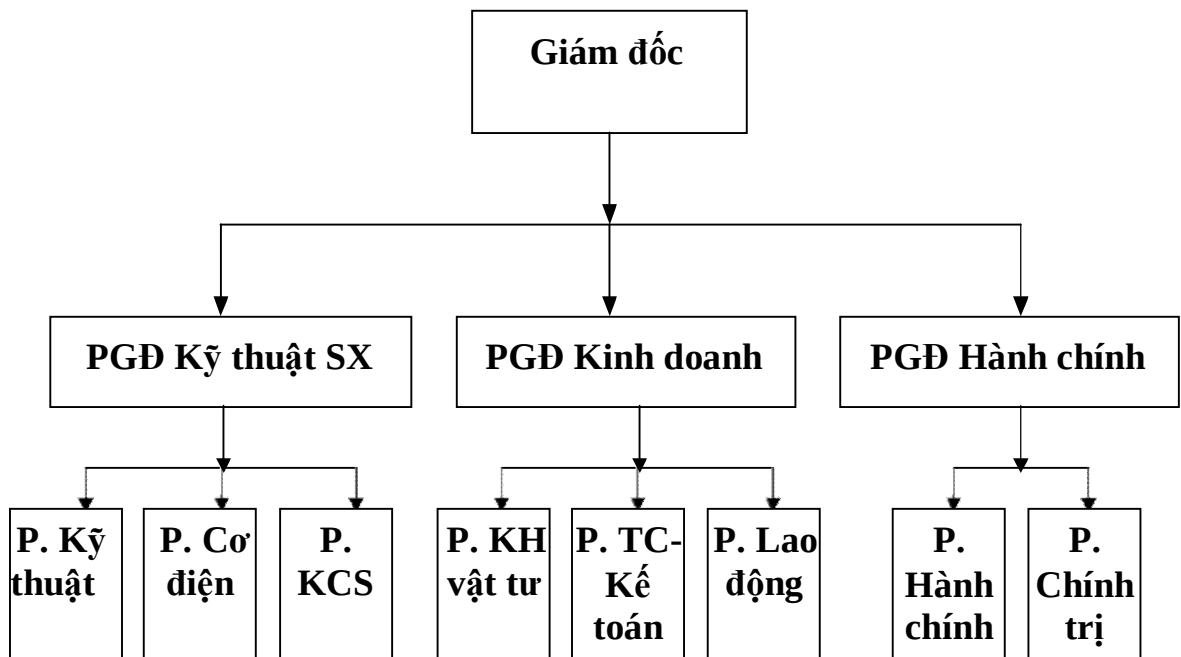
Các loại bánh xe làm việc trong môi trường ăn mòn.

Trong đó mặt hàng truyền thống của công ty là bánh răng côn xoắn có nhiều ưu thế trên thị trường sản phẩm cơ khí. Công ty gần như không có đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực này. Hiện nay tuy đã có một số nơi sản xuất bánh răng côn xoắn nhưng chất lượng không cao, không đảm bảo các quy trình kỹ thuật nên sản phẩm của công ty vẫn tiêu thụ được với khối lượng lớn. Số lượng sản phẩm sản xuất ra của công ty hàng năm phụ thuộc chủ yếu vào chỉ tiêu của Bộ giao và số hợp đồng đặt hàng của khách hàng. Do công ty chỉ sản xuất sản phẩm theo đơn đặt hàng nên số lượng sản xuất sản phẩm hàng năm không ổn định và có sự biến động lớn qua các năm. Một số mặt hàng có

năm không sản xuất nhưng có năm lại sản xuất với số lượng sản phẩm rất lớn. Điều đó phụ thuộc rất nhiều vào tình hình kinh tế xã hội trong từng năm. Như nhóm sản phẩm phụ tùng xe máy có những năm công ty không có hợp đồng nên không sản xuất một sản phẩm nào, nhưng có những năm đơn đặt hàng nhiều công ty đã sản xuất với số lượng rất lớn. Nhưng có thể thấy, mặt hàng bánh răng côn xoắn của công ty hàng năm được sản xuất với khối lượng tương đối ổn định, năm nào công ty cũng có hợp đồng để tiến hành sản xuất. Ngoài sản phẩm bánh răng côn xoắn sản xuất phục vụ cho lĩnh vực kinh tế, hàng năm công ty phải sản xuất một khối lượng hàng nhất định phục vụ cho lĩnh vực an ninh Quốc phòng. Năm nào công ty cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất sản phẩm truyền thống đặc chủng này của mình. Điều đó góp phần rất lớn vào việc ổn định tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong những năm qua, tạo công ăn việc làm cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty.

3.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty

Công ty cơ khí Z179 là một công ty chuyên sản xuất các sản phẩm cơ khí cho Quốc Phòng và Kinh Tế. Với diện tích dành cho sản xuất và hoạt động không lớn nên nhìn chung bộ máy cơ cấu tổ chức khá gọn nhẹ, bao gồm một số phòng ban chức năng và một số phân xưởng sản xuất. Ban giám đốc luôn luôn phối hợp với các phòng ban chức năng, đề ra những kế hoạch sản xuất phù hợp với tình hình rồi trực tiếp điều hành sản xuất cùng với các quản đốc phân xưởng. Các bộ phận, các phòng ban luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm thực hiện đúng các kế hoạch đề ra, đảm bảo cho quá trình sản xuất được diễn ra liên tục và có hiệu quả.



Sơ đồ 3.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Chức năng của các phòng ban

- *Phòng kế hoạch - vật tư*: có nhiệm vụ nghiên cứu tình hình sản xuất thực tế năm trước do phòng kế toán gửi xuống rồi thông qua đó lập kế hoạch sản xuất từng kì (tháng, quý, năm). Ngoài ra, phòng kế hoạch còn phải thực hiện các việc liên quan đến vấn đề kí kết hợp đồng kinh tế với các đơn vị khác như: marketing, quảng cáo sản phẩm, đưa các kế hoạch tham dự các hội chợ. Phòng kế hoạch phải tạo mối liên hệ chặt chẽ với khách hàng, sẵn sàng cung ứng đủ số lượng sản phẩm cần thiết cho khách hàng. Ngoài việc phải lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, phòng kế hoạch - vật tư còn phải tổ chức sản xuất, đảm bảo cung ứng nguồn vật tư cần thiết cho sản xuất, sửa chữa. Phải tính toán chi tiết lượng vật tư dự trữ, bảo hiểm cần thiết cho cả giai đoạn sản xuất trong kì. Phải lập kế hoạch chiến lược sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong thời gian tới. Tính toán chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, chi phí quản lý để từ đó xác định giá thành sản phẩm một cách tối ưu nhất.

- *Phòng tài chính - kế toán*: Thực hiện việc tổng kết, báo cáo tình hình

sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kì cụ thể. Phân tích, tính toán cụ thể, chi tiết mức độ hoàn thành kế hoạch của doanh nghiệp. Lập bảng tổng kết tài sản cụ thể từng kì để cho phòng kế hoạch lập kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- *Phòng lao động*: Thực hiện việc quản lý lao động. Cụ thể là về tiền lương, tiền thưởng của lao động trực tiếp và gián tiếp trong tháng, trong năm, về các vấn đề liên quan đến sự biến động nguồn nhân lực trong kì, thực hiện các công việc theo dõi số ngày làm việc của từng công nhân, nhân viên, tính toán số ngày nghỉ phép ốm đau của CBCNVC. Phòng lao động tính toán lương, bảo hiểm xã hội và còn phải đảm bảo các vấn đề liên quan đến việc an toàn lao động, đào tạo huấn luyện, nâng bậc cho CBCNV trong toàn nhà máy.

- *Phòng kĩ thuật*: Có nhiệm vụ quản lý kĩ thuật chung cho toàn nhà máy. Dựa vào các hợp đồng kinh tế, các bản vẽ thiết kế điều hành tổ chức thiết kế, lập quy trình sản xuất, đảm bảo các yêu cầu kĩ thuật của sản phẩm, phù hợp với trang thiết bị của doanh nghiệp. Xây dựng định mức vật tư cho từng loại sản phẩm sản xuất trong kì. Tham mưu cho lãnh đạo đơn vị về phương hướng duy trì, đẩy mạnh, phát triển công tác khoa học quản lý công nghệ, phục vụ cho mục tiêu sản xuất kinh doanh của đơn vị ngày càng tốt hơn. Xây dựng đội ngũ về chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ lâu dài cho công tác đảm bảo kĩ thuật.

- *Phòng cơ điện*: Quản lý kĩ thuật thiết bị năng lượng. Phải đảm bảo mọi quy định đối với việc quản lý, sửa chữa máy móc thiết bị, năng lượng đảm bảo cho sản xuất: nước, điện. Ngăn ngừa, hạn chế các hư hỏng bất thường, khai thác tối đa công suất thiết kế của thiết bị và hệ thống năng lượng. Tìm mọi biện pháp để cải tiến, hiện đại hoá và đổi mới thiết bị nhằm tạo nên chất lượng sản phẩm và năng suất cao hơn.

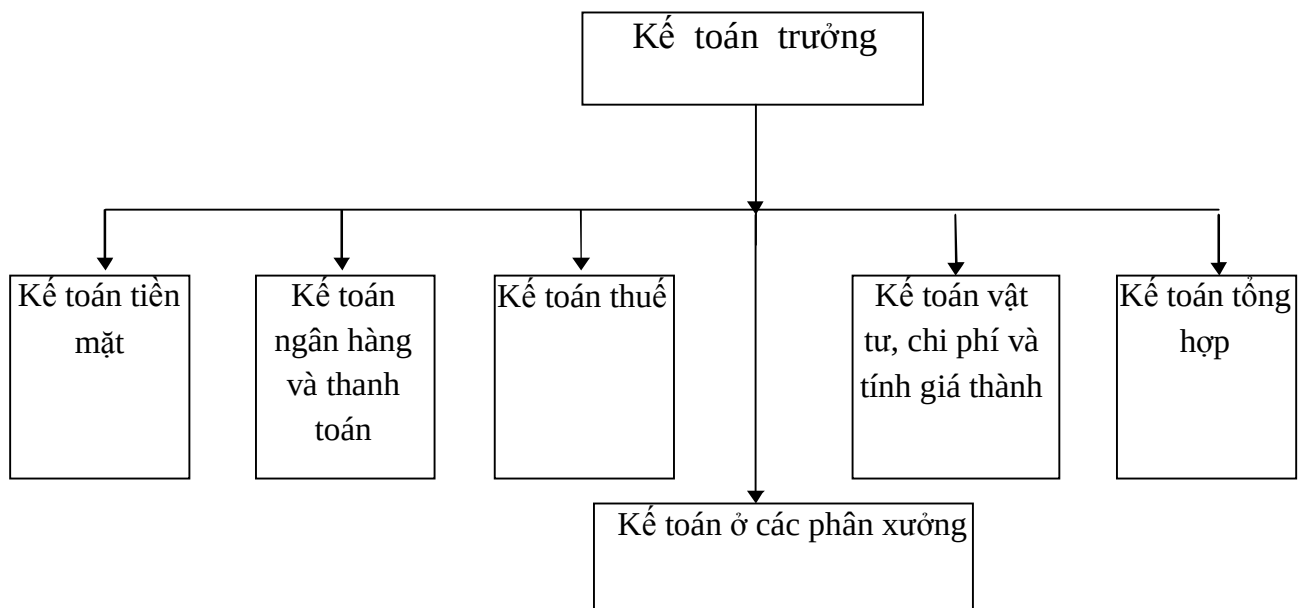
- *Phòng KCS*: Có nhiệm vụ quản lý chất lượng sản phẩm, quản lý máy

móc thiết bị dụng cụ đo lường, đề xuất với giám đốc các biện pháp sử dụng sao cho hợp lý và có hiệu quả. Đảm bảo kỹ thuật và phương pháp đo cho mọi người sử dụng phương tiện dụng cụ đo trong công ty. Cùng với cán bộ của phòng kỹ thuật tìm ra các nguyên nhân sai hỏng hàng loạt.

- *Phòng hành chính:* bao gồm một số phòng ban như văn thư, y tế, tổ bảo vệ, nhà trẻ, nhà ăn nhằm đảm bảo đời sống tinh thần và thể lực cho công nhân viên toàn nhà máy. Ngoài ra, tổ bảo vệ còn có nhiệm vụ giữ cho tình hình an ninh sản xuất của nhà máy được ổn định, tránh thất thoát tài sản.

- *Phòng chính trị:* có nhiệm vụ nghiên cứu các nghị quyết của Đảng và cấp trên đề ra. Thông qua các biên bản, nghị quyết đó, tiến hành các hoạt động nhằm hướng dẫn và giáo dục toàn bộ cán bộ công nhân viên trong công ty thực hiện đúng đắn những đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Tổ chức các buổi nói chuyện, sinh hoạt tập thể nhằm tìm ra các định hướng đúng đắn cho công ty trong thời gian tới sao cho phù hợp với đường lối chính sách đã đưa ra.

3.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty



Sơ đồ 3.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

Kế toán là một công cụ quan trọng phục vụ điều hành quản lý các hoạt động SXKD. Vậy việc tổ chức kế toán một cách hợp lý, khoa học có vai trò rất quan trọng. Do đặc điểm SXKD nên bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức nửa tập trung nửa phân tán. Theo hình thức này, tại các phân xưởng bố trí nhân viên kế toán nhưng không hạch toán ở các phân xưởng mà định kỳ tập hợp hóa đơn chuyển về phòng kế toán của công ty để hạch toán. Phòng kế toán tài chính là một trong những phòng chức năng trong công ty và thực hiện hai công tác chính là công tác kế toán thống kê và công tác quản trị tài chính.

Kế toán trưởng: Giúp Ban giám đốc tổ chức bộ máy kế toán toàn Công ty, tổ chức hạch toán kinh doanh đảm bảo khoa học, tuân thủ Pháp luật và các chính sách, chế độ của Nhà nước. Tổ chức và thực hiện các công tác ghi sổ, lập báo cáo tài chính, tính lương hàng tháng cho cán bộ công nhân viên và lập báo cáo nhanh theo yêu cầu của ban giám đốc Công ty, quyết toán thuế hàng kỳ với cơ quan thuế, tổ chức công tác lập duyệt, luân chuyển và lưu trữ chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán. Hướng dẫn và phổ biến các chế độ tài chính kế toán hiện hành, các kỹ năng nghiệp vụ của từng phần hành kế toán mà các kế toán viên được phân công, đồng thời giám sát việc thực hiện. Trực tiếp đi giao dịch với ngân hàng, vay vốn, trả nợ theo từng hợp đồng tín dụng. Xây dựng kế hoạch tài chính, kế hoạch giá thành, kế hoạch sử dụng vốn. Tính toán giá thành sản xuất và giá thành toàn bộ của từng mặt hàng, từng lĩnh vực SXKD hoặc từng thời kỳ theo biến động của thị trường. Tham mưu cho Ban giám đốc Công ty về công tác ký kết hợp đồng kinh tế, chiến lược phát triển SXKD nhằm đảm bảo tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận, ổn định và phát triển Công ty. Theo dõi tình hình sản xuất, quản lý sản xuất. Theo dõi và đôn đốc thu hồi công nợ phải thu, đối chiếu và thanh quyết toán công nợ phải trả. Phân tích hoạt động kinh tế, xác định từng khoản tiết kiệm hoặc lãng phí về vật tư,

và các chi phí đầu vào khác, tính toán, cân đối, xác định tỷ lệ lợi nhuận đối với từng mặt hàng, từng khách hàng. Lập kế hoạch sản xuất, tham mưu cho Ban giám đốc Công ty các lĩnh vực khác.

Kế toán tổng hợp: Có nhiệm vụ điều hành, kiểm tra các phần hành kế toán, chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về các phần hành kế toán trong phòng kế toán, có nhiệm vụ lập Báo cáo tài chính.

Kế toán tiền mặt, tạm ứng: có trách nhiệm mở sổ, ghi chép, phản ánh tình hình thu, chi, tạm ứng: phản ánh số hiện có và số dư tiền mặt của công ty.

Kế toán ngân hàng và thanh toán: Giao dịch với ngân hàng để giải quyết công tác mở tài khoản, vay tiền phục vụ cho SXKD, ghi sổ theo dõi, phản ánh tình hình biến động các khoản tiền gửi ngân hàng và tiền vay chi tiết hàng ngày của Công ty theo từng phần hành, theo dõi công nợ phải thu của khách hàng.

Kế toán thuế GTGT: Có nhiệm vụ theo dõi, ghi chép, tập hợp hoá đơn thuế GTGT đầu vào, đầu ra được khấu trừ hàng tháng, hàng quý, hàng năm, phải báo cáo quyết toán hoá đơn với cơ quan thuế chủ quản.

Kế toán vật tư, TSCĐ, chi phí, giá thành, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh: có nhiệm vụ theo dõi tình hình biến động tăng, giảm TSCĐ của Công ty, ghi chép tập hợp chi phí, giá thành theo từng công trình, hạng mục công trình: lập các báo cáo nội bộ phục vụ yêu cầu quản trị chi phí và giá thành sản phẩm.

Kế toán ở các phân xưởng: có nhiệm vụ thực hiện việc tập hợp các chứng từ phát sinh, chấm công ở phân xưởng, nhập xuất vật tư sau đó chuyển chứng từ đó cho phòng kế toán công ty theo định kỳ thường là cuối tháng, để phòng kế toán thực hiện việc hạch toán các hoạt động kinh tế phát sinh tại các phân xưởng và cách làm báo cáo tài chính theo yêu cầu của luật kế toán.

3.1.5. Các chính sách kế toán hiện đang áp dụng tại Công ty

- *Chế độ kế toán*: Hiện nay, Công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính. Tài khoản sử dụng liên quan đến kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm:

TK 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”: dùng để tập hợp chi phí về nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu... phục vụ sản xuất sản phẩm.

TK 622 “Chi phí nhân công trực tiếp” : dùng để tập hợp các chi phí liên quan đến nhân công như tiền lương, lương phụ, phụ cấp lương, các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm.

TK 627 “Chi phí sản xuất chung”: dùng để tập hợp các chi phí sản xuất của từng phân xưởng như lương của nhân viên quản lý phân xưởng, các chi phí văn phòng của phân xưởng

TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”: Dùng tập hợp chi phí. Ngoài ra công ty còn sử dụng thêm các tài khoản:

- *Niên độ kế toán* : bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm

- *Kỳ kế toán*: Quý

- *Hình thức kế toán*: Hình thức nhật ký chung

- *Đơn vị tiền tệ sử dụng ghi sổ*: Đồng Việt Nam: (VNĐ).

- *Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng*: theo phương pháp khấu trừ.

- *Phương pháp kế toán hàng tồn kho*: phương pháp kê khai thường xuyên.

- *Phương pháp tính trị giá hàng xuất kho*: Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

- *Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang*: Theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- *Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ*:

TSCĐ được ghi nhận theo giá gốc, trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT- BTC ngày 25/4/2013 của Bộ tài chính.

3.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty

3.2.1. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất

Sản phẩm của Công ty thường cung cấp cho các đơn vị Bộ Quốc phòng và 1 phần cung cấp cho đơn vị bên ngoài nhưng tất cả đều được đặt hàng trước và sản xuất theo đơn đặt hàng đó. Vì thế đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty là theo đơn đặt hàng. Xác định đúng đắn đối tượng tập hợp chi phí sản xuất phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh, phù hợp với yêu cầu quản lý chi phí sản xuất có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với công tác hạch toán chi phí sản xuất, phục vụ cho công tác tính giá thành ở Công ty. Chính vì thế việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành luôn được quan tâm và coi trọng đúng mức.

Để minh họa quy trình hạch toán chi phí sản xuất tại công ty, luận văn lấy ví dụ hạch toán chi phí sản xuất sản phẩm bánh răng côn xoắn cho đơn hàng Z133 và đơn hàng của Công ty cổ phần ô tô TMT.

Đơn hàng của Xí nghiệp Z133 trực thuộc Tổng cục kỹ thuật Bộ Quốc phòng (đơn đặt hàng Z133) là 5.000 sản phẩm bánh răng côn xoắn. Thời gian sản xuất được tiến hành từ ngày 01/10/2016 và giao hàng vào ngày 31/12/2016. Đơn đặt hàng của Công ty cổ phần ô tô TMT số lượng 10.150 bánh răng côn. Thời gian sản xuất từ 01/11/2016 dự kiến kết thúc ngày 31/01/2017 (đơn đặt hàng TMT). Cả hai đơn hàng này đều được thực hiện tại các phân xưởng của Công ty. Căn cứ vào từng đơn hàng, bộ phận kế hoạch

lập dự toán sản xuất căn cứ vào định mức chi phí và thiết kế sản phẩm.

Công ty có định mức nguyên vật liệu cụ thể và áp dụng linh hoạt phù hợp với từng đơn đặt hàng dựa trên số lượng sản phẩm sản xuất và định mức nguyên vật liệu cho một sản phẩm; để phục vụ yêu cầu lập kế hoạch chi phí, so sánh đối chiếu giữa việc tổ chức thực hiện chi phí và kế hoạch đề ra thì quản trị Công ty cần phải có thông tin về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cụ thể của từng đơn đặt hàng thực tế phát sinh trong quá trình thực hiện dựa vào báo cáo tình hình sản xuất hàng tháng cũng như định mức kế hoạch nguyên vật liệu của công ty. Đồng thời, để tránh thất thoát, hao hụt nguyên vật liệu trực tiếp trong quá trình sản xuất theo yêu cầu của quản lý thì quản trị sản xuất ở Công ty phải có thông tin về giá xuất kho thực tế của nguyên vật liệu trực tiếp một cách chính xác và kịp thời để theo dõi quá trình xuất sử dụng nguyên vật liệu trực tiếp đảm bảo yêu cầu quản lý. Cụ thể đối với sản phẩm bánh răng côn xoắn thì định mức nguyên vật liệu cho một sản phẩm hoàn thành như sau:

Bảng 3.1. Định mức nguyên vật liệu cho sản phẩm bánh răng côn xoắn

Tên sản phẩm	TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng
Bánh răng côn xoắn	1	Thép 18X TT	Kg	4,2
	2	Thép rèn ngoài	Kg	4,2
	3	Dầu nhiệt luyện	KgSp	1,3
	4	Chất thấm	KgSp	0,8

(Nguồn: Phòng kế toán tài chính Công ty)

Đối với chi phí nhân công trực tiếp: Hầu hết, đơn đặt hàng của Công ty đối với tất cả các sản phẩm do Công ty sản xuất đều do công nhân chính thức tại Công ty thực hiện, Công ty không thuê ngoài hình thức trả lương của Công ty là theo thời gian tức là lương tính theo ngày công và Công ty phân công rõ ràng công nhân nào thực hiện đơn đặt hàng nào. Đối với những đơn đặt hàng cần phải đẩy nhanh tiến độ thì Công ty yêu cầu công nhân phải tăng ca. Do

đó, theo yêu cầu quản lý của kế toán đối với chi phí nhân công trực tiếp chủ yếu là việc tập hợp, phân bổ và tính toán chính xác chi phí nhân công trực tiếp của từng đơn đặt hàng.

Đối với chi phí sản xuất chung: Theo báo cáo tham mưu của kế toán với ban giám đốc thì yêu cầu đặt ra là cần phải có một tiêu thức phân bổ chi phí sản xuất công phù hợp với thực tế để có thông tin chính xác về chi phí cho từng đơn đặt hàng nhằm giúp nhà quản trị kiểm soát được chi phí phát sinh phù hợp với kế hoạch định mức. Đồng thời giúp cho việc ghi chép phản ánh vào sổ sách kế toán các chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện được đơn giản, gọn nhẹ hơn. Tiêu thức phân bổ Công ty sử dụng để phân bổ chi phí sản xuất chung đối với hai đơn đặt hàng Z133 và TMT là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

3.2.2. Kế toán chi phí nguyên vật trực tiếp

Tại Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Z179, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Chi phí nguyên vật liệu chính của Công ty bao gồm:

Nguyên vật liệu chính: Thép bao gồm thép 18XTT, thép rèn ngoài

Vật liệu phụ: Chất thấm...

Nhiên liệu: Dầu nhiệt luyện...

Khi nhận đơn hàng, căn cứ vào yêu cầu sản xuất (số lượng, chất lượng sản phẩm) bộ phận kế hoạch lập dự toán chi phí sản xuất. Căn cứ để lập dự toán này là định mức chi phí vật liệu.

Chứng từ kế toán sử dụng:

Để hạch toán chi phí NVL trực tiếp, kế toán sử dụng hai loại chứng từ chủ yếu là: Giấy đề nghị cấp vật tư, phiếu xuất kho vật tư cho sản xuất. Trên các chứng từ này, phân xưởng sản xuất ghi rõ yêu cầu cấp vật tư cho sản xuất đơn hàng nào. Đây là cơ sở để kế toán hạch toán chi phí vật liệu cho từng đơn hàng.

Tài khoản kế toán:

Đề tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, Công ty sử dụng TK 621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đơn hàng. Với hai đơn hàng Z133 và TMT, kế toán sử dụng các tài khoản sau: TK 621-Z133 và TK 621-TMT.

Quy trình kế toán:

Hàng tuần, căn cứ vào nhu cầu sử dụng vật tư của mỗi phân xưởng (căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất cụ thể, căn cứ vào mức tiêu hao vật tư theo kế hoạch sản xuất của mỗi phân xưởng), nhân viên thống kê tại các phân xưởng sẽ viết phiếu đề nghị xuất kho nguyên vật liệu, trên phiếu ghi rõ tên vật tư cần dùng, số lượng, chủng loại, có chữ ký của quản đốc phân xưởng, phó giám đốc sản xuất và sự phê chuẩn của phòng kỹ thuật và gửi đến các kho.

Căn cứ vào phiếu yêu cầu cung ứng vật tư gửi về công ty; phòng vật tư thiết bị trình lên Giám Đốc xem xét và ký duyệt. Sau đó phòng kỹ thuật tiến hành kiểm tra vật tư yêu cầu có cần thiết cho sản xuất hay không. Phòng vật tư thiết bị tiến hành mua vật tư xuất thẳng đến kho.

Ví dụ: Theo phiếu yêu cầu cung ứng vật tư (***Phụ lục 01***) của phân xưởng bánh răng côn đã được Giám đốc ký duyệt. Phòng kỹ thuật kiểm tra ký duyệt, Ngày 01/12/2016 Phòng vật tư thiết bị tiến hành đi mua vật tư, kế toán nhận được hóa đơn GTGT mua thép 18XTT. Căn cứ vào hoá đơn GTGT và biên bản kiểm nghiệm vật tư hàng hoá kế toán lập phiếu nhập kho số 154 (***Phụ lục 02***)

Sau khi được sự chấp nhận của ban giám đốc công ty, căn cứ vào giấy đề nghị xuất vật tư và kế hoạch sản xuất, kế toán vật tư sẽ lập phiếu xuất kho gồm 3 liên: liên 1 lưu tại cuống, liên 2 giao cho người nhận vật tư, liên 3 giao cho thủ kho, thủ kho sẽ tiến hành xuất nguyên vật liệu và tiến hành ghi vào thẻ kho rồi chuyển phiếu xuất kho (***Phụ lục 03***) lên ban quản lý phân xưởng.

Cuối tháng, kế toán căn cứ vào sổ chi tiết vật liệu để lập báo cáo Nhập - Xuất - Tồn kho nguyên vật liệu thể hiện nguyên vật liệu nhập, xuất trong tháng và lượng tồn cuối tháng là bao nhiêu (Chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế).

Căn cứ vào chứng từ kế toán, kế toán ghi sổ Nhật Ký chung (**Phụ lục 04**), rồi vào Sổ Cái TK 621 (**Phụ lục 06**), sổ chi tiết chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đối với phân xưởng bánh răng côn (**Phụ lục 05**).

Như vậy thông tin kế toán đã đáp ứng được yêu cầu quản lý về cung cấp thông tin cho nhà quản trị. Chi phí phát sinh được tập hợp trực tiếp cho từng đơn đặt hàng theo giá thực tế mua là hợp lý. Dựa vào bảng tổng hợp chi phí nguyên vật liệu nhà quản trị có thể có được những thông tin về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh cụ thể ở từng đơn đặt hàng; từ đó đánh giá được tình hình sử dụng tìm được những biện pháp hiệu quả nhất để tránh thất thoát tiết kiệm nguyên vật liệu; đồng thời đi vào phân tích đối chiếu với dự toán xác định chênh lệch để đưa ra quyết định phù hợp với tình hình thực tế.

3.2.3. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp tại công ty bao gồm tiền lương, tiền ăn ca và tiền thưởng của công nhân trực tiếp sản xuất kể cả công nhân thuê ngoài, công nhân vận chuyển bốc dỡ vật liệu.

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức sản xuất, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất và yêu cầu công tác quản lý, Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Z179 vẫn áp dụng hình thức trả lương theo thời gian.

Chứng từ kế toán sử dụng:

Để theo dõi chi phí nhân công trực tiếp kế toán sử dụng các chứng từ như bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, bảng tính và phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương và các chứng từ có liên quan khác

Tài khoản kế toán sử dụng:

Để phản ánh toàn bộ chi phí nhân công trực tiếp của Công ty, kế toán sử dụng TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp. Ngoài ra còn sử dụng tài khoản 334 - Phải trả người lao động, TK 338 - Phải trả phải nộp khác và các tài khoản khác có liên quan

Quy trình kế toán:

- Tổ trưởng thực hiện chấm công cho các thành viên trong tổ thông qua Bảng chấm công (**phụ lục 07**).

- Trên cơ sở bảng chấm công, kế toán lập bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội. Dựa vào bảng chấm công và bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, kế toán xác định số phải trả cho công nhân trong kỳ.

- Kế toán chi phí nhân công trực tiếp - Căn cứ vào bảng phân bổ tiền lương và các khoản bảo hiểm, kế toán ghi sổ Nhật Ký chung (**Phụ lục 04**) rồi vào sổ cái TK 622 (**phụ lục 09**) và ghi sổ chi tiết chi phí nhân công trực tiếp (**Phụ lục 08**)

Chi phí nhân công trực tiếp được tập hợp chi tiết cho từng đơn đặt hàng sẽ giúp nhà quản trị có được thông tin chi phí nhân công hợp lý hơn cho việc kiểm soát chi phí của công ty tuy nhiên việc ghi nhận chi phí nhân công trực tiếp như vậy chưa tuân theo nguyên tắc ghi nhận chi phí.

3.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung của Công ty là những khoản chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng, phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm, bộ phận, tổ đội sản xuất. Chi phí sản xuất chung của Công ty bao gồm:

Chi phí nguyên vật liệu: bao gồm chi phí vật liệu dùng cho phân xưởng sản xuất với mục đích quản lý như: dầu, giẻ lau, giấy bút, chổi...

Chi phí dụng cụ sản xuất: dụng cụ phục vụ phân xưởng như: balang, cân, dụng cụ bảo hộ lao động, mũi khoan, lưỡi cắt, vòng bi, khuôn đúc...

Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý phân xưởng

Chi phí khấu hao TSCĐ bao gồm chi phí khấu hao của tất cả các TSCĐ thuộc các phân xưởng sản xuất như máy móc, nhà xưởng

Chi phí dịch vụ mua ngoài: là những chi phí mua ngoài phục vụ chung cho sản xuất và quản lý phân xưởng như tiền điện, tiền nước..

Chi phí bằng tiền khác: bao gồm các chi phí khác bằng tiền phục vụ cho quản lý sản xuất ở phân xưởng như chi phí tiếp khách, họp ban quản lý...

Chứng từ kế toán sử dụng

Để tập hợp chi phí sản xuất chung kế toán sử dụng các chứng từ như bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, bảng tính và phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương, hoá đơn giá trị gia tăng, phiếu chi, phiếu xuất kho...

Tài khoản kế toán sử dụng

Để tập hợp chi phí sản xuất chung của giai đoạn này kế toán sử dụng tài khoản 627 - “Chi phí sản xuất chung”, TK này được mở 5 TK cấp 2 như sau:

TK 6271: Chi phí nhân viên phân xưởng

TK 6272: Chi phí vật liệu

TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6278: Chi phí bằng tiền khác

Quy trình kế toán

Chi phí sản xuất chung có nhiều yếu tố khác nhau mỗi yếu tố khi phát sinh có chứng từ phản ánh cụ thể và việc tập hợp chúng được thực hiện theo những trình tự nhất định.

Chi phí nhân viên quản lý phân xưởng: Chi phí này bao gồm các khoản tiền lương chính, lương phụ, phụ cấp lương của nhân viên quản lý và nhân

viên phục vụ phân xưởng, các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất, nhân viên quản lý phân xưởng thuộc biên chế của Công ty...được hạch toán vào TK 6271. Chứng từ ban đầu để hạch toán tiền lương nhân viên phân xưởng là bảng chấm công. Hình thức trả lương theo thời gian. Theo đó, tiền lương phải trả cho bộ phận này được tính căn cứ vào số ngày công theo công thức

$$\begin{array}{ccccc} \text{Tiền lương phải} & & \text{Số ngày công thực} & & \text{Đơn giá một} \\ \text{trả trong tháng} & = & \text{tế trong tháng} & \times & \text{ngày công} \end{array}$$

Trên cơ sở bảng chấm công do tổ trưởng phân xưởng gửi lên, kế toán công ty lập bảng thanh toán lương cho bộ phận gián tiếp.

Chi phí NVL, CCDC dùng cho quản lý sản xuất

Chi phí sản xuất chung về nguyên vật liệu của Công ty bao gồm các loại nguyên vật liệu như: xăng, dầu, quần áo bảo hộ lao động...

Khi phát sinh nhu cầu sử dụng vật liệu cho sản xuất chung, thủ kho căn cứ vào phiếu yêu cầu lĩnh vật tư để xuất vật tư (**Phiếu xuất kho – Phụ lục 10**). Cuối tháng, kế toán tổng hợp lại để lập bảng tổng hợp xuất vật tư

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Việc trích khấu hao ở Công ty hiện nay được thực hiện theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty bao gồm những tài sản có giá trị lớn như nhà xưởng, máy móc thiết bị....Mỗi tài sản được mở thẻ chi tiết và được theo dõi trên sổ chi tiết TSCĐ về nguyên giá, giá trị hao mòn, ngày tính khấu hao, kỳ tính khấu hao...

Hiện nay, TSCĐ tại công ty đang được sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng. Hàng tháng nếu có phát sinh tăng (giảm) TSCĐ thì kế toán căn

cứ vào các chứng từ liên quan để cập nhật số liệu vào máy. Khi đó trên cơ sở những TSCĐ có từ trước và những TSCĐ mới tăng (giảm) trong tháng và tùy thuộc tài sản đó thuộc bộ phận nào thì chương trình phần mềm kế toán sẽ tự tập hợp vào các tài khoản chi phí tương ứng.

Việc tính khấu hao TSCĐ hàng tháng được kế toán tính toán và lập bảng phân bổ khấu hao TSCĐ.

Căn cứ vào bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, kế toán ghi sổ chi tiết TK 6274- Chi phí khấu hao tài sản cố định (**Phụ lục 11**)

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí dịch vụ mua ngoài ở công ty bao gồm các chi phí như: tiền điện, thuê ngoài sửa chữa, vận chuyển thuê ngoài, các chi phí dịch vụ thuê ngoài khác. Kế toán căn cứ vào các hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế để ghi sổ kế toán

Ví dụ: Ngày 28/12/2016 trả tiền mua dầu Diesel số tiền 4.124.560 đồng đã bao gồm 10% thuế GTGT, thuế suất thuế GTGT 10%. Căn cứ vào hóa đơn GTGT (**Phụ lục 12**), kế toán lập phiếu chi (**Phụ lục 13**), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**Phụ lục 04**), từ đó ghi sổ cái TK 627 (**Phụ lục 14**)

Chi phí bằng tiền khác

Các khoản chi này bao gồm như: chi phí an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy...

Cuối kỳ, chi phí sản xuất chung tại phân xưởng bánh răng côn được tập hợp được là: 283.975.600 đồng và chi phí sản xuất chung được phân bổ theo tiêu thức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của đơn hàng Z133 là 448.108.570 đồng của đơn hàng TMT là 964.601.025 đồng. Do vậy, chi phí sản xuất chung được phân bổ cho từng đơn hàng như sau:

Đối với đơn hàng Z133:

$$(283.975.600:(448.108.570+964.601.025)) \times 448.108.570 = 90.076.475 \text{ đ}$$

Đối với đơn hàng TMT:

$$(283.975.600:(448.108.570+964.601.025)) \times 964.601.025 = 193.899.125đ$$

3.2.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất

Tài khoản kế toán sử dụng

Cuối kỳ toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ của Công ty được hạch toán vào tài khoản 154 - chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và được hạch toán chi tiết cho từng phân xưởng theo từng đơn đặt hàng

Quy trình kế toán

Định kỳ vào thời điểm cuối tháng sau khi chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ đã tập hợp được, kế toán tổng hợp tiến hành kết chuyển chi phí từ các TK 621, TK 622, TK 627 sang TK 154.

Kế toán ghi sổ chi tiết TK 154 - Chi phí SXKD dở dang đơn đặt hàng Z133 (**Phụ lục 15**), sổ cái TK 154 (**Phụ lục 16**)

3.2.6. Đánh giá sản phẩm dở dang

Do đặc thù của hoạt động sản xuất của Công ty là sản xuất theo đơn đặt hàng của khách hàng nên cuối kỳ kế toán nếu đơn đặt hàng chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh tính từ khi bắt đầu thực hiện đơn đặt hàng cho đến thời điểm cuối mỗi kỳ kế toán đều là giá trị sản phẩm dở dang. Tại công ty, mặc dù hàng tuần các phân xưởng vẫn tiến hành báo cáo tiến độ thực hiện các đơn đặt hàng tuy nhiên công tác đánh giá sản phẩm dở dang lại được tiến hành khi kết thúc kỳ kế toán.

Ví dụ đến cuối tháng 12/2016 đơn hàng Z133 đã hoàn thành nên không có sản phẩm dở dang cuối kỳ nhưng đơn hàng TMT chưa hoàn thành, kế toán xác định giá trị sản phẩm dở dang của đơn đặt hàng này như sau:

Chi phí sản xuất dở dang đầu tháng 12/2016 là 1.593.209.118 đồng, trong đó:

- Chi phí NVLTT: 1.267.019.917 đồng

- Chi phí nhân công trực tiếp: 154.091.182 đồng

- Chi phí sản xuất chung: 172.098.019 đồng

Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ tập hợp được: 1.315.225.785 đồng

- Chi phí NVLTT: 964.601.025 đồng

- Chi phí nhân công trực tiếp: 156.725.635 đồng

- Chi phí sản xuất chung: 193.899.125 đồng

Vậy giá trị sản phẩm dở dang cuối tháng 12/2016 của đơn hàng TMT là:

$1.593.209.118 + 1.315.225.785 = 2.908.434.903$ đồng

3.2.7. Tính giá thành sản phẩm

Với đặc điểm sản xuất theo đơn đặt hàng của khách nên thời điểm xác định giá thành sản phẩm tại Công ty là khi đơn đặt hàng hoàn thành và bàn giao.

3.2.7.1. Đối tượng tính giá thành, kỳ tính giá thành

Đề đảm bảo kỳ tính giá thành được chính xác và đầy đủ, phục vụ cho công tác quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả cũng như giúp cho Ban lãnh đạo công ty nắm bắt tình hình thực hiện giá thành so với kế hoạch đề ra, để từ đó có biện pháp quản trị kịp thời, mang lại hiệu quả kinh doanh tốt nhất... kế toán phải thường xuyên cập nhập, kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đối chiếu kịp thời số liệu giữa kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị kế toán, đồng thời đảm bảo kỳ tính giá thành của Công ty được kịp thời.

Đối tượng tính giá thành của Công ty là những đơn đặt hàng đã hoàn thành và bàn giao. Cụ thể cuối tháng 12/2016, đơn đặt hàng Z133 đã hoàn thành và bàn giao còn đơn đặt hàng TMT chưa hoàn thành nên cuối tháng 12/2016 Công ty chỉ thực hiện tính giá thành của đơn đặt hàng Z133 còn đơn đặt hàng TMT chưa hoàn thành nên Công ty không tính giá thành mà chỉ xác định giá trị dở dang của đơn hàng. Công tác tính giá thành cung cấp cho

Công ty thông tin về giá thành và chi phí dở dang để nhà quản trị có thể có những quyết định hợp lý cho Công ty trong kỳ tiếp theo.

Do công ty tính giá thành theo đơn đặt hàng tức là khi đơn đặt hàng hoàn thành xong và bàn giao sẽ xác định giá thành do vậy kỳ tính giá thành của Công ty có thể không trùng với kỳ kế toán mà kỳ tính giá thành là thời điểm mà đơn đặt hàng hoàn thành.

3.2.7.2. Phương pháp tính giá thành

Tại Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Z179, tính giá thành theo phương pháp đơn đặt hàng. Để tính được giá thành sản phẩm theo đơn đặt hàng, mỗi đơn đặt hàng được kế toán mở cho một phiếu tính giá thành. Chi phí sản xuất phát sinh đều được phản ánh trong phiếu tính giá thành. Khi đơn đặt hàng đã hoàn thành, kế toán sẽ tổng cộng chi phí trên các phiếu tính giá thành để xác định tổng giá thành và giá thành đơn vị theo từng đơn đặt hàng.

Ví dụ cuối tháng 12/2016 đơn đặt hàng Z133 đã hoàn thành và bàn giao, kế toán Công ty tiến hành tính giá thành như sau:

Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ: 2.656.286.817 đồng, *trong đó*:

- Chi phí NVL TT: 2.167.989.019 đồng
- Chi phí nhân công trực tiếp: 198.098.981 đồng
- Chi phí sản xuất chung: 290.198.817 đồng

Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ: 590.950.765 đồng

- Chi phí NVL TT: 448.108.570 đồng
- Chi phí nhân công trực tiếp: 52.765.720 đồng
- Chi phí sản xuất chung: 90.076.475 đồng

Vậy giá thành đơn đặt hàng Z 133:

$$2.656.286.817 + 590.950.765 = 3.247.237.582 \text{ đồng}$$

Bảng tính giá thành đơn đặt hàng Z133 (**Phụ lục 17**)

3.3. Đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Z179

3.3.1. Ưu điểm

Về phân loại chi phí: công ty đã phân loại chi phí theo chức năng để cung cấp thông tin phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm và tập hợp chi phí theo từng chức năng hoạt động cũng như để cung cấp thông tin cho việc lập các báo cáo theo các mặt hoạt động phù hợp.

Về phương pháp tập hợp chi phí sản xuất:

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, các khoản chi phí nguyên vật liệu đều được tập hợp đầy đủ chi tiết theo từng đơn đặt hàng. Đồng thời, kế toán vật tư cũng sẽ theo dõi khối lượng vật tư thực tế dùng cho đơn đặt hàng dựa vào chứng từ được cung cấp bởi kế toán phân xưởng. Việc xác định chi phí phát sinh trong kỳ dựa vào báo cáo hàng tháng về khối lượng công việc hoàn thành là tuân thủ theo đúng nguyên tắc phù hợp.

Đối với chi phí trực tiếp việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tương đối kịp thời, liên tục và đầy đủ. Cụ thể:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Phương pháp tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, cung cấp thông tin có độ chính xác cao và kịp thời cho nhà quản trị, nhà quản trị có thể có được những thông tin để thấy được tình hình sử dụng và phát sinh cụ thể ở từng đơn đặt hàng đi vào phân tích để đưa ra quyết định phù hợp với tình hình thực tế.

Chi phí nhân công trực tiếp: Công ty đã mở sổ kế toán theo dõi chi tiết tập hợp chi phí nhân công trực tiếp theo từng phân xưởng chi tiết cho từng đơn đặt hàng đã cho phép đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí cũng như giá thành cho từng đơn đặt hàng, từ đó tạo điều kiện cho doanh nghiệp quản lý chi phí và giá thành ngày càng tốt hơn.

Đối với chi phí sản xuất chung do không tập hợp được riêng cho từng đơn đặt hàng nên Công ty đã phân bổ chi phí này cho từng đơn hàng theo đúng quy định.

Về phương pháp tính giá thành

Phương pháp tính giá thành được công ty sử dụng phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty theo đơn đặt hàng. Phương pháp này đã cung cấp cho nhà quản trị thông tin hợp lý về các chi phí thực tế phát sinh trong kỳ theo từng đơn đặt hàng là phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty.

3.3.2. Các bất cập trong hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp tại công ty

Về công tác phân loại chi phí

Việc nhận diện, phân loại chi phí vẫn đứng trên góc độ kế toán tài chính nhằm thực hiện cung cấp thông tin cho kế toán tài chính. Công ty mới chỉ tiến hành phân loại chi phí theo yếu tố chi phí và khoản mục giá thành, không phân loại theo cách ứng xử của chi phí. Như vậy, việc phân loại chi phí chưa đáp ứng được yêu cầu phân tích chi phí để phân tích hòa vốn, lập dự toán, và ra quyết định kinh doanh. Điều này chứng tỏ doanh nghiệp chưa thấy hết tầm quan trọng của việc ứng dụng thông tin của cách phân loại chi phí trong việc lập báo cáo cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định của doanh nghiệp. Do vậy các nhà quản trị không thể có được thông tin về chi phí cố định, chi phí chìm, chi phí biến đổi, chi phí hỗn hợp... Do vậy, các doanh nghiệp sẽ không có cơ sở khoa học và sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc lựa chọn phương án sản xuất có hiệu quả, lựa chọn đơn đặt hàng có lợi, định giá bán sản phẩm thích hợp.

Về công tác kế toán chi phí sản xuất

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Công ty chưa phân tích tình hình quản lý, sử dụng nguyên vật liệu. Trong khi đó nguyên vật liệu ở Công ty

dùng vào sản xuất gồm nhiều loại: Nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng,...chúng tham gia một lần vào chu kỳ sản xuất kinh doanh và cấu thành lên thực thể sản phẩm. Khi phát sinh nghiệp vụ xuất hay nhập nguyên vật liệu sản xuất trong kỳ, kế toán không phản ánh vào sổ kế toán ngay tại thời điểm phát sinh mà để đến cuối tháng tập hợp lại rồi mới nhập số liệu vào sổ kế toán. Điều này không chỉ làm cho các nghiệp vụ phát sinh không được phản ánh một cách khách quan mà còn có thể dẫn đến làm mất hay bỏ sót chứng từ trong quá trình tập hợp lại.

Chi phí nhân công trực tiếp: Chi phí nhân công trực tiếp được giao khoán cho các phân xưởng nên có thể gian lận bằng cách kê không nhân công hoặc công ty không kiểm soát được công nhân, thời gian làm việc, nghỉ ngơi cũng như việc theo dõi chấm công. Công tác kế toán ở Công ty được thực hiện khá đầy đủ nhưng chưa theo dõi chi tiết tiền lương cho từng nhân viên, việc phát lương vẫn còn có tình trạng nhận thay, ký thay...

Chi phí sản xuất chung: Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định đều kết chuyển hết vào chi phí trong kỳ. Mặt khác, Công ty không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ. Sửa chữa lớn TSCĐ là một hoạt động tất yếu sẽ xảy ra trong năm, nó đòi hỏi phải bỏ ra một lượng chi phí lớn, nhất là đối với những doanh nghiệp sản xuất vận hành liên tục như công ty. Không trích trước khoản chi phí này sẽ gây ra biến động về chi phí sản xuất khi nó phát sinh, từ đó dẫn đến biến động về giá thành sản phẩm.

Toàn bộ chi phí khấu hao tài sản cố định được Công ty phân bổ hết vào chi phí sản xuất chung trong kỳ mà không quan tâm đến mức sản xuất thực tế so với công suất bình thường là chưa hợp lý.

Ngoài ra, việc phân bổ chi phí chung theo chi phí vật liệu trực tiếp tuy đơn giản nhưng kết quả phân bổ không chính xác vì không phải tất cả chi phí sản xuất chung đều tỷ lệ thuận với chi phí vật liệu trực tiếp. Từ kết quả phân

bỏ sai có thể dẫn đến tính giá thành sai từ đó ra quyết định sai.

Công tác tính giá thành thành phẩm

Kế toán Công ty đang đồng nhất giá thành của thành phẩm ra lò với giá thành của sản phẩm nhập kho. Thực tế, thành phẩm ra lò phải qua khâu đóng hộp, kiểm nghiệm mới được nhập kho. Như vậy sản phẩm nhập kho phải có thêm phần chi phí về vỏ hộp và chi phí nhân công trực tiếp tổ đóng hộp cho sản phẩm.

Báo cáo chi phí sản xuất và tính giá thành phục vụ cho việc quản trị doanh nghiệp đánh giá hiệu quả kinh tế và thành quả quản lý tại công ty

Hiện nay, công ty chỉ thực hiện các báo cáo kế toán tài chính mà chưa thực hiện báo cáo kế toán quản trị. Công ty chưa có các báo cáo kiểm soát chi phí phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả kinh tế và đánh giá trách nhiệm quản lý tại các bộ phận của công ty. Công ty chưa lập báo cáo bộ phận, chưa xây dựng các báo cáo phân tích sự biến động của biến phí và định phí; chưa đi vào đánh giá, so sánh, phân tích các khoản mục chi phí thực tế phát sinh so với định mức nên không phát hiện được các nhân tố ảnh hưởng dẫn đến sự biến động của các khoản mục chi phí này để đưa ra các biện pháp quản trị chi phí thích hợp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong chương này, luận văn đã khái quát được tổng quát về đặc điểm hoạt động kinh doanh, về cơ cấu tổ chức quản lý, cũng như tình hình thực hiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Z179. Công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty được thể hiện qua việc phân loại chi phí, đặc điểm quản trị chi phí tại công ty, thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Thực tế cho thấy hệ thống quản trị chi phí đã được thiết lập khá đủ các yếu tố theo trình tự, nội dung kiểm soát của từng loại chi phí. Với tổ chức bộ máy quản lý sản xuất tương đối đầy đủ, rõ ràng trách nhiệm và quyền hạn, tổ chức hệ thống sổ sách chứng từ, báo cáo, các thủ tục kiểm soát chặt chẽ, sát hợp với mô hình tổ chức quản lý điều hành và đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, thực trạng hệ thống quản trị chi phí sản xuất của Công ty còn một số hạn chế do đó không cho phép phân tích biến động chi phí và quản trị chi phí. Do đó, luận văn đi vào phân tích, đánh giá ưu điểm và những mặt còn tồn tại trong công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty, điều này làm cơ sở để đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị chi phí tại Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Z179. Qua nghiên cứu kế toán chi phí của đơn vị, vận dụng lý luận và những nghiên cứu trước, có thể rút ra những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng mới nhằm giúp doanh nghiệp hoàn thiện hệ thống kế toán chi phí.

CHƯƠNG 4

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM PHỤC VỤ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ Z179

4.1. Sự cần thiết, nguyên tắc và yêu cầu hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị tại Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Z179

4.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, bên cạnh những mặt thuận lợi không ít những mặt khó khăn, thử thách đòi hỏi sự nỗ lực của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Để phù hợp yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập nền kinh tế quốc tế, Đảng và Nhà nước đã không ngừng đổi mới mạnh mẽ, toàn diện, đồng bộ các cơ chế chính sách và công cụ kinh tế. Một trong bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống công cụ quản lý kinh tế, tài chính là kế toán đóng vai trò tích cực trong quản lý, điều hành và kiểm soát của hoạt động kinh tế.

Nhận thức được điều đó cùng với việc xác định mục tiêu chiến lược của mình, Công ty cũng phải tự cải cách, đổi mới để tồn tại và phát triển được trong cơ chế thị trường. Hiện nay, nhìn chung tại các doanh nghiệp sản xuất chỉ tập trung giải quyết những nội dung của kế toán tài chính mà chưa chú trọng đến việc cung cấp thông tin kế toán quản trị phục vụ cho việc hạch toán chi phí và tính giá thành thành phẩm.

Chính vì vậy yêu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán quản trị chi phí và tính giá thành thành phẩm tại Công ty TNHH một thành viên Cơ khí

Z179 để đáp ứng đầy đủ, kịp thời, chính xác yêu cầu của kế toán tài chính đồng thời cung cấp thông tin cho nhà quản trị trong việc ra quyết định là việc làm hết sức cần thiết hiện nay.

4.1.2. Nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp

Để đảm bảo các yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Z179 thì phải quán triệt những nguyên tắc sau:

- Phù hợp với định hướng phát triển của doanh nghiệp
- Không làm xáo trộn nhiều về mặt tổ chức, nên dựa vào tổ chức bộ máy quản lý hiện tại để sắp xếp, bổ sung, điều chỉnh nội dung công việc cho phù hợp.
- Bảo đảm cho bộ máy kế toán hoạt động và vận hành bao quát được tất cả nội dung của KTTC và KTQT. Bộ phận kế toán tài chính đáp ứng yêu cầu của cơ quan chủ quản, thực hiện đúng nguyên tắc, chuẩn mực kế toán,... Bộ phận kế toán quản trị đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ cho việc điều hành, quản trị nội bộ doanh nghiệp.
- Cung cấp đầy đủ, kịp thời, nhanh chóng các thông tin cần thiết cho các nhà quản lý doanh nghiệp điều hành quản lý và ra quyết định.
- Đảm bảo tính khả thi với doanh nghiệp, đảm bảo hài hòa giữa chi phí bỏ ra và lợi ích đem lại và phải có khả năng áp dụng các công nghệ hiện đại.

4.1.3. Yêu cầu của việc hoàn thiện

Việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Z179 là rất cần thiết song việc hoàn thành đó phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Nội dung hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp phải phù hợp với luật kế toán, chuẩn

mức kế toán trong nước và quốc tế, tuân thủ các quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Nội dung hoàn thiện phải phù hợp với điều kiện hiện nay và sự phát triển của Công ty trong tương lai, trình độ chuyên môn, năng lực của cán bộ quản lý, nhân viên kế toán, cơ sở vật chất, định hướng và phát triển của Công ty.

Nội dung hoàn thiện phải đảm bảo thu thập thông tin vừa phục vụ cho công tác kế toán tài chính vừa phục vụ cho công tác kế toán quản trị, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời cho nhà quản lý đưa ra các quyết định điều hành sản xuất kinh doanh.

Nội dung hoàn thiện tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp phải đơn giản, khoa học, dễ thực hiện đối với người làm công tác kế toán, dễ hiểu đối với người sử dụng thông tin, dựa trên cơ sở kế thừa có chọn lọc những nội dung đã có để xây dựng những nội dung mới cho phù hợp.

Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận nhằm phản ánh một cách đầy đủ, khách quan tình hình kinh tế tài chính của Công ty. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới, hàng loạt chính sách kinh tế đang được hoàn chỉnh, bổ sung và sửa đổi. Trong điều kiện đó, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp, ngoài việc đảm bảo tính đặc thù của nền kinh tế Việt Nam còn phải đảm bảo phù hợp với các thông lệ, chuẩn mực quốc tế.

Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất quy trình công nghệ và quy mô của Công ty. Mỗi ngành nghề sản xuất, kinh doanh đều có đặc điểm riêng về quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, có những sản phẩm riêng biệt. Điều đó ảnh hưởng tới kết cấu của chi phí sản xuất cũng như đối tượng của kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm. Vì vậy, hoàn thiện kế

toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Z179 cần căn cứ vào đặc điểm của sản phẩm để xác định tính chất, nội dung, phương pháp tập hợp chi phí và tính giá thành cho phù hợp, nhằm nâng cao hiệu quả của công tác kế toán.

Hoàn thiện phải đảm bảo phù hợp với yêu cầu và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kế toán, đồng thời phải phù hợp với tình hình trang thiết bị cũng như việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác kế toán.

Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu hiệu quả và mang tính khả thi: Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, khi đề ra bất kỳ một phương án cụ thể nào đều phải quán triệt nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả kinh tế cao. Vì vậy, hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Z179 cần căn cứ vào đặc điểm cụ thể của đơn vị để đưa ra những giải pháp hoàn thiện hợp lý và khoa học nhằm tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả cũng như đảm bảo tính khả thi của phương án đề xuất.

4.2. Một số giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp

4.2.1. Hoàn thiện việc phân loại chi phí phục vụ quản trị doanh nghiệp

Việc phân loại chi phí phải hướng tới đáp ứng nhu cầu thông tin của nhà quản trị, không chỉ đơn thuần phục vụ việc kiểm tra, giám sát chi phí mà còn phải hướng tới việc ra quyết định của nhà quản trị.

Như đã phân tích ở chương 3, hiện nay công ty chỉ mới phân loại chi phí theo 3 khoản mục chi phí (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp; chi phí nhân công trực tiếp; chi phí sản xuất chung). Để phục vụ cho yêu cầu quản lý chi phí, Công ty cần bổ sung thêm một số cách phân loại chi phí như sau:

- Phân loại chi phí theo mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí: chi phí

trực tiếp - chi phí gián tiếp. Cách phân loại này sẽ giúp nhà quản trị nhận dạng được chi phí gián tiếp để có tiêu thức phân bổ thích hợp tạo cơ sở cho việc tính giá thành được chính xác. Ngoài ra, còn giúp cho nhà quản trị kiểm soát tốt hơn chi phí gián tiếp.

Các khoản chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm hoặc thực hiện các đơn đặt hàng và do vậy có thể tính trực tiếp cho từng loại sản phẩm hay từng đơn đặt hàng thì được gọi là chi phí trực tiếp (direct costs). Ngược lại, các khoản chi phí phát sinh cho mục đích phục vụ và quản lý chung, liên quan đến việc sản xuất và tiêu thụ nhiều loại sản phẩm, nhiều đơn đặt hàng cần tiến hành phân bổ cho các đối tượng sử dụng chi phí theo các tiêu thức phân bổ được gọi là chi phí gián tiếp (indirect costs).

- Phân loại chi phí kiểm soát được và không kiểm soát được: cách phân loại này được sử dụng để đánh giá thành quả quản lý của từng trung tâm chi phí tại công ty. Chỉ có những chi phí kiểm soát được tại trung tâm chi phí mới được đưa vào báo cáo kiểm soát thành quả quản lý tại trung tâm đó.

Đây là một phương pháp phân loại chi phí có thể hữu ích trong việc kiểm soát chi phí. Phương pháp phân loại này dựa trên khả năng kiểm soát chi phí đối với các nhà quản lý. Nếu một nhà quản lý có thể kiểm soát hoặc quyết định về một loại chi phí, thì chi phí ấy được gọi là chi phí kiểm soát được bởi nhà quản lý đó. Ngược lại, chi phí mà nhà quản lý không có khả năng kiểm soát hoặc gây ảnh hưởng lớn lên nó thì được phân loại là chi phí không kiểm soát được đối với nhà quản lý đó.

Với đề xuất này tác giả đề nghị lập bảng phân loại chi phí tại công ty như sau:

Bảng 4.1. Bảng phân loại chi phí

TT	Các khoản chi phí	Tài khoản	Theo mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí		Chi phí kiểm soát được và không kiểm soát được	
			Chi phí trực tiếp	Chi phí gián tiếp	Kiểm soát được	Không kiểm soát được
I	Chi phí NVLTT	621	x		x	X
II	Chi phí NCTT	622	x		x	X
III	Chi phí SXC	627		x		
1	Chi phí nhân viên phục vụ sản xuất	6271		x	x	
2	Khấu hao TSCĐ	6272		x	x	
3	Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ	6273		x	x	X
4	Chi phí CCDC	6274		x	x	
5	Chi phí thuê văn phòng	6275		x	x	
6	Chi phí dịch vụ mua ngoài	6277		x	x	
7	Chi phí bằng tiền khác	6278		x	x	X

Ngoài các phương pháp phân loại trên công ty cần phân loại các chi phí phát sinh theo từng hợp đồng thành chi phí cố định và chi phí biến đổi để thuận tiện cho việc lập dự toán, phân tích chi phí, xác định điểm hòa vốn, quyết định giá bán và lựa chọn phương án kinh doanh tối ưu. Theo phương pháp phân loại chi phí này, các chi phí vật liệu trực tiếp và nhân công trực tiếp thay đổi tỷ lệ thuận với số lượng sản phẩm sản xuất của từng đơn hàng sẽ được phân loại là chi phí biến đổi. Các chi phí không thay đổi tỷ lệ với số

lượng sản phẩm sản xuất của từng đơn hàng là các chi phí cố định. Công ty cũng cần phân loại các chi phí cố định trực tiếp và chi phí cố định chung để lập báo cáo bộ phận phục vụ cho đánh giá hiệu quả hoạt động của các bộ phận trong công ty. Theo đó, những chi phí phát sinh không phụ thuộc vào các đơn hàng có được thực hiện hay không là chi phí cố định chung. Các chi phí cố định phát sinh gắn với việc thực hiện các đơn hàng là chi phí cố định trực tiếp. Đối với chi phí sản xuất chung, nếu không xác định được các chi phí nào là chi phí biến đổi và chi phí cố định thì có thể hạch toán chung sau đó sử dụng một trong các phương pháp là phương pháp cực đại cực tiểu hoặc phương pháp bình phương bé nhất để phân tích thành chi phí cố định và chi phí biến đổi. Theo cách phân loại này, các chi phí sản xuất trong công ty sẽ được phân loại như sau:

<i>STT</i>	<i>Chi phí</i>	<i>Chi phí biến đổi</i>	<i>Chi phí cố định</i>	<i>Chi phí hỗn hợp</i>
<i>I</i>	<i>Chi phí NVLTT</i>	x		
<i>II</i>	<i>Chi phí NCTT</i>	x		
<i>III</i>	<i>Chi phí SXC</i>			
<i>1</i>	<i>Chi phí nhân viên phục vụ sản xuất</i>			x
<i>2</i>	<i>Khấu hao TSCĐ</i>		x	
<i>3</i>	<i>Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ</i>	x		
<i>4</i>	<i>Chi phí CCDC</i>	x		
<i>5</i>	<i>Chi phí thuê văn phòng</i>			x
<i>6</i>	<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	x		
<i>7</i>	<i>Chi phí bằng tiền khác</i>	x		

4.2.2. Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất

Hoàn thiện việc lập dự toán chi phí sản xuất

Lập dự toán chi phí sản xuất là việc dự toán chi tiết theo định kỳ và

được biểu diễn theo hệ thống yêu cầu quản lý cụ thể. Dự toán phải được lập trên nguồn thông tin từ nhiều phía, sử dụng một cách đồng bộ cùng khả năng phân tích, dự đoán của những người lập dự toán. Thông qua dự toán chi phí sản xuất sẽ xác định được chi phí bỏ ra cho 1 thành phẩm bánh răng côn xoắn là bao nhiêu, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch vật tư, tiền vốn, nhân công... phục vụ cho quá trình sản xuất. Để có thể lập dự toán chi phí sản xuất cần căn cứ vào định mức chi phí mà công ty có đặt ra định mức khoán chi phí cho 1 thành phẩm bánh răng côn xoắn nhưng chưa quan tâm đến nó. Cần coi đây là cơ sở để lập dự toán chi phí sản xuất để so sánh kế hoạch với chi phí thực tế phát sinh trong quá trình sản xuất.

Về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Công ty cần thường xuyên thực hiện việc phân tích quản lý và sử dụng nguyên vật liệu. Thông qua việc phân tích tình hình về tổng thể khối lượng nguyên vật liệu; phân tích tình hình cung cấp các loại nguyên vật liệu chủ yếu sẽ giúp Công ty thấy rõ được ưu điểm, nhược điểm trong công tác cung cấp nguyên vật liệu, có biện pháp đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời, đúng chủng loại, quy cách phẩm chất tránh tình trạng cung cấp thiếu nguyên vật liệu làm ngừng sản xuất hoặc thừa nguyên vật liệu gây ứ đọng vốn.

Công ty cần xây dựng kế hoạch sản xuất và thu mua nguyên vật liệu, trong đó xác định được chủng loại nguyên vật liệu chủ yếu như: thép các loại, chất thấm,... về số lượng và chất lượng. Từ đó có thể chủ động nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất được liên tục, sản phẩm làm ra phù hợp nhu cầu thị hiếu người tiêu dùng.

Khi phát sinh nghiệp vụ xuất hay nhập nguyên vật liệu dùng cho sản xuất thì kế toán nên phản ánh vào sổ kế toán ngay tại thời điểm phát sinh, không nên để tình trạng các phiếu nhập xuất nguyên vật liệu trong tháng được tập hợp lại và cuối tháng thủ kho chuyển lên cho kế toán để tiến hành phản

ánh vào sổ, tránh tình trạng làm mất hay bỏ sót chứng từ.

Chi phí nhân công trực tiếp

Người chỉ huy công trường phải thường xuyên kiểm tra việc chấm công hàng ngày. Đối với công nhân ở xa có đăng ký tạm trú tạm vắng thì phải quản lý chế độ ăn uống.

Cuối mỗi tháng, bảng chấm công được chuyển lên để kiểm tra tính chính xác, hợp lệ rồi chuyển về phòng kế toán công ty kiểm tra lại và lập bảng thanh toán tiền lương cho công nhân. Bảng thanh toán tiền lương được chuyển cho trưởng ban chỉ huy phân xưởng kiểm tra, ký duyệt rồi tiến hành thanh toán.

Công ty đang áp dụng hình thức trả lương theo thời gian khiến cho người lao động còn tìm nhiều cách để ăn bớt thời gian do đó để sản xuất đạt hiệu quả cao hơn Công ty nên áp dụng hình thức lương theo sản phẩm hoặc khoán theo từng đơn đặt hàng.

Chi phí sản xuất chung

Chi phí khấu hao tài sản cố định là khoản chi phí chung cố định vì vậy nó phải được phân bổ vào chi phí chế biến cho mỗi đơn vị sản phẩm dựa trên công suất bình thường của máy móc, thiết bị. Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất cao hơn công suất bình thường thì chi phí khấu hao tài sản cố định được phân bổ theo chi phí thực tế phát sinh. Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất thấp hơn mức công suất bình thường thì chỉ được phân bổ theo mức công suất bình thường, phần chi phí không được phân bổ được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ (ghi nhận vào giá vốn hàng bán).

Theo đó, để khắc phục tình trạng phân bổ chi phí sản xuất chung không phù hợp với tình hình vận hành thực tế của máy móc thiết bị, công ty nên thay thế bằng cách hạch toán khác. Xuất phát từ đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất và công tác kế toán chi phí khấu hao tài sản cố định. Công ty có thể thực

hiện tính khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất căn cứ vào công suất hoạt động thực tế của máy móc thiết bị. Cụ thể như sau:

Cuối tháng, sau khi tổng hợp toàn bộ chi phí sản xuất chung trong tháng, kế toán không phân bổ chi phí khấu hao ngay mà căn cứ vào công suất hoạt động thực tế của máy móc thiết bị trong tháng để tính ra phần chi phí khấu hao TSCĐ phân bổ vào chi phí sản xuất sản phẩm và phần chi phí khấu hao vượt trên mức bình thường sẽ được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{lcl} \text{Chi phí khấu hao TSCĐ tính} & & \text{Tổng chi phí khấu hao} \\ \text{vào chi phí sản xuất sản} & = & \text{TSCĐ của sp i trong} \\ \text{phẩm} & & \text{tháng} \\ & & \text{Công suất hoạt động} \\ & & \text{thực tế của máy móc sản} \\ & & \text{xuất sản phẩm i} \\ \text{Chi phí khấu hao của tài sản i} & & \text{Chi phí khấu hao tính} \\ \text{không được tính vào chi phí} & = & \text{vào chi phí chế biến sản} \\ \text{sản xuất} & & \text{phẩm i} \\ & & \text{Tổng chi phí khấu hao} \\ & & \text{của sản phẩm i} \end{array}$$

Sau đó tính chi phí sản xuất chung được phân bổ vào chi phí sản xuất sản phẩm trong tháng:

$$\begin{array}{lcl} \text{Chi phí sản xuất chung được} & & \text{Tổng chi phí sản xuất} \\ \text{tính vào chi phí sản xuất sản} & = & \text{chung trong tháng} \\ \text{phẩm} & & \text{Tổng chi phí khấu hao} \\ & & \text{không được tính vào chi phí} \\ & & \text{sản xuất sản phẩm} \end{array}$$

Kế toán sử dụng kết quả về chi phí khấu hao và chi phí sản xuất chung được phân bổ vào chi phí chế biến để phân bổ cho từng loại sản phẩm theo như trình tự bình thường như công ty đang thực hiện.

Đối với chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Khi phát sinh chi phí, kế toán ghi:

Nợ TK 2413

Nợ TK 1332 (nếu có)

Có TK 112, 111, 331...

Khi sửa chữa lớn hoàn thành, kế toán phải tính giá thành thực tế của

từng công trình sửa chữa lớn để quyết toán số chi phí này theo các trường hợp:

+ Trường hợp chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định có giá trị nhỏ, kết chuyển toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ

Nợ TK 627

Có TK 2413

+ Trường hợp sửa chữa lớn tài sản cố định có giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, khi công việc sửa chữa lớn hoàn thành thì tiến hành phân bổ vào tài khoản chi phí trả trước để phân bổ dần, kế toán ghi:

Nợ TK 242

Có TK 2413

+ Trường hợp sửa chữa lớn hoặc cải tạo, nâng cấp thỏa mãn điều kiện ghi tăng nguyên giá tài sản cố định ghi:

Nợ TK 211

Có TK 2413

4.2.3. Hoàn thiện phân bổ chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung gồm hai loại là chi phí cố định và chi phí biến đổi. Trong trường hợp không xác định được chi phí sản xuất chung cho từng đơn hàng, công ty cần phân bổ chi phí sản xuất chung cho các đơn hàng theo phương pháp hạch toán chi phí theo hoạt động (phương pháp ABC). Theo phương pháp này, các hoạt động phục vụ sản xuất làm phát sinh chi phí sản xuất chung gồm các hoạt động: thiết kế đơn hàng, mua vật tư, chế tạo sản phẩm, kiểm tra sản phẩm và vận chuyển sản phẩm. Các chi phí sản xuất chung cần hạch toán theo từng hoạt động và phân bổ cho các đơn hàng theo số lượng các hoạt động sử dụng cho mỗi đơn hàng. Cụ thể:

TT	Hoạt động	Tiêu thức phân bổ
1	Thiết kế đơn hàng	Số lượng đơn
2	Mua vật tư	số lần mua
3	Chế tạo sản phẩm	Giờ máy chạy
4	Kiểm tra sản phẩm	Số sản phẩm được kiểm tra
5	Vận chuyển sản phẩm	Số lần vận chuyển

4.2.4. Hoàn thiện công tác tính giá thành sản phẩm

Khi sản xuất tạo ra thành phẩm nhập kho kế toán xác định giá thành, nhưng thực chất sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng đã được đóng gói cẩn thận vì vậy khi tính giá thành sản phẩm phải bao gồm cả chi phí đóng gói chứ không phải như hiện tại Công ty đưa vào chi phí bán hàng.

Hiện tại công ty mới chỉ tính giá thành phục vụ cho lập báo cáo tài chính theo phương pháp hạch toán chi phí đầy đủ. Để phục vụ cho quản trị doanh nghiệp, công ty cần áp dụng phương pháp tính giá thành theo chi phí biến đổi. Theo phương pháp này, giá thành sản phẩm chỉ bao gồm các chi phí biến đổi như: chi phí vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung biến đổi. Đây là những thông tin quan trọng để lập báo cáo thu nhập theo lãi gộp cho các loại sản phẩm và theo từng bộ phận sản xuất.

4.2.5. Hoàn thiện báo cáo chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp

Báo cáo chi phí được lập với mục đích nhằm giúp các nhà quản trị kiểm soát tình hình thực hiện dự toán chi phí trong kỳ, đánh giá trách nhiệm của các bộ phận liên quan, đồng thời cũng là cơ sở để lập dự toán cho kỳ tới. Tuy nhiên, tại công ty việc lập các báo cáo chi phí vẫn chưa chỉ rõ chiều hướng biến động của các chi phí và nguyên nhân của các biến động, chưa gắn được trách nhiệm quản lý với yêu cầu kiểm soát chi phí. Vì vậy, tại công ty

nên lập các báo cáo chi phí để phục vụ yêu cầu của nhà quản trị Công ty gồm: phân xưởng sản xuất do đó báo cáo kiểm soát chi phí đánh giá hiệu quả kinh tế từng bộ phận là vấn đề rất cần thiết.

4.2.5.1. Báo cáo kiểm soát chi phí

- Mỗi bộ phận phát sinh chi phí sẽ được lập 1 báo cáo kiểm soát.
- Các chi phí được đưa vào báo cáo này là toàn bộ chi phí phát sinh tại bộ phận cần kiểm soát chi phí.
- Thời kỳ lập báo cáo là thời kỳ ngắn nhất mà nhà quản trị có thể can thiệp một cách hữu ích vào các chi phí phát sinh tại bộ phận đó (không nhất thiết là tháng, quý hoặc năm).

Báo cáo kiểm soát chi phí nguyên vật liệu

Việc mua nguyên vật liệu của công ty do phòng kế toán đảm nhận. Để kiểm soát nguyên vật liệu mua vào phòng kế hoạch vật tư và bộ phận kho lập Bảng kê nguyên vật liệu mua vào nhằm kiểm soát số lượng, giá trị nguyên vật liệu mua vào trong kỳ để đánh giá trách nhiệm của bộ phận thu mua và bộ phận tiếp nhận.

Hàng ngày, căn cứ trên kế hoạch sản xuất và định mức tiêu hao nguyên vật liệu xí nghiệp xây lắp lập giấy đề nghị mua vật tư và chuyển đến bộ phận kế hoạch vật tư để mua vật tư. Để đánh giá tình hình thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu, đánh giá chất lượng nguyên vật liệu mua vào, trình độ tay nghề của công nhân và ý thức tiết kiệm hay lãng phí nguyên vật liệu của bộ phận sản xuất thì cuối tháng phòng quản lý kỹ thuật lập báo cáo tình hình thực hiện định mức nguyên vật liệu.

Kiểm soát chi phí nguyên vật liệu tại công ty nên lập bảng tổng hợp các báo cáo chủ yếu là các báo cáo được thể hiện qua Bảng 4.2

Bảng 4.2. Bảng tổng hợp báo cáo kiểm soát chi phí NVL

TT	Loại báo cáo	Bộ phận lập	Trách nhiệm bộ phận liên quan
1	Bảng kê nguyên vật liệu mua	Phòng kế toán và bộ phận vật tư	Bộ phận thu mua: phòng kế hoạch vật tư; bộ phận tiếp nhận: Đội sản xuất.
2	Bảng định mức NVL	Phòng kỹ thuật	Bộ phận sử dụng: Phân xưởng SX
3	Giấy đề nghị mua vật tư	Phân xưởng SX	Bộ phận SX, bộ phận thu mua
4	Hóa đơn mua vật tư	Bộ phận kế hoạch vật tư	Phân xưởng SX, bộ phận thu mua

Báo cáo kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

Để kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp tại công ty nên kiểm soát thời gian làm việc của từng người lao động qua Bảng chấm công, kiểm soát năng suất lao động của từng người thông qua báo cáo kết quả sản xuất, kiểm soát chi phí tiền lương thông qua Bảng thanh toán lương.

Kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty chủ yếu lập các báo cáo được thể hiện qua Bảng 4.3

Bảng 4.3. Bảng tổng hợp báo cáo kiểm soát chi phí NCTT

TT	Loại báo cáo	Bộ phận lập	Nội dung kiểm soát
1	Bảng chấm công	Phân xưởng SX	Kiểm soát ngày công lao động trong tháng.
2	Báo cáo kết quả SX	Phân xưởng SX	Kiểm soát năng xuất lao động của từng tổ, từng PX
3	Bảng thanh toán lương	Phòng kế toán	Kiểm soát chi phí tiền lương ở từng bộ phận

Báo cáo kiểm soát chi phí sản xuất chung

Đối với hoạt động xây dựng, chi phí sản xuất chung là chi phí phục vụ cho đội ngũ quản lý phân xưởng (bao gồm: lương nhân viên quản lý phân xưởng, phụ cấp hàng tháng cho nhân viên, các khoản trích theo lương), chi phí khấu hao TSCĐ cho hoạt động của công trình, chi phí sửa chữa, chi phí thuê ngoài, chi phí điện nước, khấu hao CCDC,....

Công ty nên lập bảng tổng hợp các báo cáo để kiểm soát chi phí có hiệu quả hơn. Từ bảng tổng hợp Công ty có thể tập hợp được nhanh chóng các báo cáo có thể kiểm soát chi phí để cung cấp thông tin cho nhà quản trị phục vụ việc quản trị chi phí hợp lý hiệu quả, phù hợp với điều kiện của Công ty.

Bảng 4.4. Bảng tổng hợp báo cáo kiểm soát chi phí SXC

TT	Loại báo cáo	Bộ phận lập	Nội dung kiểm soát
1	Bảng chấm công	Phòng kế toán	Kiểm soát ngày công lao động trong tháng của nhân viên quản lý phân xưởng.
2	Báo cáo chi phí dịch vụ mua ngoài	Phân xưởng SX	Kiểm soát chi phí mua ngoài sử dụng cho Phân xưởng SX.
3	Báo cáo chi phí sửa chữa thiết bị	Phân xưởng SX	Kiểm soát chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị của Phân xưởng SX.
4	Bảng tổng hợp khấu hao	Phòng kế toán	Kiểm soát chi phí khấu hao máy tại Phân xưởng SX.

4.2.5.2. Báo cáo phân tích, đánh giá việc thực hiện chi phí phục vụ quản trị chi phí

Báo cáo chi phí được lập với mục đích nhằm giúp các nhà quản trị kiểm soát tình hình thực hiện dự toán chi phí trong kỳ, đánh giá trách nhiệm của các bộ phận liên quan đồng thời cũng là cơ sở để lập dự toán cho kỳ tới. Tuy nhiên, tại công ty việc lập các báo cáo chi phí vẫn chưa chỉ rõ chiều hướng biến động của các chi phí và nguyên nhân của các biến động, chưa gắn được trách nhiệm quản lý với yêu cầu kiểm soát chi phí. Vì vậy, tại công ty nên lập các báo cáo phân tích, đánh giá chi phí để phục vụ yêu cầu của nhà quản trị.

Dựa theo yêu cầu cung cấp thông tin của nhà quản trị mà kế toán chi phí lập các báo cáo chi phí theo mức độ chi tiết hay tổng hợp khác nhau. Có thể lập các báo cáo chi phí cho từng phân xưởng, bộ phận, phòng ban, từng loại hoặc nhóm sản phẩm. Các báo cáo phân tích, đánh giá chi phí bao gồm: báo cáo về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung. Báo cáo phân tích chi phí được thiết kế gồm 3 yếu tố:

- + Chỉ tiêu chi phí cần kiểm soát;
- + Cơ sở để so sánh bao gồm kỳ gốc là chi phí dự toán và kỳ phân tích là kỳ thực tế;
- + Kết quả so sánh là phần chênh lệch giữa chi phí thực tế so với dự toán.

Báo cáo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp Để kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, bộ phận xây lắp cần lập báo cáo về tình hình sử dụng NVL tại Công ty. Nhà quản trị căn cứ vào báo cáo của các phân xưởng sản xuất tiến hành lập báo cáo về tình hình thực hiện chi phí nguyên vật liệu trực tiếp nhằm xác định mức biến động nguyên vật liệu. Từ đó xác định nguyên nhân và có biện pháp xử lý kịp thời.

Bảng 4.5: Báo cáo tình hình thực hiện chi phí NVL TT**ĐVT: đồng**

Đơn đặt hàng	Dự toán	Thực hiện	Chênh lệch	F/U
Đơn đặt hàng Z133	2.477.435.993	2.616.097.589	138.661.596	
....				
Tổng cộng				

*Ghi chú:**F: Chênh lệch có lợi**U: Chênh lệch bất lợi*

Qua Bảng báo cáo tình hình thực hiện chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chỉ ra những biến động thuận lợi hay bất lợi của nguyên vật liệu, đồng thời bộ phận quản lý có trách nhiệm giải thích nguyên nhân tác động đến sự biến động đó và đề xuất những giải pháp thích hợp để kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp một cách chặt chẽ từ khâu mua vào đến khâu sản xuất và bảo quản.

Báo cáo chi phí nhân công trực tiếp sản xuất

Công ty phải thường xuyên theo dõi về khối lượng thực hiện, chất lượng và tay nghề của công nhân nhằm đảm bảo chất lượng của sản phẩm, kế hoạch sản xuất và tránh được sự lãng phí về nguyên vật liệu do trình độ tay nghề của công nhân thấp. Công ty cần thiết lập báo cáo tình hình thực hiện chi phí nhân công trực tiếp để đánh giá sự biến động của chi phí nhân công trực tiếp, qua đó kiểm tra tính hợp lý của việc tuyển dụng và sử dụng lao động. Ngoài ra, qua Bảng báo cáo này sẽ đánh giá được việc chi trả lương cho người lao động có hiệu quả so với kế hoạch, có đảm bảo kết hợp lợi ích của xí nghiệp với lợi ích của người lao động. Từ đó tìm ra các nguyên nhân gây nên sự biến động chi phí nhân công trực tiếp để từ đó có các biện pháp kiểm soát thích hợp. Thông qua số liệu thực tế và dự toán của Công ty tháng 12/2016 tác giả lập Bảng báo cáo tình hình thực hiện chi phí nhân công trực tiếp so với dự toán như sau:

Bảng 4.6. Báo cáo tình hình thực hiện chi phí nhân công trực tiếp**Đơn vị tính: đồng**

Đơn đặt hàng	Dự toán	Thực hiện	Chênh lệch	F/U
Đơn đặt hàng Z133	279.501.116	250.864.701	-28.636.415	
.....				
Tổng cộng				

*Ghi chú:**F: Chênh lệch có lợi**U: Chênh lệch bất lợi***Báo cáo chi phí sản xuất chung**

Căn cứ vào số liệu thực tế của chi phí sản xuất chung và số liệu kế hoạch để lập báo cáo tình hình thực hiện chi phí sản xuất chung nhằm giúp nhà quản trị kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện loại chi phí này. Mỗi yếu tố có biến động đều được xem xét sự ảnh hưởng của các nhân tố từ đó tìm ra nguyên nhân của các biến động và có biện pháp quản lý thích hợp.

Bảng 4.7: Báo cáo tình hình thực hiện chi phí sản xuất chung**Đơn vị tính: đồng**

Đơn đặt hàng	Dự toán	Thực hiện	Biến động	%
Đơn đặt hàng Z133	366.930.613	380.275.292	13.344.679	24,54
...				
Tổng cộng				

Bảng phân tích chi phí sản xuất chung giúp nhà quản trị kiểm tra, đánh giá tình hình sử dụng chi phí sản xuất chung. Công ty nên lập báo cáo tình hình thực hiện chi phí sản xuất chung cụ thể theo từng đơn đặt hàng để dễ dàng kiểm soát chi phí, tạo một cách nhìn tổng quan về hoạt động sản xuất kinh doanh cơ khí của công ty.

Báo cáo so sánh giá thành thực tế và giá thành dự toán

Căn cứ vào giá thành thực tế của công trình và số liệu dự toán định mức để lập báo cáo so sánh giữa giá thành thực tế và giá thành định mức nhằm giúp nhà quản trị kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các loại chi phí phát sinh. Mỗi yếu tố có biến động đều được xem xét sự ảnh hưởng của các nhân tố từ đó tìm ra nguyên nhân của các biến động và có biện pháp quản lý thích hợp.

Bảng 4.8: Báo cáo so sánh giá thành thực tế và giá thành dự toán

Đơn vị tính: Đồng

Đơn đặt hàng	Dự toán	Thực tế	Biến động	%
Đơn đặt hàng Z133	3.123.867.722	3.247.237.582	123.369.860	3,95
...				
Tổng cộng				

Giá thành dự toán là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp, là căn cứ để so sánh, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện hạ giá thành sản phẩm của doanh nghiệp. Giá thành thực tế lại là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh kết quả phấn đấu của doanh nghiệp trong việc tổ chức và áp dụng các giải pháp đó, và cũng là cơ sở để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước. Bảng phân tích, so sánh giá thành dự toán và giá thành thực tế cho thấy đối với đơn hàng Z133 giá thành thực tế lớn hơn giá thành dự toán do vậy Công ty cần phải quản lý tốt hơn nữa chi phí NVLTT, chi phí sản xuất chung để giảm giá thành thực tế nhằm thực hiện được việc hạ giá thành sản phẩm so với dự toán đã đề ra. Qua đó cung cấp cho nhà quản trị thông tin về những nguyên nhân, giải pháp mà Công ty đã sử dụng để thực hiện từ đó có những quyết định hợp lý cho Công ty trong những kỳ sau.

Báo cáo tình hình chi phí theo cách phân loại chi phí mới

Công ty nên lập bảng phân loại chi phí theo cách phân loại mới mà tác giả đề xuất để có thể phục vụ tốt hơn cho công tác quản trị chi phí.

Bảng phân tích chi phí sản xuất theo cách phân loại chi phí gián tiếp và trực tiếp; chi phí kiểm soát được và không kiểm soát được cung cấp cho nhà quản trị những thông tin cụ thể hơn về chi phí. Giúp nhà quản trị có thể biết được chi phí nào có thể kiểm soát được, chi phí nào không thể kiểm soát được và nguyên nhân dẫn đến việc không kiểm soát được từ đó có biện pháp phù hợp hơn để kiểm soát những chi phí này.

4.3. Kiến nghị

4.3.1. Kiến nghị với Nhà nước

Một là, Nhà nước cần hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế, tài chính, hoàn thiện chế độ kế toán hiện nay sao cho vừa phù hợp với nền kinh tế thị trường trong điều kiện Việt Nam vừa phù hợp với các thông lệ, chuẩn mực kế toán quốc tế.

Đối với kế toán tài chính: đến nay luật kế toán, hệ thống chuẩn mực kế toán, thông tư hướng dẫn chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp đã được ban hành tương đối đầy đủ và cụ thể. Tuy nhiên có thể nói chuẩn mực kế toán vẫn chưa được các doanh nghiệp tuân thủ đầy đủ trong thực tế vì đa phần các chuẩn mực đều rất trừu tượng, khó hiểu. Vì vậy Nhà nước ngoài những thông tư hướng dẫn nên chăng cần ban hành những tài liệu hướng dẫn cụ thể hơn, đặc biệt có các ví dụ minh họa cụ thể để doanh nghiệp hiểu và vận dụng vào thực tế của đơn vị mình.

Đối với kế toán quản trị: Cần cho doanh nghiệp thấy được vai trò quan trọng của kế toán quản trị, đặc biệt là kế toán quản trị chi phí – giá thành, phân tích tình hình tài chính trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa hiện nay.

Hai là, cần có sự thống nhất về quan điểm, nội dung, chương trình giảng dạy về kế toán tại các trường Đại học, Cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. Cập nhật kiến thức, kinh nghiệm tổ chức kế toán của các nước phát triển vào chương trình giảng dạy nhằm cung cấp những kiến thức bổ ích cho nguồn nhân lực làm công tác kế toán trong tương lai.

Ba là, khuyến khích phát triển các dịch vụ tư vấn kế toán. Đối với các doanh nghiệp có đội ngũ kế toán chưa đủ trình độ thì việc tư vấn của các tổ chức dịch vụ là chìa khóa để doanh nghiệp tháo gỡ những vướng mắc và tổ chức công tác kế toán tốt hơn.

Bốn là, Nhà nước nên tạo điều kiện cho các doanh nghiệp liên hệ giao lưu với các doanh nghiệp của các nước trong khu vực và trên thế giới để học hỏi và tiếp thu kinh nghiệm tiên tiến của các nước về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp để từ đó nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ kế toán trong các doanh nghiệp.

4.3.2. Kiến nghị đối với doanh nghiệp

Một là, trên cơ sở hệ thống kế toán Nhà nước đã ban hành, Công ty cần căn cứ vào đặc điểm cụ thể về loại hình sản xuất kinh doanh của mình để lập quy trình thực hiện công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm cho phù hợp đồng thời phải quy định đầy đủ chức năng nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể của từng bộ phận.

Hai là, đào tạo nguồn nhân lực (đặc biệt là cán bộ kế toán). Công ty cần thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ kế toán, đồng thời cập nhật chính sách, chế độ mới cho đội ngũ kế toán. Đặc biệt, tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán nhằm nâng cao năng suất lao động trong công việc kế toán và cung cấp thông tin kế toán đầy đủ, kịp thời phục vụ cho yêu cầu quản trị của công ty.

Ba là, về vấn đề quản lý: Tăng cường hơn nữa công tác quản lý tài

chính kế toán ở từng bộ phận, phân xưởng của công ty. Định kỳ phòng kế toán của công ty phải kiểm tra quá trình tập hợp chi phí của từng phân xưởng, phòng ban. Đồng thời nhân viên kế toán phụ trách phân hành chi phí và tính giá thành sản phẩm phải thường xuyên kiểm tra đối chiếu tài liệu thực tế đảm bảo tính chính xác của số liệu.

Bốn là, về cơ sở vật chất và công cụ: Ngoài việc tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho công tác kế toán như máy tính, mạng thông tin...cần xây dựng và áp dụng một phần mềm kế toán thống nhất trong công ty. Từ đó tùy theo tình hình sản xuất và đặc thù của công ty để thiết kế các tiểu khoản, tài khoản, sổ chi tiết liên quan nhằm theo dõi chi tiết về giá vốn, trị giá hàng tồn kho... từ đó giúp cho kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành hiệu quả hơn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Với thực trạng về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Z179, đề tài đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện và khắc phục các hạn chế của mảng kế toán này. Công ty cần hoàn thiện các vấn đề sau: hoàn thiện phân loại chi phí, hoàn thiện phương pháp tổng hợp chi phí, tính giá thành; sau cùng hoàn thiện báo cáo chi phí sản xuất và tính giá thành phục vụ quản trị chi phí. Cụ thể kế toán chi phí tại công ty cần lựa chọn tiêu thức phân loại chi phí sản xuất thích hợp làm cơ sở cho việc tổng hợp chi phí tính giá thành; Hoàn chỉnh hệ thống báo cáo kiểm soát chi phí để đánh giá thành quả hoạt động của các bộ phận trong Công ty.

Hoàn thiện hệ thống kế toán chi phí và tính giá thành là cần thiết bởi tính quan trọng của nó, nhưng làm sao để phát huy hiệu quả còn phụ thuộc chính vào thái độ các cấp quản lý. Giờ đây, với các giải pháp hoàn thiện mà tác giả đưa ra là cơ sở cho Ban giám đốc Công ty trong việc kiểm soát và cắt giảm chi phí trong điều kiện gia nhập kinh tế quốc tế như hiện nay chịu áp lực cạnh tranh rất mạnh về giá.

KẾT LUẬN

Trong xu thế toàn cầu hoá, cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ, các doanh nghiệp Việt nam đứng trước yêu cầu phải nâng cao năng lực hiệu quả quản lý, tiết kiệm chi phí để tồn tại và phát triển. Kế toán chi phí và tính giá thành đóng vai trò hết sức quan trọng, ngoài việc doanh nghiệp cạnh tranh về mặt chất lượng thì chiến lược về giá cũng quyết định sự thành bại của doanh nghiệp. Điều này đòi hỏi thông tin kế toán chi phí và tính giá thành phải càng ngày càng đáng tin cậy và nhanh chóng kịp thời.

Tuy nhiên, công tác kế toán chi phí và tính giá thành tại Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Z179 hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu quản trị chi phí. Do đó hệ thống kế toán chi phí và tính giá thành tại công ty cần được khắc phục những hạn chế để đáp ứng điều kiện kinh doanh hiện nay.

Trước những yêu cầu thực tế khách quan cùng với việc áp dụng các biện pháp nghiên cứu linh hoạt, tác giả đã hoàn thành đề tài “Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp tại Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Z179” với các nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, khái quát những cơ sở lý thuyết về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phục vụ quản trị doanh nghiệp.

Thứ hai, nghiên cứu thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty, trên cơ sở đó đi sâu phân tích và đánh giá thực trạng, tìm ra những ưu điểm và hạn chế tại Công ty.

Thứ ba, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nhằm phục vụ quản trị doanh nghiệp tại Công ty

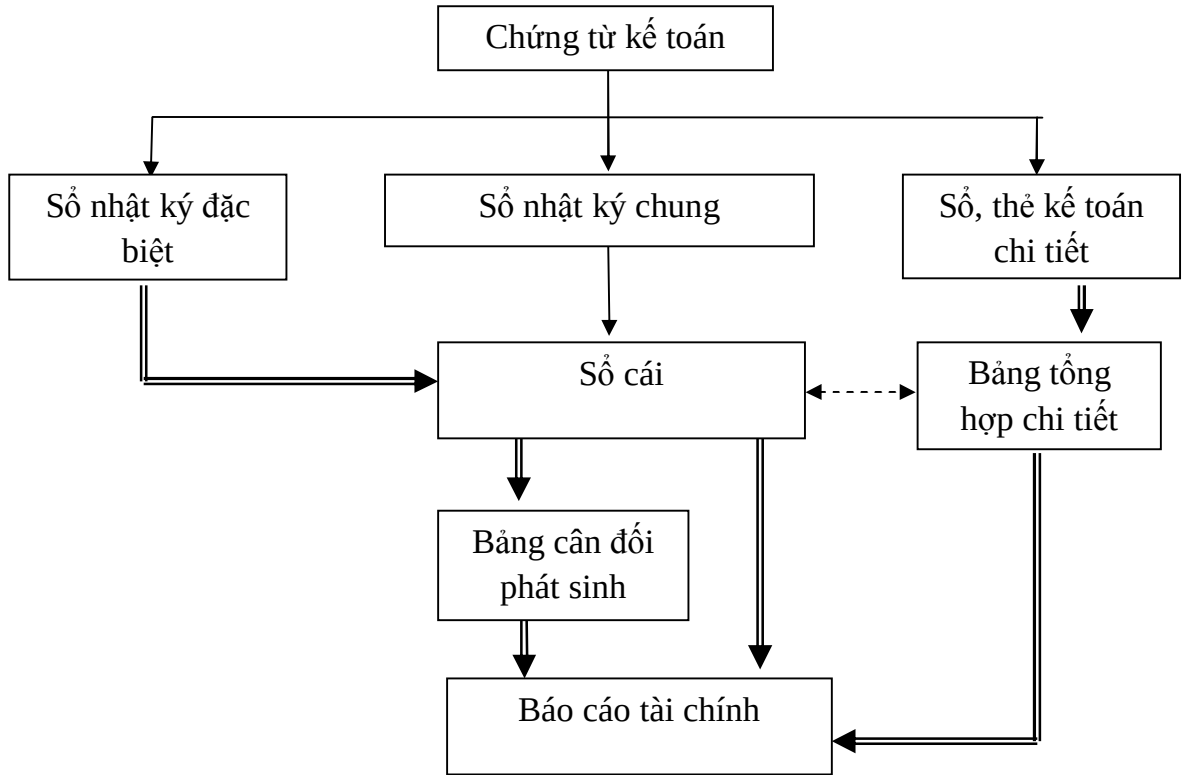
Tác giả hy vọng rằng luận văn phân nào sẽ giúp Công ty nâng cao hơn nữa chất lượng công tác kế toán chi phí và tính giá thành để thực sự trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực cho bộ máy quản trị chi phí tại Công ty.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2006), *Chế độ kế toán doanh nghiệp*, NXB Tài chính, Hà Nội.
2. Bộ Tài chính (2014), *Thông tư 200 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.
3. Học viện Tài chính (2001), *xây dựng mô hình tổ chức kế toán quản trị tư vấn ở các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong điều kiện kinh tế thị trường*, đề tài nghiên cứu khoa học PGS.TS Đào Xuân Tiên chủ nhiệm và tập thể tác giả.
4. Đại học Lao động - Xã hội (2007), *Giáo trình kế toán tài chính*, NXB Tài chính, Hà Nội.
5. Học viện Tài chính (2008), *Giáo trình kế toán quản trị*, NXB Tài chính, Hà Nội.
6. Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy (2003), *Kế toán doanh nghiệp theo luật kế toán mới*, NXB Thống kê, Hà Nội.
7. Nội dung và hướng dẫn 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính.
8. Võ Văn Nhị (2010), *Kế toán doanh nghiệp*, NXB Tài chính.
9. Tài liệu, hệ thống sổ kế toán và Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Z179
10. Một số luận văn thạc sỹ Trường Đại học Lao động – Xã hội
11. Một số trang web, diễn đàn kế toán

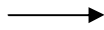
PHỤ LỤC

Sơ đồ 3.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

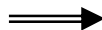


Ghi chú

Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:



Quan hệ đối chiếu kiểm tra:



Phụ lục 01

Đơn vị: Công ty TNHH một thành viên Cơ Khí Z179

Địa chỉ: Km 12, quốc lộ 1A, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Hà Nội

GIẤY ĐỀ NGHỊ CUNG ỨNG VẬT TƯ

Ngày 01 tháng 12 năm 2016

Kính gửi: - **Công ty TNHH một thành viên Cơ Khí Z179**

- **Phòng Kỹ thuật vật tư**

Họ và tên : Nguyễn Văn Lợi

Bộ phận công tác: Phân xưởng Bánh răng côn

Phân xưởng Hưng Lợi đề nghị ban lãnh đạo công ty cấp duyệt các loại vật tư sau để thi công công trình.

Số TT	Chủng loại	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thép 18TTX	Kg	5 600	

Ngày 01 tháng 12 năm 2016

Người đề nghị
(Đã ký)

Phòng kỹ thuật
(Đã ký)

Giám đốc duyệt
(Đã ký)

Phụ lục 02

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Cơ Khí Z179
Địa chỉ: Km 12, QL1A, Xã Tứ Hiệp, Thanh Trì, HN

Mẫu số 01 - VT

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-

BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ

trưởng BTC

PHIẾU NHẬP KHO

Số :154

Họ tên người giao: Lê Xuân Hưng

Nhập tại kho: kho công ty

STT	Tên quy cách,nhãn hiệu, phẩm chất vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Thép 18TTX		Kg	5.600	5.600	32.662	182.907.200
	Tổng cộng						182.907.200

(Bằng chữ: Một trăm tám hai triệu chín trăm linh bảy nghìn hai trăm đồng)

Ngày 01 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu*(Đã ký)***Người giao hàng***(Đã ký)***Thủ kho***(Đã ký)***Kế toán trưởng***(Đã ký)***Giám đốc***(Đã ký)*

Phụ lục 03

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Cơ Khí Z179
Địa chỉ: Km 12, QL1A, Xã Tứ Hiệp, Thanh Trì, HN

Mẫu số 02 – VT
Ban hành theo TT số
200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Nợ TK 621

Số : 46

Có TK 152

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Thảo My

Lý do xuất kho: Phục vụ sản xuất

Xuất tại kho: kho công ty

STT	Tên quy cách,nhãn hiệu, phẩm chất vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép 18TTX		Kg	600	600	32.662	19.597.200
	Tổng cộng						19.597.200

(Bằng chữ: Mười chín triệu năm trăm chín bảy nghìn hai trăm đồng).

Ngày 04 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc

Phụ lục 12: Hóa đơn GTGT:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 31 tháng 12 năm 2016				Mẫu số: 01 GTKT- 3LL GU/2011B 0000256	
Họ tên người bán hàng: Công ty TNHH MTV xăng dầu KV1 Mã số thuế: 0101780863 Địa chỉ: Số 4 Nguyễn An Ninh, Hai Bà Trưng Hà Nội Số tài khoản: 010210000459258 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Đông Đô Điện thoại: 043. 45830945					
Họ tên người mua hàng: Hoàng Anh Tú Tên đơn vị: Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Z179 Mã số thuế: 0105382003 Địa chỉ: Km 12, quốc lộ 1A, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Hà Nội Số tài khoản: 102010000638032 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam – Chi nhánh Nam Hà Nội Hình thức thanh toán: TM					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Dầu Diesel	Lít		130.000.000	3.749.600
Cộng tiền hàng :					3.749.600
Thuế suất GTGT:			10%	Tiền thuế GTGT:	374.960
Tổng cộng tiền thanh toán:					4.124.560
Số tiền viết bằng chữ: bốn triệu một trăm hai mươi tư nghìn, năm trăm sáu mươi đồng./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Phụ lục 13: Phiếu Chi

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Cơ Khí Z179
Địa chỉ: Km 12, QL1A, Xã Tứ Hiệp, Thanh Trì, HN

Mẫu số 02 –TT
Ban hành theo TT số 200/2014/TT-
BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng
BTC

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Quyển số: 12

Số: 25489

TK Nợ: 627, 133

TK Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Lê Thùy Linh

Địa chỉ : Công ty TNHH MTV xăng dầu KV1 - Số 4 Nguyễn An Ninh,
Hai Bà Trưng, Hà Nội

Lý do chi: Thanh toán tiền mua dầu Diesel

Số tiền: 4.124.560đ (viết bằng chữ: bốn triệu một trăm hai mươi tư
nghìn năm trăm sáu mươi đồng)

Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): bốn triệu một trăm hai mươi tư nghìn năm
trăm sáu mươi đồng

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Phu lục 04

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Cơ Khí Z179
Địa chỉ: Km 12, QL1A, Xã Tứ Hiệp, Thanh Trì, HN

Mẫu số S03a -DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày: 31/03/2016 (Trích)

Đơn vị tính: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	SHTK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				48.090.098.182	48.090.098.182
01/12/2016	PC 1615	01/12/2016	Thanh toán tiền chi phí kiểm định máy và thiết bị VT	√	01	6278	2.400.000	
			Thuế GTGT khấu trừ	√	02	1331	2 40.000	
			Thanh toán tiền chi phí kiểm định máy và thiết bị VT	√	03	1111		2 .640.000
01/12/2016	PN 154, HĐ00198212	01/03/2017	Nhập thép 18TTX của Công ty TNHH Thép Mạnh Hoa	√	04	152	182.907.200	
			Thuế GTGT	√	05	1331	18.290.720	
			Nhập thép 18TTX của Công ty TNHH Thép Mạnh Hoa	√	06	331		201.197.920
...	...	...		√		...		
04/12/2016	PXK 46		Xuất vật tư cho sản xuất bánh răng côn xoắn (PX bánh răng côn)	√	04	621	19.597.200	
			Xuất vật tư cho sản xuất bánh răng côn xoắn (PX bánh răng côn)	√	05	152		19.597.200
								
			Tổng cộng				147.374.595.821	147 374 595 821

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12.. năm ...2016..
GIÁM ĐỐC CÔNG TY
(Ký, họ tên)

Phu lục 05

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Cơ Khí Z179
Địa chỉ: Km 12, QL1A, Xã Tứ Hiệp, Thanh Trì, HN

Mẫu số 38 – DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản: 621 – Phân xưởng bánh răng côn
Từ ngày: 01/12/2016 đến ngày: 31/12/2016

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
							56.891.988	
04/12/2016	PX46	04/12/2016	Xuất vật tư cho sản xuất đơn hàng Z133	152	19.597.200		76.489.188	
.....							123.099.019	
06/12/2016	PX59	06/12/2016	Xuất vật tư cho sản xuất đơn hàng TMT	152	80.600.669		203.699.688	
			...				1.412.709.687	
31/12/2016	PKT 119	31/12/2016	K/c chi phí tính giá thành SP đơn hàng Z133	154		448.108.570		964.601.025
31/12/2016	PKT 119	31/12/2016	K/c chi phí tính giá thành SP đơn hàng TMT	154		964.601.025		
			Cộng số phát sinh		1.412.709.595	1.412.709.595		
			Số dư cuối kỳ					

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Ngày ...31.. tháng ...12.. năm ...2016.
GIÁM ĐỐC CÔNG TY
(Ký, họ tên)

Phụ lục 06

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Cơ Khí Z179
Địa chỉ: Km 12, QL1A, Xã Tứ Hiệp, Thanh Trì, HN

Mẫu số S03b – DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
Từ ngày: 01/12/2016 đến ngày: 31/12/2016

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/u	Số phát sinh	
	SH	NT		Trang	STT		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
			...					
04/12/2016	PX46	04/12/2016	Xuất vật tư cho sản xuất đơn hàng Z133	231	04	152	19.597.200	
04/12/2016	PX 47	04/12/2016	Xuất vật tư cho sản xuất đơn hàng XCT	231	11	152	9.617.965	
								
06/12/2016	PX 59	06/12/2016	Xuất vật tư cho sản xuất đơn hàng TMT	233	02	152	80.600.669	
								
31/12/2016	PKT119	31/12/2016	K/c chi phí tính giá thành SP đơn hàng Z133	312	14	154		448.108.570
31/12/2016	PKT119	31/12/2016	K/c chi phí tính giá thành SP đơn hàng MCM	312	15	154		16.812.111
31/12/2016	PKT 119	31/12/2016	K/c chi phí tính giá thành SP đơn hàng TMT	312	16	154		964.601.025
31/12/2016	PKT 119	31/12/2016	K/c chi phí tính giá thành SP đơn hàng XCT	312	17	154		36.189.844
								
			Cộng số phát sinh				2.465.711.550	2.465.711.550
			Số dư cuối kỳ					

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
GIÁM ĐỐC CÔNG TY
(Ký, họ tên)

Phụ lục 07

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Cơ Khí Z179

Địa chỉ: Km 12, QL1A, Xã Tứ Hiệp, Thanh Trì, HN

Mẫu số 01-LĐTL

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC Ngày

22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 12 năm 2016

Phân xưởng: Bánh răng côn

STT	Họ và tên	Cấp bậc lương	Ngày trong tháng																Tổng số ngày công
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	...	...	27	28	29	30		
1	Đoàn Ngọc Tú		X	x	x	0	x	x	x	x	X	...	...	x	x	x	x	26	
2	Lê Văn Đàn		X	x	x	X	x	x	x	x	X	...	...	x	x	x	x	30	
3	Bùi Đình Cường		X	x	x	X	x	x	x	x	X	...	...	x	x	x	x	30	
4	Bùi Khắc Việt		X	x	x	0	x	x	x	x	X	...	...	x	x	x	x	28	
5	Nguyễn Văn Đắc		X	x	x	X	x	x	x	x	X	...	...	x	x	x	x	27	
..			...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...		
11	Nguyễn Văn Hoàng		X	x	x	0	x	x	x	x	x	...	...	0	x	x	x	24	

Người chấm công

Phụ Trách bộ phận

Chỉ huy phân xưởng

Phụ lục 08

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Cơ Khí Z179
Địa chỉ: Km 12, QL1A, Xã Tứ Hiệp, Thanh Trì, HN

Mẫu số S38 – DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 622 - Chi phí nhân công trực tiếp phân xưởng bánh răng côn

Từ ngày: 01/12/2016 đến ngày: 31/12/2016

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/w	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
31/12/2/16	PKT120	31/12/2/16	Tiền lương công nhân SX TT đơn hàng Z133	334	42.553.000		42.553.000	
31/12/2016	PKT125	31/12/2016	KPCĐ công nhân SX TT đơn hàng Z133	3382	851.060		43.404.060	
31/12/2016	PKT125	31/12/2016	BHXX công nhân SX TT đơn hàng Z133	3383	7.659.540		51.063.600	
31/12/2016	PKT125	31/12/2016	BHYT công nhân SX TT đơn hàng Z133	3384	1.276.590		52.340.160	
31/12/2016	PKT125	31/12/2016	BHTN công nhân SX TT đơn hàng Z133		425.530		52.765.690	
31/12/2016	PKT129	31/12/2016	Tiền lương CNSX TT đơn hàng TMT	334	80.919.700		133.685.390	
							209.491.355	
31/12/2016	PKT 131	31/12/2016	K/c chi phí tính giá thành SP đơn hàng Z133	154		52.765.720		156.725.635
31/12/2016	PKT 131	31/12/2016	K/c chi phí tính giá thành SP đơn hàng TMT	154		156.725.635		
			Cộng số phát sinh		209.491.355	209.491.355		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
GIÁM ĐỐC CÔNG TY
(Ký, họ tên)

Phụ lục 09**Đơn vị:** Công ty TNHH MTV Cơ Khí Z179**Địa chỉ:** Km 12, QL1A, Xã Tứ Hiệp, Thanh Trì, HN**Mẫu số S03b – DN**

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC Ngày

22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 622 - Chi phí nhân công trực tiếp

Từ ngày: 01/12/2016 đến ngày: 31/12/2016

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số phát sinh	
	Ngày	Số		Trang	STT		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
31/12/2/16	PKT120	31/12/2/16	Tiền lương công nhân SX TT đơn hàng Z133	235	01	334	42.553.000	
31/12/2016	PKT125	31/12/2016	KPCĐ công nhân SX TT đơn hàng Z133	235	02	3382	851.060	
31/12/2016	PKT125	31/12/2016	BHXX công nhân SX TT đơn hàng Z133	235	03	3383	7.659.540	
31/12/2016	PKT125	31/12/2016	BHYT công nhân SX TT đơn hàng Z133	235	04	3384	1.276.590	
31/12/2016	PKT125	31/12/2016	BHTN công nhân SX TT đơn hàng Z133	235	05		425.530	
31/12/2016	PKT129	31/12/2016	Tiền lương CNSX TT đơn hàng TMT	235	06	334	80.919.700	
.....								
31/12/2016	PKT 130	31/12/2016	Lương nhân công TTSX đơn hàng TXM	235	17	334	45.992.895	
31/12/2016	PKT 131	31/12/2016	K/c chi phí tính giá thành SP đơn hàng Z133	236	09	154		52.765.720
31/12/2016	PKT 131	31/12/2016	K/c chi phí tính giá thành SP đơn hàng TMT	236	10	154		156.725.635
								
			Cộng số phát sinh				755.056.423	755.056.423
			Số dư cuối kỳ					

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

(Ký, họ tên)

Phụ lục 10:

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Cơ Khí Z179
Địa chỉ: Km 12, QL1A, Xã Tứ Hiệp, Thanh Trì, HN

Mẫu số 02 – VT
Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Nợ TK 627

Số : 123

Có TK 152

Họ tên người nhận hàng: Phân xưởng bánh răng côn

Lý do xuất kho: Phục vụ sản xuất

Xuất tại kho: kho công ty

STT	Tên quy cách,nhãn hiệu, phẩm chất vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Dầu Vanell C350		lít	451	451	44.453,43	20.046.202
	Tổng cộng						20.046.202

(Bằng chữ: một trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm hai ba đồng).

Ngày 28 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc

Phụ lục 11

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Cơ Khí Z179
Địa chỉ: Km 12, QL1A, Xã Tứ Hiệp, Thanh Trì, HN

Mẫu số S38 – DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 627 - Chi phí sản xuất chung - Phân xưởng bánh răng côn

Từ ngày: 01/12/2016 đến ngày: 31/12/2016

0

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
								
28/12/2016	PXK123	28/12/2016	Xuất dầu cho PX bánh răng côn	152	20.046.202		110.046.202	
								
31/12/2016	PKT134	31/12/2016	Khấu hao nhà xưởng – PX bánh răng côn	214	39.159.400		160.080.101	
31/12/2016	PKT134	31/12/2016	Khấu hao phương tiện vận tải T12/2016	214	1.228.600		161.308.701	
31/12/2016	PKT134	31/12/2016	Khấu hao máy móc thiết bị T12/2016	214	3.587.600		164.896.301	
							283.975.600	
31/12/2016	PKT136	31/12/2016	K/c chi phí tính giá thành SP đơn hàng Z133	154		90.076.475		193.899.125
31/12/2016	PKT136	31/12/2016	K/c chi phí tính giá thành SP đơn hàng TMT	154		193.899.125		
			Cộng số phát sinh		283.975.600	283.975.600		
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC CÔNG TY
(Ký, họ tên)

Phụ lục 14**Đơn vị:** Công ty TNHH MTV Cơ Khí Z179**Địa chỉ:** Km 12, QL1A, Xã Tứ Hiệp, Thanh Trì, HN**Mẫu số S03b – DN**Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ trưởng BTC**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 627 - Chi phí sản xuất chung

Từ ngày: 01/12/2016 đến ngày: 31/12/2016

	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/ư	Số phát sinh	
	Ngày	Số		Trang	STT		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
01/12/2016	PC615	01/12/2016	Mua dầu Diesel dùng cho phân xưởng phụ tùng	210	11	111	3.749.600	
								
28/12/2016	PXK123	28/12/2016	Xuất dầu cho PX bánh răng côn	233	09	152	20.046.202	
31/12/2016	PKT134	31/12/2016	Khấu hao nhà xưởng – PX bánh răng côn	236	03	214	39.159.400	
31/12/2016	PKT134	31/12/2016	Khấu hao phương tiện vận tải T12/2016	236	04	214	1.228.600	
31/12/2016	PKT134	31/12/2016	Khấu hao máy móc thiết bị T12/2016	236	05	214	3.587.600	
.....								
31/12/2016	PKT136	31/12/2016	K/c chi phí tính giá thành SP đơn hàng Z133	238	16	154		90.076.475
31/12/2016	PKT136	31/12/2016	K/c chi phí tính giá thành SP đơn hàng TMT	238	17	154		193.899.125
			Cộng số phát sinh				710.007.582	710.007.582
			Số dư cuối kỳ					

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)Ngày 31 tháng 12 năm 2016
GIÁM ĐỐC CÔNG TY
(Ký, họ tên)

Phụ lục 15**Đơn vị:** Công ty TNHH MTV Cơ Khí Z179**Địa chỉ:** Km 12, QL1A, Xã Tứ Hiệp, Thanh Trì, HN**Mẫu số S38 – DN**

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC Ngày

22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 154 - Chi phí SXKD dở dang đơn hàng Z133

Từ ngày: 01/12/2016 đến ngày: 31/12/2016

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/u	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		2.167.989.019			
			Số phát sinh trong kỳ					
31/12/2016	PKT 141	31/12/2016	Kết chuyển CP SX tính giá thành đơn hàng Z133	621	448.108.570			2.746.363.292
31/12/2016	PKT 141	31/12/2016	Kết chuyển CP SX tính giá thành đơn hàng Z133	622	52.765.720			3.194.471.862
31/12/2016	PKT 141	31/12/2016	Kết chuyển CP SX tính giá thành đơn hàng Z133	627	90.076.475			3.247.237.582
31/12/2016	PNK612	31/12/2016	Nhập kho thành phẩm đơn hàng Z133			3.247.237.582		
			Cộng số phát sinh		3.247.237.582	3.247.237.582		
			Số dư cuối kỳ					

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)Ngày 31 tháng 12 năm 2016
GIÁM ĐỐC CÔNG TY
(Ký, họ tên)

Phụ lục 16**Đơn vị:** Công ty TNHH MTV Cơ Khí Z179**Địa chỉ:** Km 12, QL1A, Xã Tứ Hiệp, Thanh Trì, HN**Mẫu số S03b – DN**Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ trưởng BTC**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Từ ngày: 01/12/2016 đến ngày: 31/12/2016

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đ/u	Số phát sinh	
	Ngày	Số		Trang	STT		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				10.149 761 500	
			Số phát sinh trong kỳ					
31/12/2016	PKT 141	31/12/2016	Kết chuyển CP SX tính giá thành đơn hàng Z133	238	11	621	448.108.570	
31/12/2016	PKT 141	31/12/2016	Kết chuyển CP SX tính giá thành đơn hàng Z133	238	12	622	52.765.720	
31/12/2016	PKT 141	31/12/2016	Kết chuyển CP SX tính giá thành đơn hàng Z133	238	13	627	90.076.475	
31/12/2016	PNK612	31/12/2016	Nhập kho thành phẩm đơn hàng Z133	238	14			3.247.237.582
31/12/2016	PKT 141	31/12/2016	Kết chuyển CP SX tính giá thành đơn hàng TMT	238	15	621	1.267.019.917	
31/12/2016	PKT 141	31/12/2016	Kết chuyển CP SX tính giá thành đơn hàng TMT	238	16	622	154.091.182	
31/12/2016	PKT 141	31/12/2016	Kết chuyển CP SX tính giá thành đơn hàng TMT	238	17	627	172.098.019	
								
			Cộng số phát sinh				13.930. 775.555	13.910.368.555
			Số dư cuối kỳ				4.170. 168.500	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)GIÁM ĐỐC CÔNG TY
(Ký, họ tên)

Phụ lục 17: Bảng tính giá thành sản phẩm tháng 12/2016 – Đơn đặt hàng Z133

Chỉ tiêu	CP SX DD đầu kỳ	CP SXPS trong kì	CP SX DD cuối kỳ	Tổng giá thành	Giá đơn vị
Chi phí NVL TT	2.167.989.019	448.108.570	0	2.616.097.589	532.220
Chi phí NCTT	198.098.981	52.765.720		250.864.701	50.173
Chi phí SX chung	290.198.817	90.076.475		380.275.292	76.055
Tổng cộng	2.656.286.817	590.950.765		3.247.237.582	658.448